

CẨM NANG C/O
GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

C/O

CẨM NANG VỀ

1

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**CẨM NANG C/O
GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ**

HÀ NỘI – 2011

Thư của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI



Việt Nam đang trên con đường hội nhập quốc tế, nước ta đã tham gia đầy đủ định chế kinh tế toàn cầu, chúng ta đã gia nhập WTO, tham gia các Hiệp định thương mại tự do ASEAN với các nước.

Khai thác chính sách ưu đãi thuế quan của các nước dành cho Việt Nam là mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp xuất khẩu. Để giúp các doanh nghiệp hiểu rõ về C/O, VCCI xin giới thiệu cuốn sách “**Cẩm nang C/O**”. Cuốn sách này tập hợp những vướng mắc thường gặp của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ ưu đãi theo Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), các Hiệp định Thương mại tự do được ký giữa Việt Nam và các nước, quy trình, trình tự, thủ tục cấp C/O, hướng dẫn cách khai các mẫu C/O...

Với những thông tin thiết thực được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, thuận tiện cho các

C/O

CÔNG MANG VỀ

3

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

doanh nghiệp sử dụng, chúng tôi tin rằng đây sẽ là cuốn sách chuyên môn bổ ích, cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Chúc các bạn thành công !

MỞ ĐẦU

Xác định xuất xứ là một khái niệm cần thiết và quan trọng của hệ thống thương mại đa phương. Có nhiều lý do giải thích tại sao các quốc gia cần gắn nước xuất xứ cho hàng hoá. Một trong những lý do đó là sự phù hợp với các nguyên tắc cơ bản không phân biệt và mở cửa của hệ thống thương mại, một số lý do khác được dựa trên các khái niệm hẹp hơn về lợi ích thương mại nội địa. Dù vì bất cứ lý do gì, kiến thức chuyên môn và việc sử dụng quy tắc xuất xứ đã tạo thành một yêu cầu cần thiết cho các chuyên gia về chính sách thương mại để hoạt động trong hệ thống thương mại đa phương.

Các nguyên nhân sau đây là một số lý do lý giải tại sao các quốc gia quan tâm đến việc xây dựng hệ thống quy tắc cho việc xác định xuất xứ hàng hoá và tại sao các quốc gia muốn biết xuất xứ của hàng hoá.

- Thuế quan ưu đãi. Chính sách thương mại của các quốc gia và các thoả thuận thương mại khu vực cụ thể đôi lúc có sự phân biệt. Xác định được xuất xứ của hàng hoá khiến có thể phân biệt đâu là hàng nhập khẩu được hưởng ưu đãi để áp dụng chế độ ưu đãi theo các thoả thuận thương mại đặc biệt như trong các khu vực thương mại:

- Áp dụng thuế chống phá giá và trợ giá. Trong các trường hợp khi hàng hóa của một nước được phá giá tại thị trường nước khác, việc xác định được xuất xứ khiến các hành

động chống phá giá và việc áp dụng thuế chống trợ giá trở nên khả thi;

- Thống kê thương mại và duy trì hệ thống hạn ngạch. Việc xác định xuất xứ khiến việc biên soạn các số liệu thống kê thương mại và các xu hướng hoặc đối với một nước hoặc đối với một khu vực dễ dàng hơn. Trên cơ sở các số liệu thương mại xuất bản đáng tin cậy, các cơ quan thương mại mới có thể duy trì hệ thống hạn ngạch, trong trường hợp hệ thống này tồn tại. Các hạn ngạch có thể được áp dụng vì nhiều lý do, từ mục đích bảo vệ thương mại đến các lý do bảo vệ môi trường.

- Xúc tiến thương mại. Quy tắc xuất xứ được sử dụng để đẩy mạnh hàng xuất khẩu từ những nước đã thiết lập một truyền thống tốt đẹp về những lĩnh vực cụ thể. Trong những trường hợp này, các quốc gia trở nên rất tích cực bảo vệ tên hiệu thương mại và chống lại việc làm giả tên hiệu này, sử dụng sai hoặc lợi dụng bởi các nước khác để tăng lượng bán hàng của họ.

- Các nguyên nhân môi trường. Các yêu cầu về ký hiệu, bản thân chúng là kết quả của việc áp dụng quy tắc xác định xuất xứ, được sử dụng vì những lý do môi trường. Một số trong số đó tăng cường các mục tiêu môi trường. Số khác hiện theo đuổi việc sử dụng và lạm dụng quy tắc xuất xứ nhằm mục đích chôn phế thải độc hại hoặc khai thác kiệt quệ và bằng cách đó làm tuyệt chủng các loài thực vật và động vật.

- Lẩn tránh. Mặc dù là không hợp pháp và là một thực tiễn thương mại không công bằng, một số nước, khi cố tránh bị áp dụng hạn ngạch, đã sử dụng và lạm dụng quy tắc xuất xứ để đưa ô ạt và bán phá giá hàng hoá tại thị trường các nước khác.

Hiện tại, trên thế giới đang có nhiều chế độ ưu đãi thuế quan của các quốc gia hoặc khối khu vực kinh tế. Để xác định xuất xứ hàng hoá nhằm áp dụng các chế độ này, một trong những cơ sở để xác định nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá là Giấy Chứng Nhận Xuất Xứ. Tùy vào từng quốc gia, khối kinh tế khu vực, hoặc chính sách thương mại cụ thể mà có nhiều loại Giấy chứng nhận Xuất Xứ khác nhau, sau đây làm một số ví dụ:

Giấy Chứng nhận xuất xứ Mẫu A:

- Là loại C/O đặc trưng, được cấp theo Quy tắc ưu đãi phổ cập (GSP) của các nước có tên ở mặt sau Mẫu . Có C/O này hàng hoá xuất khẩu sẽ được hưởng mức thuế ưu đãi GSP của nước nhập khẩu.

- Chỉ được cấp khi hàng hoá được xuất khẩu sang một trong những nước được ghi ở mặt sau mẫu A và nước này đã cho Việt Nam được hưởng ưu đãi từ GSP; và khi hàng hoá đáp ứng các tiêu chuẩn xuất xứ do nước này quy định.

- VCCI không cấp Mẫu A cho mặt hàng giày dép xuất khẩu sang EU.

Giấy Chứng nhận xuất xứ C/O Mẫu B:

- Loại C/O cấp cho hàng hoá xuất xứ tại Việt Nam xuất khẩu sang các nước khác trên thế giới trong các trường hợp sau:

+ Nước nhập khẩu không có chế độ ưu đãi GSP.

+ Nước nhập khẩu có chế độ GSP nhưng không cho Việt Nam hưởng

+ Nước nhập khẩu có chế độ ưu đãi GSP và cho Việt Nam hưởng ưu đãi từ chế độ này nhưng hàng hoá xuất khẩu không đáp ứng các tiêu chuẩn do chế độ này đặt ra.

Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng cà phê:

- Là loại C/O theo quy định của Tổ chức Cà phê Thế giới (ICO).

- Chỉ cấp cho mặt hàng cà phê.

- Mẫu C/O hàng cà phê luôn được cấp kèm với Mẫu A hoặc Mẫu B.

Giấy Chứng nhận xuất xứ Mẫu D, S, E, AK, AJ, VJ, AANZFTA, AI

- Là loại C/O cấp theo Hiệp định thương mại tự do ASEAN và các nước.

- Ví dụ C/O mẫu D chỉ cấp cho hàng hoá xuất khẩu từ một nước thành viên của ASEAN sang một nước thành viên ASEAN khác.

Cuốn sách này được thực hiện nhằm giải đáp những vướng mắc thường gặp của Doanh nghiệp trong quá trình tìm hiểu và đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) ưu đãi và không ưu đãi.

Bên cạnh đó còn giúp Doanh nghiệp tìm hiểu thêm về chế độ ưu đãi thuế quan phổ biến nhất được các nước phát triển áp dụng cho hàng hoá xuất xứ từ những nước đang hoặc kém phát triển. Đó là Quy tắc ưu đãi phổ cập

(Generalized System of Preferences) - một Quy tắc ưu đãi được nhiều nước trên thế giới tham gia và ủng hộ.

Các từ viết tắt

ACFTA : Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc

C/O

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

AFTA	:	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
AJCEP	:	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản
VJEPA	:	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam-Nhật Bản
AKFTA	:	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Hàn Quốc
ASEAN	:	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	:	Hiệp định hàng hoá ASEAN
CEPT	:	Chương trình thuế quan có hiệu lực chung của ASEAN
FTA	:	Khu vực thương mại tự do
HS	:	Hệ thống điều hoà mô tả và mã hoá hàng hoá của Tổ chức Hải quan thế giới
AIFTA	:	Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ
AANZ	:	Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN – Úc – Niu di lan

MFN	:	Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi
RVC	:	Hàm lượng giá trị khu vực
CTC	:	Thay đổi mã số hàng hóa
CC	:	Chuyển đổi chương
CTH	:	Chuyển đổi nhóm
CTSH	:	Chuyển đổi phân nhóm
SP	:	Công đoạn gia công chế biến cụ thể
PSR	:	Quy tắc cụ thể mặt hàng
ROO	:	Quy tắc xuất xứ
OCP	:	Quy tắc thủ tục cấp và chứng nhận xuất xứ
C/O	:	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
FOB	:	Trị giá xuất khẩu hàng hóa tính đến thời điểm hàng đã được giao qua lan can tàu
GSP	:	Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập

**CÁC VƯỚNG MẮC CỦA DOANH NGHIỆP VỀ VIỆC
XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ
(C/O)**

** Tôi là doanh nghiệp trên lĩnh vực xuất nhập khẩu, tôi chưa biết gì về việc cấp C/O, vậy với những Doanh nghiệp lần đầu tiên xin cấp C/O như tôi thì phải làm những thủ tục gì?*

Trả lời:

Với những Doanh nghiệp lần đầu tiên xin cấp C/O, Doanh nghiệp cần:

Lập bộ Hồ sơ thương nhân nộp cho Tổ cấp C/O

Hồ sơ thương nhân gồm những giấy tờ sau:

- Hồ sơ doanh nghiệp đề nghị cấp C/O
- Đăng ký mẫu chữ ký của Người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân
- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân (bản sao có dấu sao y bản chính);
- Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (bản sao có dấu sao y bản chính);

b) Mọi sự thay đổi trong Hồ sơ thương nhân phải được thông báo kịp thời cho Tổ chức cấp C/O nơi liên hệ để được cấp C/O. Hồ sơ thương nhân phải được cập nhật hai (02) năm một lần;

c) Thương nhân đề nghị cấp C/O chỉ được xem xét giải quyết việc cấp C/O tại nơi đã đăng ký Hồ sơ thương nhân;

d) Các trường hợp trước đây đã xin cấp C/O nhưng chưa đăng ký Hồ sơ thương nhân phải được thực hiện trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày Thông tư số:07/2006/TT-BTM có hiệu lực.

Mẫu hồ sơ thương nhân doanh nghiệp có thể lấy trên trang web <http://www.covcci.com.vn>

**** Như vậy, một bộ hồ sơ xin cấp C/O đầy đủ sẽ gồm những giấy tờ gì?***

Trả lời:

a) Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp C/O đã được khai hoàn chỉnh, hợp lệ

- Mẫu C/O đã được khai hoàn chỉnh bao gồm một (01) bản gốc và ba (03) bản sao. Bản gốc và một bản sao sẽ được Người xuất khẩu gửi cho Người nhập khẩu để nộp cho cơ quan hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu. Bản sao thứ hai sẽ do Tổ chức cấp C/O lưu. Bản sao còn lại sẽ do Người xuất khẩu giữ. Trong trường hợp do yêu cầu của

nước nhập khẩu, Người đề nghị cấp C/O có thể đề nghị Tổ chức cấp C/O cấp nhiều hơn ba (03) bản sao của C/O;

- Tờ khai hải quan xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan (bản sao có chữ ký của người có thẩm quyền và dấu “sao y bản chính“), trừ các trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo tờ khai hải quan xuất khẩu theo qui định của pháp luật. Trong trường hợp có lý do chính đáng Người đề nghị cấp C/O có thể nộp sau chứng từ này nhưng không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày cấp C/O;

b) Nếu xét thấy cần thiết, Tổ chức cấp C/O có thể yêu cầu Người đề nghị cấp C/O cung cấp thêm các chứng từ liên quan đến sản phẩm xuất khẩu như: Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên, phụ liệu; giấy phép xuất khẩu; hợp đồng mua bán; hóa đơn giá trị gia tăng mua bán nguyên phụ liệu trong nước; mẫu nguyên, phụ liệu hoặc sản phẩm xuất khẩu; vận đơn đường biển; vận đơn đường không và các chứng từ khác để chứng minh xuất xứ của sản phẩm xuất khẩu;

c) Đối với các doanh nghiệp tham gia eCOSys, mọi chứng từ sẽ được thương nhân ký điện tử và truyền tự động tới các Tổ chức cấp C/O. Các Tổ chức cấp C/O căn cứ vào hồ sơ trên mạng để kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và cấp C/O cho thương nhân khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ bằng giấy.

**** Tôi đã nộp Bộ hồ sơ xin cấp C/O đầy đủ, vậy tôi sẽ phải chờ bao lâu để có thể xin được C/O ?***

Trả lời:

a) Thời hạn cấp C/O không quá ba (03) ngày làm việc kể từ thời điểm Người đề nghị cấp C/O nộp Bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;

b) Trong trường hợp cần thiết, Tổ chức cấp C/O cũng có thể tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất nếu thấy rằng việc kiểm tra trên Bộ hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp C/O hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các C/O đã cấp trước đó. Kết quả kiểm tra này phải được ghi biên bản. Biên bản phải được cán bộ kiểm tra, Người đề nghị cấp C/O và/hoặc Người xuất khẩu ký. Trong trường hợp Người đề nghị cấp C/O và/hoặc Người xuất khẩu không ký vào biên bản, cán bộ kiểm tra sẽ ký xác nhận sau khi nêu rõ lý do. Thời hạn cấp C/O đối với trường hợp này không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Người đề nghị cấp nộp Bộ hồ sơ đầy đủ;

c) Trong mọi trường hợp, thời hạn xác minh không được làm cản trở việc giao hàng hoặc thanh toán của Người xuất khẩu, trừ khi ảnh hưởng này do lỗi của Người xuất khẩu.

**** Liệu tôi có thể xuất khẩu hàng đi trước rồi mới xin C/O cho lô hàng đó được không ?***

Trả lời:

Được. Trong những trường hợp ngoại lệ khi C/O cấp C/O không được cấp vào thời điểm xuất khẩu do sai sót của cán bộ hoặc vì các trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do xác đáng của Người đề nghị cấp C/O, C/O có thể được cấp sau và có giá trị hiệu lực tính từ thời điểm giao hàng nhưng không vượt quá một (01) năm tính từ ngày giao hàng đến ngày cấp thực tế và phải ghi rõ: “ISSUED

RETROACTIVELY” (cấp sau và có hiệu lực từ khi giao hàng) lên C/O.

**** Liệu tôi có thể được cấp lại bộ C/O mà tôi đã được tổ chức cấp C/O cấp cho trước đó ?***

Trả lời:

Có. Doanh nghiệp sẽ được cấp lại C/O đã xin trước đó trong những trường hợp sau :

a) Trong trường hợp C/O bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng, Người đề nghị cấp C/O muốn đề nghị cấp lại phải có đơn đề nghị gửi cho chính tổ chức đã cấp C/O, nêu rõ lý do đề nghị cấp lại, nộp Bộ hồ sơ, C/O bản gốc và các bản sao (nếu có). Bản C/O cấp lại này sẽ lấy số và ngày của C/O cũ và đóng dấu « CERTIFIED TRUE COPY ». Bản C/O cấp lại này phải được cấp không quá một (01) năm kể từ ngày cấp bản gốc C/O. Thời hạn cấp lại không quá ba (03) ngày kể từ ngày Tổ chức cấp C/O nhận được đơn đề nghị cấp lại C/O;

b) Trong trường hợp cần tách C/O thành hai (02) hay nhiều bộ, Người đề nghị cấp C/O phải có đơn đề nghị gửi Tổ chức cấp C/O nêu rõ lý do cần tách C/O, nộp Bộ hồ sơ, bản gốc và các bản sao C/O cũ (nếu có). C/O được cấp lại trong trường hợp này, một bộ sẽ lấy số và ngày của C/O cũ. Các bộ còn lại sẽ lấy số mới và ngày cấp mới;

c) Trong trường hợp hàng phải tái nhập khẩu để tái chế, chuyển sang nước nhập khẩu khác, Người đề nghị cấp C/O phải có đơn đề nghị gửi Tổ chức cấp C/O, nêu rõ lý do cấp lại

kèm theo bản gốc và các bản sao C/O cũ (nếu có). Trong trường hợp tại thời điểm đề nghị cấp, C/O cũ chưa được thu hồi, C/O đề nghị cấp lại sẽ lấy số, ngày cấp mới và được đánh máy rõ vào ô phù hợp trên Mẫu C/O nội dung : « THIS C/O REPLACES THE C/O No. (số C/O cũ) DATED (ngày phát hành C/O cũ) ».

**** Việc xin cấp C/O sẽ mất lệ phí như thế nào?***

Trả lời:

Người đề nghị cấp C/O nộp lệ phí cấp C/O cho Tổ chức cấp C/O. Lệ phí cấp C/O do Tổ chức cấp C/O quy định theo chế độ hiện hành của Bộ Tài chính về phí và lệ phí. Các mức lệ phí cấp C/O phải được niêm yết công khai tại nơi cấp.

**** Doanh nghiệp chúng tôi bị Tổ chức cấp C/O từ chối cấp C/O, vậy trong những trường hợp nào thì tôi sẽ bị từ chối cấp C/O ?***

Trả lời:

a) Tổ chức cấp C/O có quyền từ chối cấp C/O trong các trường hợp sau:

- Người đề nghị cấp C/O chưa thực hiện việc đăng ký hồ sơ thương nhân theo quy định tại khoản 1, mục II của Thông tư Số 07/2006/TT-BTM;

- Bộ hồ sơ xin cấp C/O không chính xác, không đầy đủ như quy định tại khoản 2, mục II của Thông tư Số 07/2006/TT-BTM;

- Người đề nghị cấp C/O chưa nộp chứng từ nợ theo quy định tại điểm a, khoản 2, mục II của Thông tư Số 07/2006/TT-BTM;

- Bộ hồ sơ có mâu thuẫn về nội dung;

- Xuất trình Bộ hồ sơ cấp C/O không đúng nơi đã đăng ký hồ sơ thương nhân;

- Mẫu C/O khai bằng chữ viết tay, bị tẩy xóa nhiều, mờ không đọc được hoặc được in bằng nhiều màu mực;

- Có căn cứ hợp pháp chứng minh sản phẩm không có xuất xứ Việt Nam hoặc Người đề nghị cấp C/O có hành vi gian dối, thiếu trung thực trong việc chứng minh nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm;

b) Khi từ chối cấp C/O, Tổ chức cấp C/O phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho Người đề nghị cấp C/O biết trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày từ chối.

CÁC VƯỚNG MẮC CỦA DOANH NGHIỆP VỀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THUẾ QUAN PHỔ CẬP GSP

** Chúng tôi xuất khẩu hàng đi Châu Âu khách hàng yêu cầu cung cấp giấy GSP vậy xin cho hỏi GSP là gì?*

Trả lời:

Generalized System of Preferences viết tắt (GSP) Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập là một hệ thống mà theo đó các nước phát triển, được gọi là các nước cho hưởng, cho các nước đang phát triển hoặc kém phát triển, được gọi là các nước được hưởng, hưởng chế độ ưu đãi bằng cách giảm hoặc miễn thuế. Giấy GSP chính là C/O mẫu A.

** GSP Cộng đồng châu Âu là gì?*

Trả lời:

GSP cộng đồng Châu Âu là một hệ thống ưu đãi thuế quan được Cộng đồng Châu Âu đơn phương giành cho những sản phẩm có xuất xứ từ những nước đang phát triển, kém phát triển được giảm thuế thậm chí miễn thuế. Những nước kém phát triển mong muốn được giảm thuế cho tất cả các sản phẩm của mình xuất khẩu sang Châu Âu.

**** Xin hỏi VCCI có những quy tắc xuất xứ nào được áp dụng, quy tắc xuất xứ được áp dụng như thế nào?***

Trả lời:

Để xác định xuất xứ hàng hoá có ba tiêu chí xác định xuất xứ hàng hoá chung là:

- Tiêu chí xuất xứ toàn bộ
- Tiêu chí “chuyển đổi mã số hàng hoá”
- Tiêu chí “tỷ lệ phần trăm của giá trị”

Đối với mỗi hàng hoá sẽ có tiêu chí xuất xứ cụ thể theo quy định của từng nước. Hàng hoá đề nghị cấp C/O ưu đãi thì hàng hoá phải đáp ứng quy tắc xuất xứ của nước cho hưởng ưu đãi.

**** Công ty tôi xin C/O áp dụng quy định cộng gộp khu vực xin cho hỏi có những quy định về cộng gộp nào, chứng từ nào yêu cầu bằng chứng xuất xứ hàng hoá?***

Trả lời:

- Theo chế độ GSP của EU cộng gộp một phần được cho phép ba khối kinh tế khu vực các nước được hưởng được phép thực hiện hệ thống cộng gộp khu vực của EU đó là Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), thị trường Trung Mỹ và khối Andean.

- Nguyên liệu xuất xứ từ những nơi trong Cộng đồng (hay Na-Uy hoặc Thụy Sĩ) được sử dụng trong quá trình sản xuất, các sản phẩm đó có thể được xem là có xuất xứ từ nước được hưởng, với điều kiện là nhiều hơn quá trình sản xuất tối thiểu được hưởng tại đây - điều này được cho là “cộng gộp song phương”.

- Các quy tắc xuất xứ xác lập trong nhóm vùng nơi mà hàng hoá xuất xứ từ một thành viên trong nhóm và được sản xuất tiếp theo ở một trong những nước còn lại có thể được coi là có xuất xứ từ nước sản xuất sau - điều này được cho là “cộng gộp vùng”.

Bằng chứng xuất xứ hàng hoá thông thường là C/O mẫu A có ký, đóng dấu cơ quan có thẩm quyền của nước được hưởng. Trong một số trường hợp, “hoá đơn khai báo” cũng được chấp nhận. Trường hợp “cộng gộp song phương”, giấy chứng nhận vận chuyển EUR.1 được yêu cầu cho nguyên liệu sản xuất có xuất xứ từ Cộng đồng (hay từ Na-Uy hoặc từ Thụy Sĩ).

**** Các nước cho hưởng ưu đãi ngăn chặn gian lận thương mại thông qua C/O như thế nào?***

Trả lời:

Các cơ quan chức năng của những nước cho hưởng ưu đãi khi có nghi ngờ về xuất xứ hàng hoá của những nước được hưởng ưu đãi họ sẽ gửi thư thăm tra hoặc sẽ thành lập đoàn kiểm tra đến nước có nghi ngờ để tiến hành điều tra về xuất xứ

hàng hoá thông qua Bộ Công thương, Hải quan, cơ quan cấp C/O, công ty được cấp C/O và các cơ quan liên quan khác.

**** Công ty tôi xin C/O mẫu A hàng xuất khẩu đi EU cho hỏi có thể tìm quy tắc xuất xứ EU ở đâu và các quy tắc xuất xứ khác?***

Trả lời:

VCCI đã đăng tải tất cả quy tắc xuất xứ của các nước trên trang web <http://www.covcci.com.vn>. Công ty vào trang web này sau đó vào mục: Pháp luật quốc tế để tìm hiểu về qui tắc xuất xứ của các nước; Pháp luật trong nước để tìm hiểu về qui tắc của Việt Nam. Đối với quy tắc xuất xứ EU công ty có thể xem ở Mục 66-97 và các Phụ chương 14-18 và 21 của Luật Hội đồng Số. 2454/93 (Các điều khoản thực thi của mã Hải quan Cộng đồng), đã được sửa đổi bởi Luật (EC) Số. 12/97, 1602/2000 và 881/2003. Bạn có thể tìm được một nguyên bản thống nhất của Mục 66-97 và Phụ chương 16 ở Phụ lục II cho bản hướng dẫn này; danh sách các hoạt động với các chú giải mở đầu (Phụ chương 14 và 15) nằm trong Phụ lục III; và Phụ lục IV gồm các điều kiện xuất xứ (Phụ chương 17,18 và 21). Một phiên bản toàn bộ Luật Số 2454/93 cũng có sẵn trên Internet (http://europa.eu.int/eurllex/en/consleg/pdf/1993/en_1993R2454_do_001.pdf).

**** Công ty tôi xin C/O cho hàng dệt may xuất khẩu đi Mỹ chúng tôi không biết tra HTS ở đâu?***

Trả lời:

Muốn tra HTS đối với hàng dệt may đi Mỹ Công ty có thể vào trang web của Hải quan Mỹ hoặc truy cập vào đường link <http://www.usitc.gov/tata/hts/bychapter/index.htm>.

**** Xin VCCI cho biết có văn bản nào qui định xuất khẩu vào thị trường nào làm C/O gì?***

Trả lời:

Không có văn bản chung nào qui định việc này mà phụ thuộc vào từng Hiệp định ký với các nước. Hiện tại có các loại mẫu sau : Mẫu A cấp cho sản phẩm xuất khẩu sang các nước cho Việt Nam hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập, các nước này in ở mặt sau Mẫu A, Mẫu B cấp cho sản phẩm có xuất xứ Việt Nam, Mẫu cà phê cấp cho hàng cà phê xuất khẩu của Việt Nam, Mẫu Thổ Nhĩ Kỳ cấp cho hàng xuất khẩu có xuất xứ Việt Nam, Mẫu DA 59 cấp cho một số sản phẩm xuất khẩu sang Nam phi, Mẫu Venezuela cấp cho một số sản phẩm xuất khẩu sang Venezuela, Mẫu Nigeria cấp cho sản phẩm xuất khẩu sang Nigerial, C/O mẫu D của Hiệp định AFTA giữa 10 nước ASEAN; C/O mẫu E của Hiệp định ACFTA giữa 10 nước ASEAN với Trung Quốc; C/O mẫu AK của Hiệp định AKFTA giữa 10 nước ASEAN và Hàn Quốc; C/O mẫu AJ Hiệp định ASEAN - Nhật Bản; C/O mẫu VJ Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam Nhật Bản; C/O mẫu S Hiệp định về Hợp tác Kinh tế, Văn hoá, Khoa học Kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào; C/O mẫu AANZ của Hiệp

định FTA giữa ASEAN với Úc và New Zealand và C/O mẫu AI của Hiệp định FTA giữa ASEAN và Ấn Độ.

**** Xin cho hỏi công ty chúng tôi xin Mẫu A cho hàng thủ công mỹ nghệ thì được hưởng mức thuế ưu đãi bao nhiêu %?***

Trả lời:

Muốn biết sản phẩm được hưởng mức thuế ưu đãi bao nhiêu bạn có thể tra trên trang Web thuế quan của từng nước.

**** Mua nguyên phụ liệu trong nước có hóa đơn GTGT, hoặc nhập khẩu tại chỗ khi nào được coi là có xuất xứ Việt Nam để được xét là nguyên phụ liệu có xuất xứ VN khi xét cấp C/O liên quan đến tiêu chuẩn phải tính tỷ lệ phần trăm?***

Trả lời:

Chứng từ hóa đơn GTGT, hoặc Tờ khai nhập khẩu tại chỗ là bằng chứng chứng minh nguyên phụ liệu này được mua bán tại Việt Nam, chưa đủ cơ sở để xác định chúng có xuất xứ Việt Nam. Vì hàng hóa được mua bán trong nước có hóa đơn GTGT có thể là hàng nhập khẩu. Do đó, hàng hóa được coi là có xuất xứ Việt Nam khi đáp ứng được quy định tại Thông tư 08/2006/TT-BTM ngày 14/7/2006, Thông tư 10/2006/TT-BTM ngày 01/06/2006 Thông tư hướng dẫn cách xác định xuất xứ hàng hoá.

**** Công ty tôi xuất khẩu hàng dệt may xin cho hỏi khi nào làm C/O Mẫu A khi nào dùng Mẫu B?***

Trả lời:

Đối với hàng dệt may làm gia công (nhập nguyên phụ liệu sản xuất hàng xuất khẩu) cấp C/O Mẫu B. Cấp C/O Mẫu A cho hàng dệt may khi hàng nhập khẩu vào nước cho Việt Nam hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập và đáp ứng quy định quy tắc xuất xứ của nước nhập khẩu thông thường các nước cho hưởng qui định hàng dệt may phải đáp ứng 2 công đoạn gia công kế tiếp nhau. Ví dụ: từ sợi dệt -> vải -> cắt may-> quần áo -> đáp ứng tiêu chuẩn C/O Mẫu A.

**** Xin cho biết Việt Nam được hưởng chế độ GSP của những nước nào? Mỹ đã cho Việt Nam hưởng chế độ GSP chưa?***

Trả lời:

Các nước cho Việt Nam hưởng GSP: Cộng đồng Châu Âu (gồm 27 thành viên) và các nước Nhật, Úc, Niudilan, Canada, Naury, Nga, Thụy sỹ, Thổ Nhĩ Kỳ, Belarus. Hiện nay Mỹ chưa cho Việt Nam hưởng chế độ ưu đãi GSP.

**** Xí nghiệp chúng tôi gia công giày dép và xuất khẩu hàng sang Đức, Áo, Pháp theo chỉ định của khách hàng trừ hàng xuất khẩu sang Thụy Sĩ cần làm C/O Mẫu A, còn các nước khác thì không cần làm C/O. Chúng tôi xin hỏi liệu xuất hàng không cần xin C/O có sao không?***

Trả lời:

EU (gồm 27 nước thành viên) đã loại mặt hàng giày dép của Việt Nam ra khỏi danh sách các mặt hàng được hưởng ưu đãi từ năm 2009. Do đó, mặt hàng giày dép của Việt Nam xuất khẩu sang EU không cần C/O Mẫu A vì nếu có sử dụng thì cũng không được hưởng ưu đãi về thuế. Thụy Sĩ vẫn cho Việt Nam được hưởng ưu đãi GSP, nếu hàng giày dép đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ của Thụy Sĩ thì công ty cần làm C/O Mẫu A.

**** Mong quý cơ quan cho biết: có quy định nào cho việc phạt vi phạm vì cung cấp sai chứng từ, sửa chữa chứng từ trong bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O?***

Trả lời:

Việc xử phạt về cung cấp sai, sửa chữa chứng từ trong bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O doanh nghiệp được quy định trong Nghị định 19/2006/ND-CP và Thông tư 07/2006/TT-BTM có thể xem chi tiết tại Điều 40 của Nghị định 06/2008/NĐ-CP về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực thương mại. Theo các quy định này cơ quan có thẩm quyền cấp C/O sẽ từ chối cấp C/O và phạt vi phạm theo các mức quy định trong Nghị định 06/2008/ND-CP.

**** Hàng hoá nhập khẩu vào Nigeria phải có đầy đủ bộ chứng từ sau đây: Giấy chứng nhận kết hợp trị giá và xuất xứ (CCVO)***

*(Theo nguồn từ Thương vụ VN tại Nigeria
[http://www.thitruongnuocngoai.vn/?ssoft=2&newsID=4422
&subid=2®ion_id=176&profile_id=3](http://www.thitruongnuocngoai.vn/?ssoft=2&newsID=4422&subid=2®ion_id=176&profile_id=3))*

Vậy, cần phải những chứng từ gì để được cấp CCVO cho hàng từ Hải Phòng đến Lagos, Nigeria? sử dụng loại Mẫu nào? và xin cấp tại đâu?

Trả lời:

Một bộ chứng từ xin cấp C/O Mẫu Nigeria gồm có đơn, Mẫu C/O, hoá đơn thương mại, tờ khai hải quan hàng xuất đóng dấu sao y bản chính nếu thấy cần thiết tổ chức cấp C/O có thể ưu cầu thêm chứng từ để chứng minh nguồn gốc sản phẩm. Qui định về qui tắc xuất xứ của Nigeria có trên trang web: covcci.com.vn. Việc phát hành C/O Mẫu Nigeria và cấp Mẫu C/O này được thực hiện tại Tổ cấp C/O của VCCI.

**** Công ty tôi được VCCI cấp C/O Mẫu A đi Turkey. Bản C/O gốc đã được chuyển cho khách hàng sau đó họ yêu cầu thêm tờ "Exporter Registry Mẫu" có xác nhận của VCCI và lãnh sự quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam? Xin Phòng hướng dẫn cụ thể?***

Trả lời:

Việc xác nhận Mẫu “Exporter Registry” là theo qui định của Thổ Nhĩ Kỳ. Để xin xác nhận Exporter Registry tại VCCI công ty làm công văn đề nghị VCCI, khai Mẫu theo qui định của nước nhập khẩu và ghi rõ nội dung VCCI xác nhận

bằng tiếng Anh như sau: VCCI xác nhận Exporter Registry số... ngày... được phát hành bởi Công ty.....

**** Công ty đã mở tờ khai HQ xuất khẩu nhưng khi thực xuất số lượng ít hơn lúc mở tờ khai. Khi làm C/O Công ty cần làm thủ tục gì để được cấp C/O?***

Trả lời:

Trong trường hợp này công ty làm công văn nêu rõ lý do có sự chênh lệch số lượng thực xuất ít hơn so với lúc mở tờ khai, kèm theo vận đơn đường biển để chứng minh số lượng xuất khẩu. Sau khi có tờ khai hải quan xuất khẩu đã làm thực xuất nộp lại cho Tổ cấp C/O một bản. Một điều cần đặc biệt lưu ý trong trường hợp này là Công ty không được sửa số lượng trên Tờ khai Hải quan hàng xuất cho khớp với C/O vì nếu sửa các Tổ cấp C/O sẽ áp dụng các biện pháp xử phạt.

**** Công ty tôi có 1 hợp đồng xuất khẩu vậy có thể làm 1 C/O cho hợp đồng được không?***

Trả lời:

Trường hợp này chỉ được áp dụng nếu như Hợp đồng thực hiện giao hàng một lần, nếu giao hàng nhiều lần thì không được. Vì VCCI cấp C/O cho từng lô hàng đã làm thủ tục Hải quan xuất khẩu.

**** Công ty tôi xuất khẩu chè sang các nước Trung đông họ đề nghị hoá đơn thương mại, hợp đồng, giấy chứng***

nhận kiểm dịch phải có xác nhận của VCCI. Vậy, chúng tôi muốn có được xác nhận của VCCI vào các giấy tờ trên thì chúng tôi phải làm thủ tục gì?

Trả lời:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của VCCI, ngoài việc cấp C/O VCCI còn có chức năng xác nhận các chứng từ thương mại đi kèm hoặc không đi kèm theo C/O. Theo yêu cầu của khách hàng, VCCI sẽ xác nhận các chứng từ trên. Nếu các chứng từ cần xác nhận đi kèm theo C/O thì Công ty đánh bằng tiếng Anh vào các chứng từ cần xác nhận nội dung như sau: Document attached to C/O No...Nếu chứng từ không đi kèm theo C/O thì đánh nội dung xác nhận theo hướng dẫn trong trang web: www.covcci.com.vn.

**** Công ty chúng tôi sắp tới xuất hàng vào thị trường Mỹ (mặt hàng Đá ốp lát xây dựng). Vậy xin cho biết sử dụng Mẫu nào?***

Trả lời:

Hoa Kỳ có trong danh mục các nước cho hưởng ưu đãi GSP nhưng Việt Nam chưa được hưởng GSP của Hoa Kỳ. Do đó các sản phẩm xuất khẩu sang Hoa Kỳ sẽ được cấp C/O Mẫu B.

**** Công ty tôi mở hai tờ khai hải quan xuất khẩu nhưng chung 1 vận đơn xin cho hỏi có xin được 1 C/O hay không?***

Trả lời:

Trường hợp này có thể làm gộp vào 1 C/O hoặc ngược lại một Tờ khai hải quan có thể tách ra nhiều C/O theo yêu cầu của khách hàng nếu tất cả các dữ liệu thống nhất với nhau.

**** Công ty tôi nhập khẩu hàng về sau đó xuất khẩu xin hỏi có xin được cấp loại C/O nào không?***

Trả lời:

Đối với hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam và tái xuất sang một nước khác hoặc được gia công, chế biến thêm để xuất khẩu mà không đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ Việt Nam thì không cấp được C/O. Nếu khách hàng cần chứng từ chứng minh hàng hóa này được xuất khẩu từ Việt Nam hoặc được gia công, chế biến tại Việt Nam, VCCI sẽ cấp Giấy chứng nhận. Mẫu Giấy chứng nhận và nội xác nhận của VCCI được đưa trên trang web: www.covcci.com.vn.

**** Công ty tôi xin C/O rồi, trong C/O có 3 mã hàng. Nhưng khách hàng đề nghị mỗi mã hàng làm 1 C/O riêng xin hỏi VCCI Công ty tôi có xin được C/O cho từng mã hàng không?***

Trả lời:

Trường hợp này công ty làm công văn nêu rõ lý tách C/O và trả lại C/O cũ đã cấp cho Tổ cấp C/O, VCCI sẽ cấp C/O cho từng mã hàng.

**** Doanh nghiệp tôi xin đề nghị cấp lại C/O nhưng chưa nhận được C/O từ phía khách hàng. Trong trường hợp này, doanh nghiệp tôi có được cấp lại C/O không ?***

Trả lời:

Trong trường hợp này C/O sẽ được cấp lại nhưng phải có công văn xin nợ C/O gốc và sẽ trả lại VCCI theo đúng thời gian cam kết. Trong bộ chứng từ mới cấp lại phải kèm theo bản sao C/O đã cấp hoặc các chứng từ khác đi kèm.

**** Công ty tôi muốn xin cấp lại C/O thì ngày khai trên C/O cấp lại là ngày của C/O cũ đã được cấp hay là ngày cấp lại C/O?***

Trả lời:

Theo qui định tại Thông tư 07/2006/TT-BTM, C/O mới được cấp lại sẽ lấy theo số và ngày của C/O cũ.

**** Công ty tôi đã có bản đính kèm theo C/O trong đó mô tả chi tiết từng mã hàng thì trong ô mô tả hàng hóa trên C/O có cần phải ghi lại tên hàng?***

Trả lời:

Nếu Công ty đã có bản kê chi tiết về hàng hóa đính kèm C/O thì trong ô mô tả hàng hoá trên C/O chỉ cần ghi tên hàng chung (không cần ghi chi tiết).

**** Chúng tôi muốn làm thủ tục xin cấp C/O qua mạng thì cần phải làm những gì và quy trình như thế nào?***

Trả lời:

Trường hợp công ty chưa biết cách khai C/O qua mạng thì công ty đăng ký lớp học khai C/O qua mạng với Tổ cấp C/O do VCCI tổ chức.

**** Công ty chúng tôi đã có giấy phép đổi tên công ty và địa chỉ. Vậy chúng tôi cần phải làm gì để thay đổi dữ liệu lưu trên máy tính vì các dữ liệu này đã được mặc định sau lần nhập đầu tiên?***

Trả lời:

Khi có sự thay đổi như vậy, Công ty làm lại Hồ sơ thương nhân nộp cho Tổ cấp C/O để họ nhập lại các dữ liệu và lưu vào chương trình phần mềm.

**** Chúng tôi là một Công ty XNK hàng thủy sản đông lạnh. Hiện nay trong quan hệ giao thương chúng tôi có một số thắc mắc sau: 1. Xuất khẩu hàng đông lạnh cho khách hàng ở UAE nhưng tên người xuất khẩu trong tờ khai Hải quan lại mang tên người khác. Tên công ty chúng tôi ghi trong mục “Người uỷ thác” của tờ khai Hải quan. 2. Invoice bản chính ghi tên công ty chúng tôi. 3. Người xuất khẩu trên C/O là Công ty chúng tôi thì có được cấp C/O không?***

Nếu không chúng tôi phải cần những giấy tờ thủ tục gì để lấy được C/O cho khách.

Trả lời:

Qui định để được cấp C/O là bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O phải đảm bảo tính thống nhất và phù hợp. Trong trường hợp này tên người xuất khẩu trong bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O không thống nhất với nhau (người xuất khẩu trên C/O khác với người xuất khẩu trong Tờ Khai hải quan).

Trường hợp trên thỉnh thoảng vẫn xảy ra khi người xuất khẩu không có điều kiện làm thủ tục xuất nhập khẩu (ví dụ như mở Tờ khai hải quan hàng XNK) thì có thể ủy thác cho một công ty khác làm các thủ tục này -> trên tờ khai hải quan mục người xuất khẩu ghi tên người được ủy thác còn người ủy thác ghi tên công ty xuất khẩu bán hàng cho khách ở UAE. Nếu Công ty có Hợp đồng ủy thác hoặc các chứng từ khác chứng minh việc ủy thác này thì sẽ được cấp C/O.

**** Doanh nghiệp tôi nhập khẩu máy móc công nghiệp từ Nhật vào Việt Nam. Sau đó, chúng tôi tìm được một đối tác nước ngoài muốn mua lại máy này và yêu cầu C/O. Tuy nhiên C/O do phía Nhật cấp lại ghi nước đến cuối cùng là Việt Nam. Vậy tôi có thể đề nghị VCCI cấp C/O trên đó ghi nước xuất xứ là Nhật bản cho lô hàng này được không?***

Trả lời:

VCCI chỉ cấp C/O cho hàng hoá có xuất xứ Việt Nam. Trường hợp này không xin được C/O có ghi nước xuất xứ Nhật bản. VCCI có thể cấp Giấy chứng nhận hàng nhập khẩu từ Nhật vào Việt Nam và xuất khẩu.

** Công ty tôi xuất khẩu đĩa phanh sang Pháp và muốn đề nghị cấp CO Mẫu A cho mặt hàng này. Vậy điều kiện để mặt hàng này đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ Mẫu A là gì?*

Trả lời:

Để biết được quy tắc xuất xứ cho mặt hàng này thì Công ty phải biết được mã HS của hàng hóa (có thể tra trong cuốn Biểu thuế XNK), sau đó tra quy định về quy tắc xuất xứ của EU cho mặt hàng này trong mục pháp luật xuất xứ quốc tế trên trang web <http://www.covcci.com.vn>

** Công ty chúng tôi ký hợp đồng gia công xuất khẩu hàng may mặc sang EU, khách hàng yêu cầu thể hiện trị giá FOB trên C/O, vậy chúng tôi cần làm thêm thủ tục gì để đáp ứng yêu cầu trên trong khi trên Tờ khai Hải quan phải thể hiện trị giá gia công đã ký hợp đồng.*

Trả lời:

Trường hợp khách hàng yêu cầu ghi trị giá FOB trên C/O thì công ty có thể ghi giá FOB vào ô miêu tả hàng hóa trên C/O.

**** Tôi vừa được biết từ ngày 1/3/2009, các sản phẩm Việt Nam không đủ tiêu chuẩn được hưởng GSP xuất sang Thổ Nhĩ Kỳ sẽ sử dụng mẫu C/O mới. Vậy xin hỏi, sản phẩm dệt may của Việt Nam có phải sử dụng mẫu C/O mới này không ?***

Trả lời:

Các sản phẩm (kể cả hàng dệt may) không đủ tiêu chuẩn để cấp C/O Mẫu A thì chuyển sang cấp Mẫu C/O theo qui định của Thổ Nhĩ Kỳ.

**** Cho hỏi VCCI cấp những loại CO Mẫu nào? VCCI có cấp CO Mẫu D không?***

Trả lời:

Hiện nay VCCI đang cấp các loại C/O Mẫu A (chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập - GSP), Mẫu B (không ưu đãi), Mẫu Cà Phê (qui định của Tổ chức cà phê thế giới - ICO), Mẫu DA59 (cho hàng xuất khẩu đi Nam Phi), Mẫu C/O Thổ Nhĩ Kỳ, Mẫu C/O Venezuela và các loại Mẫu C/O khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

C/O Mẫu D do Bộ Công Thương cấp.

**** Chúng tôi là công ty chuyên phát nhanh Quốc tế chuyên xuất các mặt hàng phi mậu dịch, từ khai mở cho tất cả các gói hàng, trong đó có một gói hàng cần cấp C/O. Vậy***

Chúng tôi xin C/O cho 1 mặt hàng khai phi mậu dịch có được không?

Trả lời:

Trường hợp này C/O được cấp bình thường như các lô hàng xuất khẩu khác. Tuy nhiên một số nước có qui định, nếu lô hàng trị giá nhỏ, gửi hành lý hoặc xách tay thì không cần phải xuất trình C/O mà chỉ cần khai báo trên hóa đơn thương mại vẫn được hưởng ưu đãi về thuế.

**** Do sai lệch về thành phần vải giữa tờ khai nhập khẩu và thực tế. Khi làm thủ tục cấp C/O, khách hàng yêu cầu tôi để cách dòng trên C/O. Vậy đề nghị VCCI trả lời: Các chi tiết trên C/O có được để cách dòng không và cách xử lý vấn đề trên?***

Trả lời:

Nếu có sự sai lệch về thành phần vải giữa tờ khai nhập khẩu và thực tế thì Công ty phải sửa lại tờ khai và có xác nhận của Hải quan. Việc khai trên C/O không được để cách dòng để có thể sửa chữa hoặc bổ sung vì nếu có bất kỳ một sự thay đổi nào giữa bản gốc và bản lưu tại VCCI thì C/O đó sẽ không được chấp nhận. C/O sau khi được cấp xong nếu có thay đổi thì Công ty sẽ làm thủ tục để đề nghị cấp lại theo qui định.

**** Chúng tôi xin hỏi thời hạn cuối cùng để được cấp CO cho 01 lô hàng được tính như thế nào, tối đa là bao***

nhieu ngày? Tính từ ngày mở tờ khai hải quan xuất khẩu hay ngày hàng được xếp lên tàu?

Trả lời:

C/O có thể được cấp sau và có giá trị hiệu lực tính từ thời điểm giao hàng nhưng không quá 1 năm tính từ ngày giao hàng đến ngày cấp thực tế.

**** Trước đây, công ty của chúng tôi có xuất hàng thủ công mỹ nghệ “Handicraft Timber Lacquewares.” Nhưng hiện tại, vì chúng tôi nhận thấy chất liệu mà chúng tôi làm là Medium Density Fibreboard (MDF- bột gỗ ép), chứ không phải là Timber (có nghĩa là gỗ xây dựng, gỗ làm mộc, gỗ kiến trúc.) Cho nên, chúng tôi sẽ đổi tên của sản phẩm thành “Handicraft MDF Lacquewares.” Vì chất cấu tạo nên sản phẩm không thay đổi nên mã HS vẫn giữ nguyên. Như vậy, tên gọi xuất xứ trên C/O có ảnh hưởng gì không?***

Trả lời:

Nếu thành phần cấu tạo nên sản phẩm không đổi, HS không thay đổi thì qui tắc xuất xứ cũng không thay đổi. Việc thay đổi tên hàng để xác định chính xác tên gọi của sản phẩm sẽ không ảnh hưởng tới xuất xứ của sản phẩm.

**** Chúng tôi có 1 khách hàng Malaysia mua hàng mây tre cói, yêu cầu ngoài C/O cấp thêm Asean Certificate. Vậy, đề nghị quý Phòng cho biết chúng tôi có thể nhận được***

Asean Certificate từ VCCI được không? Và điều kiện để được cấp là như thế nào?

Trả lời:

Vì Malaysia là một thành viên của khối ASEAN, Công ty có thể xin C/O Mẫu D tại Phòng quản lý xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương cho sản phẩm xuất khẩu sang Malaysia nếu sản phẩm này đáp ứng qui định về qui tắc xuất xứ. Nếu sản phẩm không đáp ứng tiêu chuẩn để cấp C/O Mẫu D thì Công ty có thể chuyển sang cấp C/O Mẫu B tại các Tổ cấp C/O của VCCI.

VCCI chưa cấp loại giấy Asean Certificate này cho bất kỳ doanh nghiệp nào. Nếu khách hàng yêu cầu đề nghị Công ty liên hệ với khách để tìm hiểu Mẫu này và cung cấp cho VCCI.

**** Công ty chúng tôi xin C/O Mẫu A thì mã số HS khai trong ô số 8 phải ghi 4 số (mã nhóm) hay đủ 10 số (mã sản phẩm)?***

Trả lời:

Nếu hàng xuất khẩu có sử dụng nguyên liệu nhập khẩu trong quá trình sản xuất thì trong ô số 8 của C/O Mẫu A đánh chữ “W” và kèm theo mã HS 4 số của sản phẩm. Để biết thêm chi tiết Công ty có thể đọc hướng dẫn ở mặt sau Mẫu A.

**** Chúng tôi có kế hoạch gia công một số lô hàng dệt may có nguyên phụ liệu là bán thành phẩm (đã thực hiện công đoạn cắt các bộ phận của quần áo tại Hàn Quốc) và dự kiến xuất lô hàng đó sang thị trường Hoa Kỳ. Vậy, công ty chúng tôi xin hỏi trong trường hợp này lô hàng XK của công ty chúng tôi có được cấp C/O hay không ?***

Trả lời:

Trước hết công ty phải xác định được mã HS của sản phẩm sau đó xem quy tắc xuất xứ hàng hoá cho sản phẩm tại Thông tư 08/2006/TT-BTM ngày 14/7/2006, Thông tư 10/2006/TT-BTM ngày 01/06/2006 Thông tư hướng dẫn cách xác định xuất xứ hàng hoá trên trang web <http://www.covcci.com.vn>. Theo qui định tại Thông tư 10/2006/TT-BTM, trường hợp này sản phẩm vẫn đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ. Tuy nhiên để tăng kim ngạch xuất khẩu và tận dụng nguồn nhân lực trong nước thì hình thức gia công kiểu này không được nhà nước khuyến khích.

**** Chúng tôi là doanh nghiệp khu chế xuất, xuất bán hàng cho doanh nghiệp chế xuất khác (có tờ khai xuất). Vậy, chúng tôi có xin C/O Mẫu B cho lô hàng đó được không?***

Trả lời:

Doanh nghiệp khu chế xuất bán hàng cho doanh nghiệp trong khu chế xuất khác có thể xin C/O Mẫu B được nếu hàng hoá đáp ứng được quy định xuất xứ Việt Nam.

**** Trước đây, công ty chúng tôi có đăng ký cho một cán bộ ký tên lên bộ Hồ sơ đề nghị cấp C/O. Nhưng hiện nay, cán bộ ký đó đã nghỉ việc. Vậy, xin VCCI cho biết thủ tục để chúng tôi đăng ký cho người khác ký tên lên bộ Hồ sơ xin cấp C/O?***

Trả lời:

Trường hợp công ty đăng ký người khác ký tên trong bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O thì phải bổ sung vào Hồ sơ thương nhân bản đăng ký mẫu chữ ký mới cho Tổ cấp C/O.

**** Doanh nghiệp tôi sắp xuất hàng sang Sec, tôi muốn hỏi thay vì dùng Mẫu B thì dùng loại Mẫu nào?***

Trả lời:

Nếu sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ của EU (Sec là thành viên của EU) Công ty có thể dùng C/O Mẫu A để được hưởng ưu đãi về thuế thay vì sử dụng mẫu B.

**** Tôi muốn hỏi là khi đóng dấu chữ “ORIGINAL” VÀ “COPY” lên Mẫu C/O thì phải đóng theo mẫu chữ có sẵn tại VCCI hay là có thể đóng mẫu chữ mà công ty chúng tôi tự đặt làm?***

Trả lời:

Công ty không được đóng 2 loại mẫu dấu trên mà Công ty tự đặt làm vì các loại dấu đóng trên C/O đã được VCCI

thống nhất về kích cỡ, kiểu chữ trong toàn bộ hệ thống cấp C/O của VCCI và gửi thông báo tới cơ quan Hải quan các nước trên thế giới.

**** Doanh nghiệp tôi có xuất một lô hàng sang Latvia, bill thì thể hiện gồm 4 cái. Vậy, chúng tôi thể hiện 4 số bill trên C/O được không?***

Trả lời:

Nếu trong trường hợp các Bill đều giống về tên người xuất khẩu, người nhận hàng, ngày cấp Bill, VCCI sẽ xem xét cụ thể nếu phù hợp sẽ cấp. Thông thường C/O sẽ được cấp cho từng lô hàng mà tương ứng 1 bill.

**** Danh sách các nước cho hưởng GSP?***

Trả lời:

Những nước đang có chế độ ưu đãi phổ cập, bao gồm:

Úc	Lithuania
Belarus	Luxembourg
Canada	Malta
Nhật Bản	Ba Lan
New Zealand	Bồ Đào Nha

NaUy	Ru-ma-ni
Nga	Slovakia
Thụy Sĩ bao gồm Liechtenstein	Slovenia
Thổ Nhĩ Kỳ	Tây Ban Nha
Hoa Kỳ	Thụy Điển
Áo	Anh
Bi	Hy Lạp
Bulgaria	Ba Lan
Đảo Síp	Bồ Đào Nha
Cộng hòa Séc	Lithuania
Đan Mạch	Hà Lan
Estonia	Đảo Síp
Đức	Cộng hòa Séc
Phần Lan	Đan Mạch
Pháp	Bi

Hungary	Latvia
Ireland	Ý

*** Điều kiện để sản phẩm đáp ứng được Mẫu A là:**

Trả lời:

- Sản phẩm phải được xuất khẩu vào nước được hưởng ưu đãi như nêu trên.

- Sản phẩm phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ của nước cho hưởng ưu đãi GSP.

*** Doanh nghiệp chúng tôi sẽ xin cấp C/O Mẫu B khi nào?**

Trả lời:

Doanh nghiệp xin cấp C/O mẫu B khi xuất khẩu hàng hóa vào những nước không cho hưởng ưu đãi hoặc khi hàng hóa không đáp ứng được tiêu chuẩn xuất xứ ưu đãi của nước cho hưởng.

*** Đề nghị VCCI cho biết các điều kiện nào để được hưởng GSP của EU?**

Trả lời:

Để được hưởng GSP của EU khi nhập khẩu vào EU, ba điều kiện phải đáp ứng đủ:

- Hàng hoá phải có xuất xứ từ nước được hưởng ưu đãi GSP của EU

- Hàng hoá phải được vận chuyển trực tiếp từ nước được hưởng đến EU và

- Chứng từ xuất xứ có giá trị phải được xuất trình (C/O Mẫu A, được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền tại nước được hưởng hay hoá đơn khai báo)

**** Xin cho hỏi sản phẩm như thế nào được cho là có xuất xứ toàn bộ?***

Trả lời:

Sản phẩm có xuất xứ toàn bộ là những sản phẩm không sử dụng nguyên liệu nhập khẩu khi sản xuất, bao gồm:

- a. Khoáng sản khai thác từ lòng đất hoặc từ đáy biển.
- b. Rau quả thu hoạch ở nước được hưởng.
- c. Các động vật sống sinh trưởng ở nước được hưởng.
- d. Các sản phẩm từ động vật sống sinh trưởng ở nước được hưởng.

- e. Các sản phẩm có được do săn bắn hoặc đánh bắt ở nước được hưởng.
- f. Những sản phẩm từ đánh bắt xa bờ hoặc những sản phẩm khác lấy từ biển cả ngoài vùng lãnh hải bởi tàu thuyền của nước được hưởng.
- g. Những sản phẩm được làm trên tàu chế biến chỉ từ những sản phẩm nói tại mục (f) nói trên;
- h. Những sản phẩm đã qua sử dụng thu thập tại nước được hưởng đó chỉ dùng cho tái chế nguyên liệu thô;
- i. Phế liệu và phế thải từ hoạt động sản xuất diễn ra tại nước được hưởng;
- j. Các sản phẩm lấy từ đáy biển hoặc dưới đáy biển nằm ngoài vùng lãnh hải nhưng lại là nơi có quyền khai thác duy nhất.
- k. Những sản phẩm có tại nước được hưởng chỉ từ những sản phẩm nói tại mục (a) đến mục (i).

Những sản phẩm từ đánh bắt xa bờ và những sản phẩm khác lấy từ biển cả

“Vùng lãnh hải” trong ngữ cảnh của quy tắc xuất xứ được giới hạn chặt chẽ trong vùng 12 dặm, như Luật Quốc tế của Liên Hiệp Quốc về Biển cả quy định (Hiệp định Vinh Montego 1982). Sự tồn tại của một Vùng Kinh tế độc nhất với

việc áp dụng rộng rãi hơn (cho tới một giới hạn 200 dặm) lại không phù hợp cho mục đích này.

Đánh bắt cá ngoài vùng 12 dặm (“ở vùng biển khơi”) chỉ có thể được xem là thu được hoàn toàn nếu đánh bắt bởi tàu thuyền của nước được hưởng mà đáp ứng được định nghĩa về “tàu thuyền của nước đó”. Cá đánh bắt được trong đất liền hay trong vùng **lãnh hải** luôn luôn được xem là thu được an toàn.

Định nghĩa “tàu thuyền” của nước được hưởng bao gồm các tiêu chuẩn tích lũy – cho nên tất cả các tiêu chuẩn được liệt kê phải được đáp ứng.

Đánh bắt cá ở vùng biển khơi có thể được coi là xuất xứ tại nước được hưởng đang nói đến nếu:

- Tàu thuyền được dùng phải được đăng ký/ghi lại tại nước được hưởng và nhỏ neo với cờ nước đó (hay một thành viên của EU) và
- Thuyền trưởng và các thành viên đều là người của nước đó (hay là của nước thành viên của EU), và
- Ít nhất 75% toàn bộ thủy thủ trên tàu là người nước đó (hay là của nước thành viên EU), và
- Đáp ứng được các yêu cầu cụ thể liên quan đến quyền sở hữu tàu thuyền.

**** Công ty tôi nhập nguyên liệu về sản xuất xuất khẩu đi EU thì tra quy tắc xuất xứ của EU như thế nào?***

Trả lời:

Quy tắc xuất xứ của EU có thể tra cứu trên trang web <http://www.covcci.com.vn>. Nếu Công ty nhập nguyên liệu về sản xuất sản phẩm xuất khẩu có thể tra cứu qui tắc xuất trong Phụ lục 15 quy định của EU. Cấu tạo của danh mục này như sau:

Danh sách bao gồm 4 cột,

- Cột 1 chỉ ra nhóm HS
- Cột 2 miêu tả hàng hoá mà thuộc nhóm HS đang nói đến và
- Cột 3 và 4 gồm các tiêu chuẩn áp dụng

Nếu cả cột 3 và 4 gồm các tiêu chuẩn cho một sản phẩm nhất định, thì phụ thuộc vào nước xuất khẩu chọn ứng dụng giữa những cột này – mà cũng có thể sử dụng cả hai. Nhớ rằng các tiêu chuẩn ở cột 3 và 4 chỉ áp dụng cho các **nguyên liệu không xác định được xuất xứ hoặc được nhập khẩu.**

Để có thể sử dụng được danh sách này, việc phân loại sản phẩm đang được nói đến phải theo Hệ thống HS (ở mức 4 chữ số). Cũng cần thiết để biết việc phân loại HS đối với các nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình

sản xuất sản phẩm. Khi các tiêu chuẩn khác nhau giữa nhiều sản phẩm, việc sử dụng phân loại HS chính xác là quan trọng. Nơi nào cần, chính sách dùng một trong ba phương pháp, hay sự kết hợp giữa các phương pháp này, để xác định chu trình sản xuất hay chế biến nào có thể được coi là “toàn bộ” trong mỗi trường hợp:

a) Thay đổi tiêu chuẩn nhóm (cũng có thể được hiểu là thay đổi nhóm thuế quan hay tiêu chuẩn tăng vọt thuế). Điều này có nghĩa là một sản phẩm được xem là sản xuất hay chế biến toàn bộ khi sản phẩm ấy được phân loại theo nhóm 4 số của HS mà khác với nhóm 4 số của HS được phân loại cho tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất.

Một ví dụ là quá trình sản xuất của một rổ rom, được phân loại ở nhóm 4602 của HS. Danh sách đưa ra cho toàn bộ Chương 46 tiêu chuẩn “quá trình sản xuất mà tất cả các nguyên liệu được dùng phân loại theo một nhóm của sản phẩm”. Vì rổ được phân loại ở 4602, trong khi nguyên liệu rom được nhập khẩu lại ở 1401, tiêu chuẩn xuất xứ rõ ràng được thoả mãn.

b) Giá trị hay tiêu chuẩn theo giá hàng, nơi mà các giá trị nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng không thể vượt quá một tỉ lệ phần trăm nhất định của giá xuất xưởng của một sản phẩm. *Một ví dụ về sản xuất ô ở nhóm HS 6601, nơi mà cột 3 trong danh sách ghi “giá trị của tất cả các nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất không vượt quá 50% giá xuất xưởng của sản phẩm”. Ở đây, có sự so sánh giữa giá*

xuất xưởng của sản phẩm và giá trị của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ.

c) Phải sử dụng tiêu chuẩn quy trình cụ thể khi các hoạt động hay các bước trong một quá trình sản xuất được tiến hành với bất cứ các nguyên liệu nào không có xuất xứ.

- *Nhiều ví dụ về loại tiêu chuẩn xuất xứ này có trong ngành dệt may, ví dụ như vải dệt ở Chương 62 của HS ghi ở dòng 3 trong danh sách “sản xuất từ sợi”. Ví dụ sản xuất vải từ sợi không có xuất xứ thì vẫn có xuất xứ. Điều này có nghĩa là dệt và các bước sản xuất kế tiếp phải được thực hiện tại nước được hưởng. Tiêu chuẩn quy trình của loại này đưa ra rằng bắt đầu thì mang lại xuất xứ (ví dụ như nguyên liệu hoá học hay sợi tự nhiên) trong khi bắt đầu sản xuất từ bước ở giai đoạn sau thì không đem đến xuất xứ.*

**** Xin cho hỏi cách tính giá xuất xưởng như thế nào?***

Trả lời:

Theo quy định của EU giá xuất xưởng có nghĩa là giá trả cho người sản xuất có trách nhiệm tiến hành giai đoạn sản xuất hoặc gia công cuối cùng, khi giá đó bao gồm trị giá của tất cả nguyên phụ liệu sử dụng trong sản xuất, trừ đi mọi khoản thuế mà được, hoặc có thể được hoàn trả khi sản phẩm làm ra được đem xuất khẩu;

**** Sản phẩm của công ty tôi phải đáp ứng tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa theo quy định của EU nhưng có bộ phận trùng mã HS xin hỏi có sự nối lỏng nào trong quy tắc xuất xứ không?***

Trả lời:

Theo quy định của EU về quy tắc xuất xứ hàng hóa thì những nguyên liệu không có xuất xứ có thể được sử dụng trong sản xuất của một sản phẩm kể cả khi nó không đáp ứng được quy tắc trong danh sách gia công hoặc chế biến đầy đủ, chỉ cần tổng giá trị của chúng không vượt quá 10% của giá thành xuất xưởng của sản phẩm (điều khoản này không áp dụng với vải dệt và sản phẩm may mặc. Tuy nhiên những quy tắc khoan dung cụ thể cho mặt hàng này được ghi rõ tại Phụ lục 14).

- Ví dụ: một con búp bê (phân loại HS 9502) sẽ đạt tiêu chuẩn nếu nó được sản xuất từ những nguyên liệu nhập khẩu được phân loại trong một chương khác. Điều này nghĩa là nhà sản xuất của nước hưởng ưu đãi được phép nhập khẩu nguyên liệu thô như nhựa, vải, v...v... được xếp vào những chương khác của HS. Nhưng sự sử dụng những bộ phận của búp bê (ví dụ mắt búp bê) thường thì không được phép vì chúng được xếp vào cùng một chương (HS 9502). Tuy nhiên, quy tắc khoan dung cho phép sử dụng những bộ phận này nếu tổng của chúng không vượt quá 10% giá trị con búp bê.

**** Xin quý Phòng cho biết quy tắc lãnh thổ và vận chuyển?***

Trả lời:

Quy tắc lãnh thổ và vận chuyển trực tiếp nhằm đảm bảo cho hàng hoá có xuất xứ được xuất khẩu từ một nước hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập thực sự có nguồn gốc tại đó và chúng được vận chuyển đến điểm đến trong EC mà không bị thay thế, sửa đổi hoặc làm biến dạng theo bất cứ cách nào. Sự tuân theo những quy tắc này, vì thế, là một điều kiện để được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan.

Nguyên lý của tính lãnh thổ nghĩa là quá trình gia công và chế biến phải diễn ra liên tục tại lãnh thổ của nước hưởng ưu đãi đang được xem xét, trừ phi cộng gộp khu vực được áp dụng – khi mà những nguyên tắc được áp dụng cho cả tổ chức khu vực như là một tổng thể.

Những sản phẩm có xuất xứ được xuất khẩu từ một nước hưởng ưu đãi hoặc Cộng đồng châu Âu đến một nước khác và sau đó trở lại sẽ được coi là có xuất xứ từ nước hưởng ưu đãi, với điều kiện là trừ phi nó được chứng minh thoả đáng trước các cơ quan có thẩm quyền rằng:

- Sản phẩm quay trở lại nước xuất khẩu y nguyên như khi chúng được xuất khẩu, và
- Chúng chưa trải qua bất kỳ hoạt động nào ngoại trừ những hoạt động cần thiết để bảo quản hàng hóa trong

điều kiện tốt trong khi ở nước khác hoặc khi đang được xuất khẩu.

Khu vực tự do là phần lãnh thổ của một nước sử dụng cho mục đích xuất xứ. Điều này nghĩa là hàng hoá được sản xuất trong khu vực tự do tại nước hưởng ưu đãi có thể hưởng lợi từ chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Cộng đồng châu Âu nhưng phải tuân theo những tiêu chuẩn xuất xứ đề được như vậy.

Hàng hoá từ những nước hưởng lợi giữa đất liền cần thiết phải được vận chuyển thông qua một nước khác. Khi các tuyến vận chuyển đường thuỷ giữa nước hưởng lợi Cộng đồng châu Âu không sẵn, hoặc ví lí do giá cả, việc vận chuyển hàng hoá thông qua một nước khác cũng có thể cần thiết.

Để đảm bảo đạt được những mục tiêu đề ra những nguyên tắc vận chuyển trực tiếp yêu cầu hàng hoá phải:

- được vận chuyển từ nước xuất khẩu hưởng ưu đãi hưởng chế độ thuế quan ưu đãi phổ cập đến Cộng đồng châu Âu (hoặc ngược lại) mà không đi qua lãnh thổ của bất kỳ nước nào khác; hoặc
- Nếu hàng hoá được vận chuyển như một hàng ký gửi qua một nước khác (với, nếu cần thiết, việc sang tàu hoặc xếp kho hay lưu giữ tạm thời tại nước đó), chúng vẫn chịu sự giám sát của cơ quan hải quan của nước đó. Hàng hoá không được phép trải qua bất kỳ hoạt động sản xuất nào

tại đó trừ dỡ hàng, xếp hàng lại hoặc những hoạt động nhằm mục đích giữ chúng trong điều kiện tốt.

- Nếu chúng được vận chuyển qua Na-uy hoặc Thụy Sĩ (với, nếu cần thiết, việc sang tàu hoặc xếp kho hay lưu giữ tạm thời tại nước đó) và sau đó được xuất khẩu trở lại nguyên vẹn hoặc từng phần vào Cộng đồng châu Âu, chúng vẫn chịu sự giám sát của cơ quan hải quan của Na-uy hoặc Thụy Sĩ. Hàng hoá không được phép trải qua bất kỳ hoạt động sản xuất nào tại đó trừ dỡ hàng, xếp hàng hoặc những hoạt động nhằm mục đích giữ chúng trong điều kiện tốt.

Thông thường khi hàng hoá được *vận chuyển trực tiếp* từ nước xuất khẩu hưởng ưu đãi tới Cộng đồng châu Âu, không yêu cầu bằng chứng cụ thể nào ngoại trừ hoá đơn đường thuỷ hoặc đường không thông thường, trừ khi các cơ quan hải quan của Cộng đồng châu Âu có lý do để nghi ngờ rằng hàng hoá không được vận chuyển trực tiếp.

Nếu hàng hoá được *vận chuyển thông qua một nước khác*, trừ phi nước đó là một trong các nước thuộc cùng một tổ chức khu vực, nhà nhập khẩu vào Cộng đồng châu Âu sẽ bị yêu cầu trình diện bằng chứng rằng sản phẩm đáp ứng đủ những điều kiện đề ra.

Bằng chứng này có thể là:

- một tài liệu vận chuyển chỉ ra một hợp đồng vận chuyển hàng hoá từ nước xuất khẩu hưởng ưu đãi đến Cộng đồng

châu Âu (ví dụ một hoá đơn vận chuyển đường thuỷ hoặc đường không ghi rõ đường đi qua nước quá cảnh),

hoặc

- một giấy chứng nhận (đôi khi được gọi là “giấy chứng nhận không bị sửa đổi”) cấp bởi cơ quan hải quan của nước quá cảnh.
- đưa ra mô tả chính xác của hàng hoá,
- nêu rõ ngày tháng dỡ hàng và xếp lại hàng hoặc khởi hành và đến đích, nhận dạng tàu chở hàng hoặc những phương tiện chuyên chở đã sử dụng khác, và
- chứng nhận rằng hàng hoá luôn được chịu sự giám sát hải quan và không trải qua bất kỳ hoạt động sản xuất nào ngoại trừ những hoạt động cần thiết để giữ chúng trong điều kiện tốt, hoặc
- bất kỳ tài liệu nào khác có khả năng xác nhận rằng những điều kiện đề ra đã được đáp ứng. *Ví dụ:* Đối với hàng hoá có xuất xứ Trung Quốc được gửi qua Hồng Kông, có một hợp đồng với các nhà chức trách Trung Quốc, theo đó “Công ty trách nhiệm hữu hạn thanh tra Trung Quốc” (CICL) có dán tem Hồng Kông vào ô 4 của mẫu A được cấp bởi các nhà chức trách Trung Quốc nêu rằng “xác nhận hàng hoá nêu trong giấy chứng nhận này chưa chịu bất kỳ hoạt động sản xuất nào trong thời gian ở và chuyển

tàu tại Hồng Kông”. Trong trường hợp này rõ ràng là mẫu A phải được chuyển đi cùng với hàng hoá.

**** Công ty chúng tôi mang hàng đi triển lãm sau khi triển lãm xong chúng tôi có bán cho khách nước ngoài xin cho hỏi xuất xứ hàng hóa như thế nào?***

Trả lời:

Các sản phẩm có xuất xứ gửi từ nước hưởng ưu đãi để triển lãm tại một nước khác và được bán sau triển lãm để nhập khẩu vào Cộng đồng châu Âu có thể được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Cộng đồng châu Âu, tùy vào những điều kiện nhất định. Triển lãm có thể là triển lãm thương mại, công nghiệp, nông nghiệp hay thủ công, cũng có thể là hội chợ hoặc trưng tự như buổi trưng bày trước công chúng, hoặc trưng bày được tổ chức không vì mục đích cá nhân trong cửa hàng hoặc trưng tâm thương mại với mục đích bán các sản phẩm quốc tế, và trong thời gian đó các sản phẩm nằm trong sự kiểm soát hải quan. Sản phẩm phải đáp ứng những điều kiện cho phép chúng được công nhận là có xuất xứ từ nước hưởng ưu đãi. Đồng thời sản phẩm đó phải được trình bày thoả đáng với cơ quan hải quan có thẩm quyền của Cộng đồng châu Âu rằng:

- (a) một nhà xuất khẩu đã gửi những sản phẩm này từ nước hưởng ưu đãi trực tiếp đến nước tổ chức triển lãm và đã triển lãm chúng tại đó;

C/O

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

- (b) sản phẩm đã được bán hoặc đã bị bỏ đi bởi nhà xuất khẩu đó cho một người trong Cộng đồng châu Âu;
- (c) sản phẩm đã được ký gửi trong thời gian triển lãm hoặc ngay sau đó tới Cộng đồng châu Âu trong tình trạng giống như khi chúng được gửi đi triển lãm;
- (d) những sản phẩm chưa, từ khi được ký gửi để triển lãm, được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc trưng bày tại triển lãm.

Một giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A phải được nộp cho cơ quan hải quan Cộng đồng châu Âu theo cách thông thường. Tên và địa chỉ của triển lãm phải được nêu rõ trong đó. Nếu cần thiết, cơ quan hải quan có thể yêu cầu một số tài liệu bổ sung chứng minh về những tính chất cơ bản của sản phẩm và điều kiện nơi sản phẩm được triển lãm.

**** Giấy chứng nhận xuất xứ có hiệu lực trong bao lâu?***

Trả lời:

Theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập Cộng đồng châu Âu, giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A, bản kê khai hoá đơn và giấy chứng nhận di chuyển EUR.1 đều có hiệu lực trong vòng 10 tháng kể từ ngày cấp giấy tại nước xuất khẩu. Trong khoảng thời gian này, chúng phải được trình diện cho cơ quan hải quan của nước nhập khẩu. Tuy nhiên, các chứng nhận xuất

xứ trình diện cho cơ quan hải quan của nước nhập khẩu sau khi hết hiệu lực có thể được chấp nhận cho mục đích đăng ký hưởng ưu đãi thế quan nếu việc không nộp chúng kịp thời là do những hoàn cảnh ngoại lệ. Trong những trường hợp trình diện muộn khác, chúng có thể được chấp nhận nếu hàng hoá được trình diện trước ngày cuối cùng.

Trong một số hoàn cảnh nhất định, nếu hàng hoá được nhập khẩu trong khuôn khổ của lưu lượng mậu dịch thường xuyên và liên tục, có giá trị thương mại quan trọng, nhà nhập khẩu có thể yêu cầu nộp một chứng nhận xuất xứ riêng vào lần nhập khẩu của hàng ký gửi đầu tiên. Cơ quan hải quan sẽ công bố điều kiện, nhưng thời gian cho phép không được quá ba tháng. Cụ thể là hàng hoá phải đúng là đối tượng trong hợp đồng giao dịch (những bên liên quan trong nước xuất khẩu hoặc trong Cộng đồng châu Âu), được phân loại vào cùng một mã CN 8 chữ số, sở hữu độc quyền bởi cùng một nhà xuất khẩu, dành riêng cho cùng một nhà nhập khẩu, và được công nhận bởi cùng một cơ quan hải quan trong Cộng đồng châu Âu.

Nhà xuất khẩu, cơ quan cấp C/O phải lưu giữ những hồ sơ này và tất cả các hồ sơ chứng thực xuất xứ trong tối thiểu là 3 năm sao cho có thể tiến hành các cuộc kiểm tra xác minh rằng các quy tắc xuất xứ đã được đáp ứng dưới bất kì sự uỷ thác nào.

** Xin cho hỏi công ty đã được cấp C/O nhưng không may bị thất lạc, vậy chúng tôi phải làm gì để được cấp C/O lại?*

Trả lời:

Nếu C/O bị mất công ty làm công văn nêu rõ lý do xin cấp lại nếu bản C/O copy còn thì nộp lại cho Tổ cấp C/O đồng thời làm lại bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O

- Nộp một bản Mẫu A hoàn chỉnh.
- Nộp bản phôi của hoá đơn xuất khẩu và/ hoặc bất cứ bằng chứng xác nhận nào mà dựa trên đó Mẫu A gốc được ban hành.

Sau khi chứng thực rằng thông tin đã cung cấp trùng khớp với những gì trong hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền sẽ ban hành bản sao của Mẫu A dựa trên các tài liệu xuất khẩu mà họ sở hữu, nếu họ chấp nhận yêu cầu của bạn là chính đáng. Họ sẽ điền “*Bản Sao*” hoặc “*Duplicata*”, cùng ngày tháng cấp, số thứ tự của giấy chứng nhận gốc vào ô 4. Thời hạn có hiệu lực của giấy chứng nhận bản sao sẽ được tính từ ngày có hiệu lực của giấy chứng nhận gốc.

*** Khi Việt Nam được hưởng Quy chế GSP của Hoa Kỳ thì điều kiện để được cấp Mẫu A là gì?**

Trả lời:

Trong quy tắc xuất xứ, Mỹ không đưa ra những sản phẩm nào được coi là có xuất xứ toàn bộ. Tuy nhiên, Mỹ chấp

nhận các sản phẩm xuất xứ toàn bộ như được định nghĩa tại quy tắc xuất xứ GSP của EU là sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ, được coi là có xuất xứ tại nước được hưởng.

Đối với một sản phẩm nhập khẩu vào Mỹ để hưởng chế độ ưu đãi miễn thuế GSP thì:

- Sản phẩm đó phải có trong danh mục GSP;
- Sản phẩm đó phải là của nước được hưởng;
- Nước được hưởng đó phải được hưởng chế độ GSP đối với sản phẩm đó;
- Sản phẩm đó phải đáp ứng quy tắc xuất xứ của Mỹ;
- Sản phẩm đó phải được nhập khẩu trực tiếp vào Mỹ từ nước hoặc tổ chức được hưởng.

Tiêu chuẩn về trị giá gia tăng:

Tổng của chi phí về nguyên liệu làm tại nước được hưởng với các chi phí gia công trực tiếp phải bằng ít nhất là 35% trị giá định của sản phẩm vào thời điểm nhập khẩu vào Mỹ. Các nguyên liệu nhập khẩu từ các khối khu vực được hưởng ưu đãi, từ nước thuộc khu vực này sẽ được miễn thuế nếu chúng cùng tạo nên ít nhất 35% trị giá xác định của sản phẩm, giống như một quốc gia. Cơ quan hải quan Mỹ sẽ có nhiệm vụ xác định một sản phẩm có đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ hay không.

Nguyên phụ liệu nhập khẩu có thể được tính vào trị giá gia tăng tại nước được hưởng chỉ khi chúng đã được "thay đổi cơ bản" thành nguyên liệu cấu tạo khác và mới của sản phẩm cuối cùng.

Giá xác định:

Trong hầu hết trường hợp, hàng hoá sẽ được định giá theo trị giá giao dịch, có nghĩa là giá đã trả hoặc sẽ trả trên thực tế cho hàng hoá đó khi bán để xuất khẩu sang Mỹ, cộng với các chi phí cho các mục sau, nếu chưa được tính vào trong giá:

- Chi phí đóng gói mà bên mua phải chịu;
- Mọi khoản tiền hoa hồng bán hàng mà bên mua chịu;
- Trị giá của các hỗ trợ;
- Phí bản quyền hoặc giấy phép mà bên mua phải thanh toán như là điều kiện để bán hàng;
- Tiền thu được, cho người bán, từ mọi hoạt động sử dụng, chuyển nhượng, bán lại hàng hoá nhập khẩu.

Về nguyên tắc, các chi phí vận chuyển và chi phí khác về vận tải sản phẩm hưởng GSP từ nước xuất khẩu đến Mỹ không được tính vào trị giá của sản phẩm, cũng không được tính vào giá trị gia tăng.

Chi phí gia công trực tiếp:

Các khoản sau đây có thể được tính vào chi phí gia công trực tiếp: tất cả các chi phí phát sinh trực tiếp trong hoặc có thể xác định hợp lý trong việc trồng, sản xuất, gia công hoặc lắp ráp hàng hoá, bao gồm: chi phí lao động thực tế, phụ cấp, dạy nghề, và chi phí về kỹ thuật, giám sát, kiểm tra chất lượng, và nhân sự tương tự; thuốc nhuộm, khuôn, dụng cụ và sự giảm giá máy móc và phụ tùng, nghiên cứu, phát triển, thiết kế, vẽ thiết kế và kỹ thuật; và chi phí thanh tra và kiểm tra.

Những khoản sau không được tính vào chi phí gia công: những khoản không trực tiếp tạo thành sản phẩm hoặc không phải là chi phí sản xuất bao gồm lợi nhuận và các chi phí chung và tổng phí giao dịch (như lương hành chính, bảo hiểm thiệt hại và trách nhiệm, quảng cáo, và lương cho nhân viên bán hàng, tiền hoa hồng hoặc phí).

Xuất xứ cộng gộp - cộng gộp khu vực

Nếu các thành viên của khối khu vực yêu cầu và được công nhận là khối khu vực theo GSP, tổ chức đó sẽ được coi như là một quốc gia vì mục đích của quy tắc xuất xứ GSP. Các sản phẩm sản xuất tại hai hay nhiều nước thành viên của tổ chức đó sẽ được coi là sản phẩm miễn thuế nếu các nước đó cùng nhau tạo thành tối thiểu là 35% trị giá của sản phẩm, như điều kiện đối với một quốc gia. Các giới hạn cạnh tranh cần thiết sẽ được tính cho nước xuất xứ mà không tính cho tổ chức đó. Có sáu tổ chức hiện nay được hưởng ưu đãi theo quy định này:

- Khối Andean;

- Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trừ Singgapo và Bru-nây, Ma-lay-sia và các nước là thành viên nhưng Mỹ chưa cho hưởng ưu đãi GSP;

- Các nước thành viên của Thị trường chung Ca-ri-bê (CARICOM);

- Liên minh Tiền tệ và Kinh tế Tây Phi (WAEMU);

- Cộng đồng Phát triển Nam Phi (SADC);

- Ủy ban ba bên về hợp tác Đông Phi (EAC).

**** Điều kiện để được cấp C/O Mẫu A cho sản phẩm xuất khẩu sang Nga là gì?***

Trả lời:

Hàng hoá có xuất xứ toàn bộ tại một nước

Hàng hoá sản xuất toàn bộ tại một nước là:

a. Các khoáng sản khai thác trong nước đó, lãnh hải hoặc dưới đáy biển nước đó;

b. Các sản phẩm thực vật được trồng hoặc thu hoạch tại nước đó;

c. Các động vật sinh sống ra và nuôi tại nước đó;

- d. Các sản phẩm có được từ săn bắn, đánh cá tại nước đó;
- e. Hải sản và các sản phẩm khác do tàu của nước đó hoặc của nước đó thuê đánh bắt được;
- f. Các sản phẩm được chế biến trên tàu từ sản phẩm ở mục e);
- g. Các sản phẩm từ đáy đại dương hoặc từ lòng đại dương nằm ngoài ranh giới hải phận của nước đó với điều kiện nước đó được quyền khai thác đáy hoặc lòng đại dương;
- h. Chất thải sản xuất và các vật liệu đã qua sử dụng được thu gom tại nước đó;
- i. Các sản phẩm công nghệ cao nhận được từ các con tàu vũ trụ thuộc nước đó hoặc của nước đó thuê;
- k. Hàng hoá sản xuất tại nước đó ngoại trừ các sản phẩm ở mục a) và i).

Khi hàng hoá có sử dụng nguyên phụ liệu nhập khẩu, điều kiện để hàng đáp ứng được tiêu chuẩn xuất xứ là: Tiêu chuẩn gia công đầy đủ.

Nếu trong quá trình sản xuất có hai hoặc nhiều hơn hai nước tham gia, xuất xứ hàng hoá được xác định theo tiêu chuẩn gia công đầy đủ.

Tiêu chuẩn gia công đầy đủ là:

a. Quá trình gia công làm thay đổi mã HS của hàng hoá (thay đổi 1 trong 4 số đầu tiên của mã hàng) theo Danh mục hàng hoá;

b. Thực hiện các yêu cầu cần thiết trong hoạt động sản xuất và kỹ thuật đủ để được coi là hàng đó được sản xuất tại nước có những hoạt động đó xảy ra;

c. Nguyên tắc tỷ lệ phần trăm trị giá - thay đổi trị giá sản phẩm khi trị giá nguyên liệu hoặc trị giá gia tăng lớn hơn 50% trị giá sản phẩm.

d. Các hoạt động không phù hợp với tiêu chuẩn gia công đầy đủ:

e. Các hoạt động bảo quản hàng hoá trong thời gian lưu kho hoặc vận chuyển;

f. Các hoạt động chuẩn bị hàng trước khi bán và vận chuyển (phân chia thành lô, làm thủ tục gửi hàng, phân loại, đóng gói lại hàng);

g. Các hoạt động thu gom đơn giản;

h. Trộn hàng (các thành phần) mà không dẫn đến sự khác biệt đáng kể của sản phẩm nhận được;

i. Giết mổ gia súc;

k. Các hoạt động kết hợp hai hay nhiều hơn các hoạt động trên.

Đối với một số hàng cụ thể xuất xứ hàng hoá không được quy định trước, thì áp dụng quy tắc chung theo đó quốc gia nơi hàng hoá được gia công đầy đủ, hoặc thay đổi mã HS của hàng hoá theo bảng Danh mục hàng hoá được xem là nước xuất xứ.

Tiêu chuẩn gia công đầy đủ đối với một số hàng cụ thể được quy định và áp dụng trên cơ sở Bộ Luật hiện hành của Chính phủ Liên bang Nga.

**** Trên giấy chứng nhận Mẫu A xuất khẩu tới thị trường Nga cần chú ý những điểm gì?***

Trả lời:

Các thông tin về người xuất khẩu và nhập khẩu (mục 1, 2) phải tương ứng với các thông tin trong các chứng từ đi kèm;

- Số hoá đơn trong giấy chứng nhận phải tương ứng với số hoá đơn đi kèm;

- Trong mục 8 phải ghi tiêu chuẩn xuất xứ bằng cách các ký hiệu được chấp nhận ở Liên bang Nga:

- Hàng được sản xuất toàn bộ tại nước xuất khẩu - "**P**"

+ Hàng bao gồm trong đó có trị giá gia tăng - "**Y**"

+ Hàng được sản xuất tại một trong các nước được hưởng chế độ ưu đãi và tiếp tục được gia công chế biến tại các nước được hưởng khác - "**Pk**"

Các ký hiệu "W", "Z", "F" và các ký hiệu tương tự sẽ không được cơ quan hải quan chấp nhận. Nếu trong lô hàng có vài loại mặt hàng thì phải ghi rõ tiêu chuẩn xuất xứ của từng mặt hàng.

Giấy chứng nhận phải được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất khẩu (thường là phòng thương mại) hoặc cơ quan được tổ chức này uỷ quyền xác nhận trong mục 11.

**** Điều kiện để được cấp Mẫu A cho các sản phẩm xuất khẩu sang Nhật Bản là gì?***

Trả lời:

Quy tắc xuất xứ

Đề hàng hoá nhập khẩu từ quốc gia được hưởng chế độ thuế quan ưu đãi, chúng phải được công nhận là có xuất xứ tại nước đó theo tiêu chuẩn xuất xứ của chế độ GSP Nhật, và được vận chuyển đến Nhật theo tiêu chuẩn về vận tải.

Tiêu chuẩn về vận tải (Vận chuyển thẳng)

Tiêu chuẩn này là để đảm bảo rằng hàng hoá giữ được tính chất và không bị thay đổi hay chế biến thêm trong quá trình vận chuyển.

(i) Về nguyên tắc, hàng hoá đó phải được vận chuyển thẳng đến Nhật mà không đi qua bất kỳ lãnh thổ nào ngoài quốc gia được hưởng xuất khẩu.

(ii) Tuy nhiên, đối với hàng hoá vận chuyển thẳng tới Nhật qua lãnh thổ quốc gia khác, chúng được hưởng ưu đãi nếu

a. Chúng không trải qua quá trình sản xuất nào tại nước quá cảnh ngoài việc chuyển tàu hay lưu kho tạm thời chỉ vì yêu cầu vận tải, và

b. Vận chuyển hay lưu kho tạm thời đã được thực hiện tại khu vực ngoại quan hay khu vực tương tự, dưới sự giám sát của các cơ quan hải quan nước quá cảnh.

(iii) Về hàng hoá xuất khẩu từ một quốc gia được hưởng, để lưu kho tạm thời hay trưng bày tại triển lãm, hội chợ và hoạt động tương tự tại nước khác, được xuất khẩu bởi người mà đã xuất khẩu như vậy hàng hoá từ một nước nói trên đến Nhật, chúng được hưởng ưu đãi nếu

a. Việc vận chuyển đến Nhật từ nước nơi triển lãm được tổ chức thuộc (I) hoặc (II) nói trên, và

b. Triển lãm được tổ chức tại khu ngoại quan hay nơi tương tự, dưới sự giám sát của hải quan nước đó.

Tiêu chuẩn xuất xứ

Hàng hoá được coi là xuất xứ tại một quốc gia được hưởng nếu chúng xuất xứ toàn bộ tại nước đó.

Đối với những sản phẩm được sản xuất toàn bộ hoặc một phần từ nguyên liệu hay bộ phận, những thứ này được nhập khẩu từ nước khác, hoặc không rõ xuất xứ, những sản phẩm này được coi là có xuất xứ từ một nước được hưởng nếu những nguyên liệu hay bộ phận này đã được gia công hay chế biến sẽ được coi là đầy đủ khi sản phẩm làm ra được xếp vào mã số thuế HS (4 số) khác với mã số HS của các nguyên liệu hay bộ phận dùng trong sản xuất. Tuy nhiên, có hai ngoại lệ cho quy tắc này. Một là một số hoạt động gia công hay chế biến sẽ không được coi là đầy đủ khi hoạt động này trên thực tế quá đơn giản thậm chí chúng có tạo ra việc thay đổi HS. Thứ hai là một số hàng hoá bắt buộc phải đáp ứng các điều kiện đặc biệt để có xuất xứ mà không có sự thay đổi HS.

Sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật (Thành phần nước bảo trợ hoặc Thành phần nước bảo trợ)

Trong khi áp dụng tiêu chuẩn xuất xứ, chế độ đặc biệt sau sẽ được áp dụng, cho những nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật vào nước được hưởng và được dùng vào sản xuất hàng hoá sẽ được xuất khẩu sang Nhật ("Quy tắc Thành phần nước bảo trợ")

(i) Trường hợp hàng hoá sản xuất tại một nước được hưởng chỉ từ nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật, hoặc những hàng hoá sản xuất tại nước được hưởng chỉ từ nguyên liệu xuất xứ

toàn bộ tại nước được hưởng và nguyên liệu nhập từ Nhật, những hàng hoá này sẽ được coi là xuất xứ toàn bộ tại nước đó.

(ii) Mọi hàng hoá xuất khẩu từ Nhật được sử dụng làm nguyên liệu thô hay thành phần để sản xuất ra hàng hoá không phải là hàng hoá nói ở đoạn (i) nói trên sẽ được coi là xuất xứ toàn bộ tại nước đó.

Tuy nhiên, đối với một số sản phẩm làm tại một nước được hưởng, chế độ đặc biệt sẽ không được sử dụng.

Quy tắc xuất xứ cộng gộp

Trường hợp hàng hoá sản xuất tại một nước là thành viên của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á-ASEAN (bao gồm Bru-nây, In-đô-nê-sia, Ma-lay-sia, Phi-lip-pin, Xinggapo, Thái Lan và Việt Nam), những nước này được coi như là một nước được hưởng vì mục đích áp dụng tiêu chuẩn xuất xứ nói trên và quy tắc thành phần nước bảo trợ.

Về chi tiết, các nước ASEAN sẽ chịu các tác động sau khi áp dụng tiêu chuẩn sản xuất cơ bản.

1. Các hàng hoá liệt kê dưới đây được coi là xuất xứ tại ASEAN, khi tính mức sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ ASEAN.

a. Tất cả các nguyên liệu thô chỉ bao gồm hàng hoá có xuất xứ ASEAN.

b. Tất cả các nguyên liệu thô chỉ bao gồm hàng hoá có xuất xứ từ Nhật sang các nước ASEAN.

c. Tất cả các nguyên liệu thô chỉ bao gồm hàng hoá nói tại mục a và b nói trên.

d. Những nguyên liệu thô mà bao gồm hàng hoá nói tại mục a đến c nói trên và hàng hoá không có xuất xứ ASEAN (trừ Nhật) và tuân theo các quy định tại mục a đến c nói trên.

2. Hàng hoá được coi là xuất xứ tại ASEAN khi các yêu cầu về sản xuất hay chế biến chúng đã được áp dụng tại tất cả các nước ASEAN liên quan trong quá trình sản xuất ra hàng hoá đó.

Xuất xứ của hàng hoá mà được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan theo các quy tắc cộng gộp là nước mà sản xuất và xuất khẩu hàng hoá đó sang Nhật.

Để sử dụng hệ thống cộng gộp khu vực, Giấy chứng nhận sản xuất, gia công cộng gộp nên được xuất trình cho Hải quan vào lúc kê khai nhập khẩu cộng với giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A.

**** Điều kiện để được cấp C/O Mẫu A cho hàng hóa xuất khẩu sang Canda là gì?***

Trả lời:

Quy tắc xuất xứ

Để được hưởng thuế suất GPT (GPT là cách gọi của Canada về chế độ GSP của họ), sản phẩm phải đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ và quy tắc vận chuyển thẳng do Canada quy định. Xuất xứ của hàng hoá phải được chứng minh bằng bằng chứng bắt buộc.

Hàng hoá xuất xứ toàn bộ

Hàng hoá sau đây sẽ được cho là sản phẩm của một nước được hưởng và có xuất xứ tại nước được hưởng đó:

- (a) Khoáng sản lấy từ lòng đất hoặc từ đáy biển;
- (b) Rau quả thu hoạch ở nước được hưởng;
- (c) Động vật sống sinh trưởng ở nước được hưởng;
- (d) Những sản phẩm chế biến ở nước được hưởng từ động vật sống;
- (e) Những sản phẩm có được do săn bắn hoặc đánh bắt ở nước được hưởng;
- (f) Những sản phẩm từ đánh bắt xa bờ hoặc những sản phẩm khác lấy từ biển cả bởi tàu thuyền của nước được hưởng;
- (g) Những sản phẩm được làm trên tàu chế biến - chỉ từ những sản phẩm nói tại mục (f) nói trên;

(h) Phế liệu và phế thải từ hoạt động sản xuất diễn ra tại nước được hưởng:

(i) Những sản phẩm đã qua sử dụng của nước được hưởng nhập khẩu vào Canada chỉ dùng để tái chế nguyên liệu thô;

(j) Những sản phẩm sản xuất tại nước được hưởng chỉ từ những sản phẩm nói tại mục (a) đến mục (i) nói trên.

Hàng hoá có thành phần nhập khẩu

Những sản phẩm được sản xuất tại một nước được hưởng một cách toàn bộ hoặc một phần từ những nguyên liệu, bộ phận hay thành phần xuất xứ ở ngoài nước này hoặc có xuất xứ không xác định hoặc không biết được coi là được sản xuất hay chế biến hay nuôi trồng tại nước được hưởng nếu giá trị thành phần nhập khẩu không vượt quá 40% hoặc, trong trường hợp nước kém phát triển, không quá 60% giá xuất xưởng của sản phẩm khi đã được đóng gói để vận chuyển đến Canada (tiêu chuẩn phần trăm).

Trong khi tính giá trị thành phần nhập khẩu, mọi nguyên phụ liệu được sử dụng trong sản xuất hay chế biến sản phẩm, có xuất xứ từ bất kỳ nước được hưởng nào khác (cộng gộp toàn cầu) hoặc từ Canada (quy tắc thành phần nước bảo trợ) và mọi bao bì bắt buộc phải có cho việc vận chuyển hàng hoá, những bao bì sử dụng khi hàng hoá được bán một cách

bình thường cho tiêu dùng tại nước được hưởng sẽ được coi là đã xuất xứ tại nước được hưởng.

Trị giá vật tư nhập khẩu được xác định là trị giá hải quan của chúng vào thời điểm nhập khẩu vào nước được hưởng ưu đãi, hoặc, trong trường hợp xuất xứ không xác định được, là giá đầu tiên trả cho vật tư đó tại nước đó.

Giá xuất xưởng là tổng trị giá của nguyên liệu, bộ phận, chi phí nhà xưởng, nhân công và các chi phí hợp lý khác phát sinh trong quá trình sản xuất bình thường (ví dụ thuế trả cho nguyên phụ liệu nhập khẩu vào nước được hưởng và không được hoàn trả khi hàng hoá được xuất khẩu), và lợi nhuận thích hợp. Mọi chi phí phát sinh sau khi hàng hoá rời nhà máy, như phí vận tải, phí bốc xếp, phí lưu kho tạm thời đều không được tính vào giá xuất xưởng.

**** Ngoài cách tính về phần trăm thành phần nhập khẩu theo quy tắc thành phần nước bảo trợ thì còn cách tính nào khác không?***

Trả lời:

Có.

Ngoài cách tính về phần trăm thành phần nhập khẩu theo quy tắc thành phần nước bảo trợ còn có cách tính theo quy tắc cộng gộp toàn cầu.

Sau đây là một vài ví dụ về tính phần trăm thành phần nhập khẩu theo quy tắc thành phần nước bảo trợ và cộng gộp toàn cầu.

Ví dụ 1: Máy thu thanh được sản xuất tại Phi-lip-pin, giá xuất xưởng trên một sản phẩm là 100 đô la Canada với các nguyên liệu, bộ phận và thành phần sau:

- i. Mạch tích hợp và đi-ốt sản xuất tại Nhật, trị giá tính trên một máy thu thanh là 45 đô la Canada; và,
- ii. Loa được sản xuất tại Hong Kong, trị giá trên một máy thu thanh là 15 đô la Canada.

Vật tư đầu vào nhập khẩu trong trường hợp này lên đến 45 đô la Canada (mạch tích hợp và đi-ốt) chiếm khoảng 45% giá xuất xưởng, trong khi theo cộng gộp toàn cầu loa được coi là vật tư nước đang phát triển. Tuy nhiên, máy thu thanh này không đáp ứng tiêu chuẩn trở thành sản phẩm có xuất xứ, bởi vì trị giá thành phần nhập khẩu vượt quá 40% giá xuất xứ. Nếu mạch tích hợp và đi-ốt được sản xuất tại Canada thì chúng sẽ được tính là thành phần của nước cho hưởng, và máy thu thanh này đủ điều kiện trở thành sản phẩm có xuất xứ.

Ví dụ 2: máy thu thanh sản xuất tại Băng-la-đét, giá xuất xưởng trên một máy là 100 đô la Canada, với các nguyên liệu, bộ phận và thành phần sau:

- i. Mạch tích hợp và đi-ốt được sản xuất tại Nhật, trị giá tính trên một máy là 45 đô la Canada; và,
- ii. Loa được sản xuất tại Ấn độ, trị giá tính trên một máy là 15 đô la Canada.

Vậy vật tư đầu vào nhập khẩu trong trường hợp này là 45 đô la Canada chiếm khoảng 45% giá xuất xưởng. Bởi Băng-la-dét được coi là một nước kém phát triển, thành phần nhập khẩu không vượt quá 60% cho phép và sản phẩm đủ điều kiện trở thành sản phẩm có xuất xứ..

**** Nếu hàng hoá của chúng tôi nhập khẩu vào Canada từ nước được hưởng phải đi quá cảnh qua lãnh thổ một nước trung gian, thì hàng hoá của chúng tôi có được hưởng ưu đãi GSP không?***

Trả lời:

Trong trường hợp hàng hoá nhập khẩu vào Canada từ nước được hưởng phải đi quá cảnh qua lãnh thổ của một nước trung gian, hàng hoá đó sẽ không được hưởng ưu đãi GPT (GPT là cách gọi của CANADA về chế độ GSP của họ), trừ phi:

- Chúng vẫn ở dưới sự giám sát quá cảnh hải quan tại nước trung gian;

- Chúng không trải qua bất kỳ hoạt động nào tại nước trung gian đó ngoài việc bốc, dỡ, chia nhỏ lô hàng hoặc những hoạt động bắt buộc để bảo quản hàng hoá trong tình trạng tốt;

- Chúng không được đưa vào lưu thông thương mại hay tiêu dùng tại nước trung gian;

- Chúng không còn được lưu kho tạm thời tại nước được hưởng trong khoảng thời gian vượt quá 6 tháng.

*** Điều kiện để các sản phẩm được cấp C/O Mẫu A sang Úc là gì?**

Trả lời:

Tiêu chuẩn xuất xứ:

Để được hưởng ưu đãi theo ASTP, hàng hoá phải tuân theo hai tiêu chuẩn xuất xứ sau:

- Quy trình sản xuất cuối cùng phải được thực hiện tại nước được ưu đãi; và

- Tối thiểu một nửa tổng chi phí sản xuất hàng hoá phải bao gồm giá trị nhân công và/hoặc nguyên liệu của một hay nhiều nước được hưởng.

Chi phí sản xuất bao gồm các chi phí mà người sản xuất phải gánh chịu trực tiếp trong sản xuất sản phẩm, hoặc là

những chi phí xác định được một cách hợp lý cho việc sản xuất. Nó bao gồm nguyên liệu, nhân công và tổng phí.

Chi phí về nhân công bao gồm: lương sản xuất và phúc lợi các chi phí nhân công khác liên quan đến quản lý quy trình sản xuất, tiếp nhận nguyên liệu, lưu kho nguyên liệu, giám sát, huấn luyện, kiểm soát chất lượng, đóng gói, lưu kho sản phẩm làm ra.

Thành phần nước bảo trợ:

Vì mục đích của tiêu chuẩn xuất xứ thứ hai nói trên, mọi thành phần của Úc đều được tính là thành phần của nước đang phát triển.

**** Điều kiện để các sản phẩm xuất khẩu được cấp C/O Mẫu A sang Na-uy là gì?***

Trả lời:

Quy tắc xuất xứ

Quy tắc xuất xứ bao gồm các quy định về "vận chuyển thẳng" và nhập khẩu vào Na-Uy đi qua EU hoặc Thụy Sĩ, cũng như các quy định về chứng minh xuất xứ

- Để có thể được hưởng chế độ ưu đãi khi nhập khẩu vào Na-Uy bắt buộc việc hàng hoá có xuất xứ phải được chứng minh dựa trên một bằng chứng về xuất xứ.

- Người sản xuất hoặc người xuất khẩu ở nước GSP liên quan chỉ có thể đưa ra một bằng chứng về xuất xứ cho

sản phẩm đáp ứng đầy đủ các quy định về xuất xứ của chế độ GSP Na-Uy và bằng bằng chứng này sản phẩm được coi là "sản phẩm có xuất xứ"

- Chế độ thuế quan ưu đãi GSP chỉ có thể được yêu cầu và được dành cho các "sản phẩm có xuất xứ" từ một nước GSP.

Tiêu chuẩn xuất xứ:

Theo quy tắc xuất xứ, có hai nguyên tắc để xác định xuất xứ. Một sản phẩm có thể được coi là có xuất xứ tại một nước GSP nếu nó đã

- Có "xuất xứ toàn bộ", hoặc

- Được sản xuất tại nước đó từ những sản phẩm không thuộc những sản phẩm nói trên, với điều kiện nó đã trải qua các quá trình gia công hay chế biến đầy đủ tại nước đó.

Sản phẩm "xuất xứ toàn bộ"

Các sản phẩm dưới đây sẽ được coi là xuất xứ toàn bộ tại một nước được hưởng GSP:

(a) Khoáng sản lấy từ lòng đất hoặc từ đáy biển nước được hưởng;

(b) Rau quả thu hoạch ở nước được hưởng;

(c) Động vật sống sinh trưởng ở nước được hưởng;

(d) Những sản phẩm từ động vật sống sinh trưởng ở nước được hưởng;

(e) Những sản phẩm có được do săn bắn hoặc đánh bắt ở nước được hưởng;

(f) Những sản phẩm từ đánh bắt xa bờ hoặc những sản phẩm khác lấy từ biển cả bên ngoài lãnh hải với tàu thuyền của nước được hưởng;

(g) Những sản phẩm được làm trên tàu chế biến nước được hưởng - chỉ từ những sản phẩm nói tại mục (f) nói trên;

(h) Những sản phẩm đã qua sử dụng thu thập tại nước được hưởng chỉ dùng cho tái chế nguyên liệu thô;

(i) Phế liệu và phế thải từ hoạt động sản xuất diễn ra tại nước được hưởng; và

(j) Những sản phẩm lấy từ đáy biển hoặc lòng đất dưới đáy biển ngoài lãnh hải, nếu nước đó có quyền duy nhất khai thác đáy biển hoặc lòng đất đó;

(k) Những sản phẩm có tại nước được hưởng chỉ từ những sản phẩm nói tại mục (a) đến mục (j) nói trên.

Thuật ngữ "tàu thuyền nước được hưởng" và "tàu chế biến nước được hưởng" tại mục (f) (g) ở trên chỉ bao gồm các tàu và tàu chế biến mà:

- Được đăng ký ở nước được hưởng,
- Hoạt động dưới quốc kỳ của một nước được hưởng,

- Có ít nhất 50% sở hữu thuộc công dân nước được hưởng hoặc bởi một công ty có trụ sở chính đặt tại nước được hưởng mà công ty này có giám đốc hay các giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị hay hội đồng giám sát, và đa số thành viên của các hội đồng ấy là công dân của nước được hưởng đó và, thêm nữa, trong các trường hợp các công ty cổ phần hay công ty TNHH, các công ty này có ít nhất nửa số vốn thuộc về nước được hưởng đó hoặc tổ chức xã hội hay công dân của nước được hưởng đó,

- Có chỉ huy và các sĩ quan đều là công dân của nước được hưởng, và

- Có ít nhất 75% thủy thủ đoàn là công dân của nước được hưởng.

Tàu thuyền hoạt động trên biển cả, bao gồm tàu chế biến, mà trên đó cá đánh bắt được gia công hay chế biến, sẽ được coi là một phần của lãnh thổ nước được hưởng GSP nếu chúng đáp ứng các điều kiện nói trên.

Sản phẩm được "gia công hay chế biến đầy đủ" - Danh mục chế biến

Nguyên liệu được coi là được gia công hay chế biến đầy đủ tại một nước được hưởng GSP khi sản phẩm làm ra được xếp vào một hạng mục (mã số) thuế quan khác với hạng mục của các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong sản xuất. Quy tắc này thường được gọi là thay đổi mã số thuế quan.

Danh mục chế biến là một danh mục các hoạt động gia công hay chế biến bắt buộc phải thực hiện đối với các nguyên liệu không có xuất xứ để khiến sản phẩm làm ra có xuất xứ. Danh mục này được ban hành bởi Hải quan Na-Uy. Đối với các sản phẩm thuộc Danh mục thì quy định nói tại đoạn 1 sẽ không áp dụng

Gia công hay chế biến không đầy đủ

Các hoạt động dưới đây sẽ được coi là gia công chế biến không đầy đủ để sản phẩm được coi là có xuất xứ thậm chí khi các quy định tại mục 3.1. Nói trên được đáp ứng:

(a) Các hoạt động đảm bảo bảo quản sản phẩm ở trạng thái tốt trong suốt thời gian vận chuyển và lưu kho (thông gió, phơi phóng làm khô, làm lạnh, ướp muối, dùng sun-phur dioxide hay các dung dịch khác, loại bỏ những phần hỏng, và các hoạt động tương tự);

(b) Các hoạt động đơn giản bao gồm loại bỏ tạp chất, sàng lọc, sắp xếp, phân loại, ghép nối (bao gồm việc lắp thành các bộ hàng), làm sạch, vẽ trang trí, cắt gọt;

(c) Các thay đổi bao bì, tháo rời và đóng kiện, đóng gói đơn giản vào chai, lọ, túi, hộp, sắp xếp trên các tờ, mảnh giấy, và tất cả các hoạt động đóng gói đơn giản khác;

(d) Việc gắn, dán, ghi các dấu hiệu, nhãn hiệu hay các dấu hiệu đặc trưng khác lên sản phẩm hoặc lên bao bì;

(e) Việc trộn đơn giản các sản phẩm, dù là các loại khác nhau hay không, khi một hay nhiều thành phần hỗn hợp

không thoả mãn các điều kiện ghi trong quy định này để có thể được coi là các sản phẩm có xuất xứ;

(f) Việc lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm để tạo nên một sản phẩm hoàn chỉnh;

g) Việc kết hợp hai hay nhiều hoạt động nói trong các mục (a) đến (f);

(h) Làm thịt động vật.

Cộng gộp

Các quy định về cộng gộp xuất xứ cho phép việc sử dụng trong sản xuất tại một nước GSP các nguyên liệu nhập khẩu có xuất xứ từ một nước được phê chuẩn khác - trái với yêu cầu về thay đổi hạng mục thuế quan hoặc các quy định trong Danh mục chế biến.

Trong hệ thống GSP Na-Uy, có ba loại cộng gộp sau:

Cộng gộp khu vực

Năm 1978 Na-Uy đã đưa vào chế độ GSP khả năng cộng gộp xuất xứ giữa các nước đang phát triển thuộc khối kinh tế khu vực. Quy định về cộng gộp xuất xứ khu vực cho phép kết hợp giữa nguyên liệu của nước được hưởng với nguyên liệu xuất xứ từ nước khác trong cùng khối kinh tế khu vực.

Cộng gộp khu vực được áp dụng chỉ cho khối ASEAN với các nước thành viên sau: Bru-nây, Phi-lip-pin, In-đô-nê-sia, Lào, Ma-lay-sia, Xinggapo, Thái Lan, Việt Nam.

Khi sản phẩm xuất xứ tại một nước là thành viên của một khối khu vực được gia công hay chế biến tại một nước khác của khối đó, chúng sẽ được coi là có xuất xứ tại nước nơi tiến hành hoạt động gia công hay chế biến cuối cùng, nếu trị giá gia tăng ở đó lớn hơn trị giá hải quan cao nhất của những sản phẩm được sử dụng có xuất xứ tại nước khác của khối khu vực đó, và nếu hoạt động chế biến gia công không đầy đủ. Trị giá gia tăng là giá xuất xưởng trừ đi trị giá hải quan của từng sản phẩm được sử dụng có xuất xứ tại nước khác của khối khu vực.

Nếu quy định ở đoạn trên không được đáp ứng, sản phẩm sẽ có xuất xứ của nước trong khối khu vực mà có trị giá hải quan cao nhất.

Quy định này chỉ áp dụng nếu:

- Quy tắc về buôn bán theo nội dung cộng gộp khu vực, giữa các nước liên quan, chính là quy tắc của chế độ GSP Na-Uy.

- Mỗi nước trong khối khu vực đã tiến hành tuân thủ hoặc đảm bảo tuân thủ các quy định của Na-Uy và hợp tác cần thiết với Na-Uy và các nước trong khối khu vực để đảm bảo cấp đúng giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A và thẩm tra giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A và hoá đơn.

Bộ Ngoại giao Na-Uy sẽ được thông báo khi tất cả các nước trong một khối khu vực đã thực hiện các nghĩa vụ theo quy định thông qua ban thư ký của khối khu vực. Quyết định phê chuẩn cộng gộp khu vực và ngày có hiệu lực sẽ được Hải quan Na-Uy thông báo.

Cộng gộp song phương

Quy định này thường được coi là quy tắc "thành phần nước bảo trợ". Quy định này cho phép cộng gộp xuất xứ song phương tại nước GSP với nguyên liệu xuất xứ tại Na-Uy.

Kiểu cộng gộp này cho phép sử dụng không hạn chế nguyên liệu xuất xứ tại Na-Uy vào sản xuất tại nước GSP, như là sử dụng nguyên liệu khác của nước GSP, khi sản phẩm làm ra được xuất khẩu sang Na-Uy.

Trên thực tế, điều này có nghĩa là nguyên liệu xuất xứ từ Na-Uy được chuyển thành sản phẩm xuất xứ từ nước GSP xuất khẩu. Những nguyên liệu này có thể được sử dụng bởi người sản xuất tại nước GSP liên quan bất kể mọi yêu cầu về thay đổi hạng mục học mọi yêu cầu đặc biệt cho sản phẩm đó trong Danh mục chế biến.

Khi xuất khẩu nguyên liệu Na-Uy để sử dụng tại nước GSP vì mục đích cộng gộp, xuất xứ của chúng phải được chứng minh bằng Giấy chứng nhận Dịch chuyển EUR.1 hoặc bằng một hoá đơn của người xuất khẩu Na-Uy.

Cộng gộp chéo (với EU và Thụy Sĩ)

Quy tắc xuất xứ của Na-Uy có quy định về khả năng tương lai của xuất xứ cộng gộp chéo với nguyên liệu xuất xứ từ EU và Thụy Sĩ. Tuy nhiên, quy định này vẫn chưa có hiệu lực (7/2000), vì thiếu hiệp định áp dụng qua lại chính thức giữa ba bên liên quan.

**** Khi hàng hoá của Doanh nghiệp chúng tôi xuất khẩu tới NAUY thì chúng tôi về xuất xứ của sản phẩm GSP cần lưu ý những điều gì?***

Trả lời:

Bằng chứng xuất xứ

Để được hưởng thuế quan ưu đãi GSP cho một sản phẩm khi nhập khẩu vào Na-Uy, xuất xứ phải được chứng minh dựa trên việc xuất trình bằng chứng xuất xứ đúng. Chứng từ về xuất xứ của sản phẩm từ nước được hưởng GSP sẽ là một trong hai loại sau:

- Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A, phát hành bởi nhà xuất khẩu được chứng nhận bởi cơ quan có thẩm quyền nước được hưởng GSP, hoặc

- Tờ khai hoá đơn làm bởi nhà xuất khẩu nước được hưởng GSP cho những lô hàng mà giá trị của sản phẩm có xuất xứ không vượt quá 25.000 curon Na-Uy. Tờ khai hoá đơn không cần phải được xác nhận hay chứng nhận bởi một cơ quan có thẩm quyền.

Theo hệ thống khai nhập khẩu, nhà nhập khẩu Na-Uy bắt kỳ lúc nào cũng phải chứng minh được cơ sở đối với chế độ thuế quan ưu đãi GSP khi xuất trình cho hải quan một bằng chứng xuất xứ có giá trị. Cơ quan hải quan Na-Uy có thể, theo quy định về xuất xứ, thông qua cơ quan có thẩm quyền ở nước GSP liên quan thẩm tra tính hợp pháp và chính xác của bằng chứng xuất xứ được trình.

Bằng chứng xuất xứ sau là có giá trị theo hệ thống GSP Na-Uy:

- Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A
- Tờ khai hoá đơn
- Giấy chứng nhận thay thế Mẫu A (qua EU hay Thụy Sĩ)
- Giấy chứng nhận Dịch chuyển EUR.1 (từ Na-Uy đến một nước GSP vì mục đích cộng gộp)

Về nguyên tắc, giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A được cấp khi hàng được xuất khẩu hoặc đảm bảo được xuất khẩu. Tuy nhiên, Na-Uy cho phép cấp giấy chứng nhận này sau thời điểm xuất khẩu hàng hoá, khi đó chữ "ISSUED RETROSPECTIVELY" phải được ghi vào ô 4 của giấy chứng nhận xuất xứ.

Na-Uy cũng chấp nhận giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A cấp lần hai cho những trường hợp bị mất, thất lạc, hư hỏng,

khi đó chữ "DUPLICATE" phải được ghi vào ô 4 của giấy chứng nhận xuất xứ.

Hiệu lực

Bằng chứng xuất xứ (Mẫu A hoặc tờ khai hoá đơn) phải được xuất trình cho cơ quan Hải quan Na-Uy muộn nhất là 10 tháng sau ngày cấp của nước xuất khẩu GSP.

Ngoại tệ

Sản phẩm gửi là những gói nhỏ từ cá nhân cho cá nhân hoặc là một phần của hành lý cá nhân của du khách không bắt buộc phải có giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A hoặc tờ khai hoá đơn, nếu chúng là hàng phi mậu dịch và đã được khai là đáp ứng các quy định này. Tổng trị giá của sản phẩm không vượt quá 1.750 curon Na-Uy trong trường hợp gói nhỏ hoặc 5.000 curon Na-Uy trong trường hợp là hành lý cá nhân của du khách.

**** Điều kiện để các sản phẩm xuất khẩu được cấp C/O Mẫu A sang Thụy Sĩ là gì?***

Trả lời:

Quy tắc xuất xứ

Quy tắc xuất xứ trong chế độ của Thụy sĩ tương tự với quy tắc EU và Na -Uy .

Chế độ Thuỵ sĩ bao gồm các quy tắc về xuất xứ hàng hoá phải tuân thủ để được hưởng ưu đãi GSP. Để đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hoá phải được sản xuất toàn bộ tại nước được hưởng theo tiêu chuẩn gia công đặc biệt trong quy định này. Từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, danh mục quy tắc cho sản phẩm công nghiệp đã được thay đổi bởi việc làm hài hoà quy tắc xuất xứ với quy tắc của hệ thống cộng gộp Paneuropean.

Quy tắc trên về nguyên tắc chỉ áp dụng cho những hàng hoá được vận chuyển thẳng từ nước được hưởng đến Thuỵ sĩ. Tuy nhiên quá cảnh hàng qua các nước khác (ví dụ UE, Na-uy) vì lý do vận tải hay các lý do thực tế khác được cho phép.

Nội dung chính của quy tắc xuất xứ.

Để được hưởng ưu đãi thuế quan Thuỵ sĩ, sản phẩm gửi từ một nước được hưởng đến Thuỵ sĩ phải:

- Phải được vận chuyển thẳng đến Thuỵ sĩ từ nước được hưởng.

- Tuân theo quy tắc xuất xứ của Thuỵ sĩ đối với sản phẩm đó.

- Phải được đi kèm bởi chứng từ thích hợp về xuất xứ của chúng.

Sản phẩm có xuất xứ.

Vì mục đích của GSP các sản phẩm sau đây coi là xuất xứ tại một nước được hưởng.

- Sản phẩm" xuất xứ toàn bộ tại nước được hưởng hoặc

- Sản phẩm được sản xuất tại nước được hưởng, mà không sử dụng những sản phẩm nói ở mục trên, với điều kiện nó đã trải qua các quá trình gia công hay chế biến đầy đủ tại nước.

Bao bì là bao bì bình thường của hàng hoá và không có giá trị sử dụng lâu dài trừ trị giá bao gói được xem là một phần của hàng hoá được đóng gói.

Sản phẩm " xuất xứ toàn bộ " tại nước được hưởng.

Các sản phẩm dưới đây sẽ được coi là xuất xứ toàn bộ tại một nước được hưởng GSP.

(a) Khoáng sản lấy từ lòng đất hoặc từ đáy biển nước được hưởng.

(b) Rau quả thu hoạch ở nước được hưởng.

(c) Động vật sống sinh trưởng ở nước được hưởng.

(e) Những sản phẩm có được đo sẵn bán hoặc đánh bắt ở nước được hưởng.

(f) Những sản phẩm từ đánh bắt xa bờ hoặc những hải sản khác bởi tàu thuyền ở nước được hưởng.

(g) Những sản phẩm được làm trên tàu chế biến nước được hưởng chỉ từ những sản phẩm nói tại mục(f) nói trên.

(h) Những sản phẩm đã qua sử dụng thu thập tại nước được hưởng chỉ dùng cho tái chế nguyên liệu thô.

(i) Phế liệu và phế thải từ hoạt động sản xuất diễn ra tại nước được hưởng và

(j) những sản phẩm có tại nước được hưởng chỉ từ những sản phẩm nói tại mục (a) đến mục (i) nói trên.

Sản phẩm được gia công hay chế biến đầy đủ.

a) Sản phẩm nông nghiệp (các chương HS-1-24)

Vì mục đích của quy tắc xuất xứ, hoạt động gia công hay chế biến sau được coi là đầy đủ khi hoạt động gia công hay chế biến mà kết quả là hàng hoá làm ra được xếp hạng mục thuế quan (HS) khác với hạng thuế quan của các sản phẩm không có xuất xứ được gia công chế biến.

b) Sản phẩm công nghiệp (các chương HS 25-97)

Đối với sản phẩm công nghiệp, mỗi sản phẩm có các điều kiện riêng phải đáp ứng.

Xuất xứ cộng gộp.

Cộng gộp với thụy sĩ thành phần nước bảo trợ.

Cộng gộp với nước cho hưởng (Thụy sĩ) đưa ra khả năng sử dụng nguyên liệu xuất xứ từ Thụy sĩ mà coi chúng như là xuất xứ từ nước được hưởng GSP để xác định xuất xứ.

Mục đích của thành phần nước bảo trợ, quy định này được ban hành vào ngày 1 tháng 7 năm 1996, là tăng cường hợp tác công nghiệp giữa các công ty Thụy sĩ và công ty từ nước được hưởng ưu đãi chế độ GSP Thụy sĩ.

Cộng gộp với EU và Na-uy.

a) Mở rộng thành phần nước bảo trợ Thụy sĩ cho nguyên liệu của Na-uy và EU.

Các nước được hưởng GSP có thể xem xét không chỉ nguyên liệu Thụy sĩ mà còn nguyên liệu xuất xứ từ EU và Na-uy để xác định xuất xứ ưu đãi. Nói cách khác điều này có nghĩa rằng các nước được hưởng có thể cộng gộp với nguyên liệu từ EU và Na-uy. Cộng gộp này được giới hạn cho sản phẩm công nghiệp các chương 25-97.

Tuy nhiên các quy định về thành phần nước bảo trợ chỉ áp dụng cho nguyên liệu xuất xứ từ EU, Na-uy hay, Thụy sĩ mà được vận chuyển thẳng giữa các nước này với nước được hưởng.

Quy tắc xuất xứ của các chế độ GSP của EU và của Na-uy cũng có khả năng cho các nước được hưởng ưu đãi GSP để cộng gộp với nguyên liệu của EU và Na-uy và Thụy sĩ. Điều này có nghĩa là các nước được hưởng GSP của EU có thể sử dụng nguyên liệu của Thụy sĩ (theo đúng các điều kiện

mà những nguyên liệu này xuất xứ từ nước đó, từ EU hoặc Na-uy.) và nếu hoạt động sản xuất hàng hoá đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hoá của EU hưởng ưu đãi GSP của EU. Cộng gộp này được giới hạn cho sản phẩm công nghiệp các chương 25-97.

Tuy nhiên các quy định về thành phần nước bảo trợ chỉ áp dụng cho nguyên liệu xuất xứ từ EU, hay Na-uy hay Thụy sĩ mà được vận chuyển thẳng giữa các nước này với nước được hưởng.

Cộng gộp trong các khối kinh tế khu vực ASEAN.

Một sản phẩm xuất xứ từ một khối kinh tế khu vực, sản phẩm này được sử dụng làm nguyên liệu trong sản xuất hàng hoá tại một nước thành viên khác của khối kinh tế đó có thể được coi là xuất xứ tại nước sau cùng.

Hiện nay, chỉ có khối kinh tế khu vực ASEAN đã yêu cầu và được hưởng chế độ cộng gộp này.

Gia công không đầy đủ hoặc tối thiểu.

Các hoạt động dưới đây sẽ không làm cho sản phẩm được coi là có xuất xứ thậm chí khi có thay đổi mã số HS.

(a) Các hoạt động đảm bảo bảo quản sản phẩm ở trạng thái tốt trong suốt thời gian vận chuyển và lưu kho (thông gió, phơi phóng làm khô, làm lạnh, làm ướt , ướp muối, dùng sunphur dioxit hay các dung dịch khác, loại phân bỏ những phần hỏng, và các hoạt động tương tự.

(b) Các hoạt động đơn giản bao gồm loại bỏ tạp chất, sàng lọc xấp sếp phân loại ghép nối (bao gồm việc lắp thành các hành) làm sạch vẽ trang trí cắt gọt.

(c) Thay đổi bao bì tháo rời và đóng hàng.

(d) Đóng gói đơn giản vào chai lọ, túi, hộp xấp sếp trên các tờ mảnh giấy... và các hoạt động đóng gói đơn giản khác.

(e) Việc gắn gián nghi dấu hiệu, nhãn hiệu hay các dấu hiệu đặc trưng khác lên sản phẩm hoặc trên bao bì.

(f) Việc trộn đơn giản các sản phẩm bất kể cùng loại hay khác loại khi một hay nhiều thành phần hỗn hợp không được coi là sản phẩm có xuất xứ.

(g) Việc lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm để tạo nên một sản phẩm hoàn chỉnh.

(h) Việc kết hợp hai hay nhiều hoạt động nói trong các mục (a) đến (g).

(i) Giết mổ động vật.

Xác định giá trị Hải quan và giá trị xuất xưởng.

" Trị giá hải quan" được hiểu là trị giá hải quan quy định trong hiệp định thi hành Điều III của GATT ngày 15/4/1994 tại Gionevơ.

C/O

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

" Giá xuất xưởng " là giá giả cho nhà sản xuất mà tại nhà máy mà anh ta hoạt động gia công hay chế biết đầy đủ được thực hiện.

VƯỚNG MẮC CỦA DOANH NGHIỆP VỀ CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI FTA

** Thế nào là hàng hoá có xuất xứ thuần túy?*

Trả lời:

Hàng hoá có xuất xứ thuần túy thường được định nghĩa về cơ bản tương đối giống nhau trong các Quy tắc xuất xứ ưu đãi. Trong Quy tắc xuất xứ thuộc Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN (ATIGA), xuất xứ thuần túy được quy định như sau:

Sản phẩm được coi là có xuất xứ thuần túy hoặc được coi là sản xuất toàn bộ tại Nước thành viên xuất khẩu trong các trường hợp sau:

1. Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng bao gồm quả, hoa, rau, cây, tảo biển, nấm và các loại cây trồng khác được trồng và thu hoạch, hái hoặc thu lượm tại đó;
2. Động vật sống bao gồm động vật có vú, chim, cá, loài giáp xác, động vật thân mềm, loài bò sát, vi khuẩn và virút, được sinh ra và nuôi dưỡng tại Nước thành viên xuất khẩu;
3. Các hàng hoá chế biến từ động vật sống tại Nước thành viên xuất khẩu;

4. Hàng hoá thu được từ săn bắn, đánh bẫy, đánh bắt, nuôi trồng thuỷ hải sản, thu lượm hoặc săn bắt tại Nước thành viên xuất khẩu;

5. Khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên khác chưa được liệt kê từ khoản 1 đến khoản 4, được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, biển, đáy biển hoặc dưới đáy biển của Nước thành viên đó;

6. Sản phẩm đánh bắt bằng tàu được đăng ký tại một Nước thành viên và có treo cờ của Nước thành viên đó, và các sản phẩm khác¹ được khai thác từ vùng biển lãnh hải, đáy biển hoặc dưới đáy biển ngoài vùng lãnh hải² của Nước thành viên đó, với điều kiện là Nước thành viên đó có quyền khai thác biển, đáy biển và dưới đáy biển đó theo luật quốc tế³;

7. Sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm từ biển khác đánh bắt từ vùng biển cả bằng tàu được đăng ký tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó;

¹ Các sản phẩm khác có nghĩa là các khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác được khai thác từ vùng biển lãnh hải, đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải.

² Đối với các sản phẩm đánh bắt ngoài vùng lãnh hải (ví dụ vùng đặc quyền kinh tế), sản phẩm được coi là có xuất xứ của Nước thành viên nếu tàu khai thác sản phẩm đó được đăng ký tại Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó, và với điều kiện là Nước thành viên đó có quyền khai thác vùng đó theo luật quốc tế.

³ Theo luật quốc tế, việc đăng ký tàu chỉ có thể được tiến hành tại một Nước thành viên.

8. Sản phẩm được chế biến và/hoặc được sản xuất ngay trên tàu chế biến được đăng ký tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó, trừ các sản phẩm được quy định tại khoản 7;

9. Các vật phẩm thu nhập tại nước đó nhưng không còn thực hiện được những chức năng ban đầu hoặc cũng không thể sửa chữa hay khôi phục được và chỉ có thể vứt bỏ hoặc dùng làm các nguyên vật liệu, hoặc sử dụng vào mục đích tái chế;

10. Phế thải và phế liệu có nguồn gốc từ:

a) Quá trình sản xuất tại Nước thành viên xuất khẩu; hoặc

b) Hàng hoá đã qua sử dụng được thu nhập tại Nước thành viên xuất khẩu, với điều kiện hàng hoá đó chỉ phù hợp làm nguyên vật liệu thô; và

11. Hàng hoá thu được hoặc được sản xuất tại một Nước thành viên xuất khẩu từ các sản phẩm được quy định từ khoản 1 đến khoản 10.

**** Thế nào là hàng hoá có xuất xứ không thuần túy?***

Trả lời:

Quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định khu vực thương mại tự do (FTA) của ASEAN ký kết với các nước đối tác thường quy định hàng hoá có xuất xứ không thuần túy tại

Nước thành viên nơi diễn ra việc sản xuất hoặc chế biến sản phẩm đó nếu:

a) Ít nhất bốn mươi (40) phần trăm hàm lượng giá trị khu vực (RVC) có xuất xứ từ Nước thành viên đó hoặc sản phẩm đó trải qua một quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp bốn (4) số (CTH); hoặc,

b) Sản phẩm thoả mãn các tiêu chí xuất xứ mặt hàng cụ thể (PSR) sẽ được quy định trong phụ lục của Quy tắc xuất xứ.

Riêng Quy tắc xuất xứ của Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA), điểm a chỉ quy định tiêu chí duy nhất RVC(40) mà không có lựa chọn áp dụng tiêu chí CTH. Trong quy tắc xuất xứ của Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA), tiêu chí xuất xứ chung là RVC(35) và CTSH.

**** Trong hai công thức tính hàm lượng giá trị khu vực quy định trong Quy tắc xuất xứ của Hiệp định ATIGA, liệu công ty chúng tôi có được phép chọn bất kỳ công thức nào để tính hàm lượng RVC cho hàng xuất khẩu có xin C/O Mẫu D không?***

Trả lời:

Không, công ty bạn phải chọn công thức tính gián tiếp bởi Việt Nam đã chọn phương thức tính này.

Công thức gián tiếp:

$$RVC = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{FOB} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá của nguyên} \\ \text{vật liệu, phụ tùng} \\ \text{hoặc hàng hoá} \\ \text{không có xuất xứ} \end{array}}{\text{Trị giá FOB}} \times 100 \%$$

Các nước thành viên ASEAN khác được phép tùy chọn công thức trực tiếp hoặc gián tiếp, nhưng phải thông báo và đăng ký với Hội đồng AFTA. Các Nước thành viên được linh hoạt trong việc thay đổi phương pháp tính với điều kiện sự thay đổi đó phải được thông báo cho Hội đồng AFTA ít nhất là 6 tháng trước khi áp dụng phương pháp mới.

**** Công ty chúng tôi mua nguyên liệu của Thái Lan và nguyên liệu này có hàm lượng Thái Lan là 41.3% ghi trên C/O Mẫu D kèm theo. Sau đó công ty chúng tôi dùng nguyên liệu này để sản xuất ra hàng hoá để xuất khẩu đi Campuchia. Vậy chúng tôi có được coi nguyên liệu này là nguyên liệu có xuất xứ khi tính hàm lượng giá trị khu vực của sản phẩm không. Cách tính như nào?***

Trả lời:

Có, theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN, nguyên liệu này được coi là nguyên liệu có xuất xứ và được tính vào hàm lượng có xuất xứ của sản phẩm. Về cách tính, công ty được coi toàn bộ giá trị của nguyên liệu đó (100% giá trị nguyên liệu) là nguyên liệu có xuất xứ mặc dù chỉ có 41,3% hàm lượng giá trị của nguyên liệu đó là có xuất xứ. Đây chính là nguyên tắc làm tròn trong quy tắc cộng gộp.

**** Công ty chúng tôi mua nguyên liệu của Malaysia và nguyên liệu này có hàm lượng Malaysia là 31.6% ghi trên C/O Mẫu D kèm theo và trên C/O Mẫu D này có đóng dấu "For cumulation only". Như vậy, điều này ý nghĩa gì và lô hàng nhập khẩu nói trên của tôi có được hưởng ưu đãi thuế quan không?***

Trả lời:

Không, theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BCT, trong trường hợp này lô hàng của bạn không được hưởng ưu đãi thuế quan mặc dù bạn có C/O Mẫu D. C/O Mẫu D trong trường hợp này chỉ nhằm mục đích cộng gộp từng phần vì hàm lượng RVC của Malaysia nhỏ 40%. Bên cạnh đó, trong trường hợp này bạn chỉ được cộng gộp đúng giá trị thực của 31,6% hàm lượng Malaysia tính vào hàm lượng có xuất xứ trong sản phẩm xuất khẩu sau này của bạn mà không được làm tròn thành 100%. Trong trường hợp hàm lượng của

Malaysia nhỏ hơn 20%, nguyên liệu đó sẽ không được cấp C/O Mẫu D và không được cộng gộp.

**** Khi tôi nhập khẩu hàng hoá từ Mỹ về Singapore. Tại đây, tôi đóng gói lại hàng hoá để sau này bán tại Việt Nam. Giá trị của bao bì và công đóng gói ở Singapore lên tới 43%. Vậy hàng hoá này có được coi là có xuất xứ Singapore và xin được cấp C/O Mẫu D ở Singapore không?***

Trả lời:

Không, những công đoạn bạn nêu trên thuộc các trường hợp gia công đơn giản nên không được xét đến khi xác định xuất xứ và vì thế không được cấp C/O Mẫu D ở Singapore.

**** Hàng hoá không được vận chuyển thẳng đến Việt Nam thì có được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (chẳng hạn thuế suất CEPT, ACFTA, AKFTA hoặc AJCEP) không?***

Trả lời:

Không. Hàng hoá phải được vận chuyển thẳng (hay còn gọi là vận chuyển trực tiếp) từ nước thành viên xuất khẩu đến Việt Nam thì mới được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam.

Các phương thức sau được coi là vận chuyển trực tiếp:

a) Hàng hoá được vận chuyển từ một Nước thành viên xuất khẩu tới một Nước thành viên nhập khẩu; hoặc

b) Hàng hoá được vận chuyển qua một hoặc nhiều Nước thành viên, ngoài Nước thành viên nhập khẩu hoặc Nước thành viên xuất khẩu, hoặc qua một nước không phải là Nước thành viên, với điều kiện:

- Quá cảnh là cần thiết vì lý do địa lí hoặc do các yêu cầu có liên quan trực tiếp đến vận tải;

- Hàng hoá không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại nước quá cảnh đó; và

- Hàng hoá không trải qua bất kỳ công đoạn nào khác ngoài việc dỡ hàng và bốc lại hàng hoặc những công đoạn cần thiết để giữ hàng hoá trong điều kiện tốt.

*** Bao bì dùng cho việc bán lẻ hàng hoá có được tính đến khi xác định xuất xứ hàng hoá hay không?**

Trả lời:

- Trường hợp xác định xuất xứ theo tiêu chí RVC, trị giá của vật liệu đóng gói và bao bì để bán lẻ được coi là một cấu thành của hàng hóa và được tính đến khi xác định xuất xứ của hàng hóa.

- Trường hợp xác định xuất xứ theo tiêu chí CTC, vật liệu đóng gói và bao bì để bán lẻ, khi được phân loại cùng với hàng hoá đóng gói, sẽ được loại trừ khỏi các nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng trong việc sản xuất ra hàng hoá.

Bao gói và vật liệu đóng gói dùng để vận chuyển hàng hoá sẽ không được xem xét khi xác định xuất xứ của hàng hoá đó.

** Công ty chúng tôi sản xuất xe ô tô du lịch tại Việt Nam. Để tiết kiệm chi phí, chúng tôi đặt hàng một số sách hướng dẫn và một số dụng cụ sửa chữa tại Trung Quốc để đóng gói thành bộ với số lượng thích hợp theo quy định và để bán kèm theo xe ô tô. Sau đó, chúng tôi xuất khẩu ô tô sang Lào với C/O Mẫu D. Công ty chúng tôi dự kiến xin cấp C/O Mẫu D với tiêu chí RVC(40). Vậy chi phí các dụng cụ nói trên (có xuất xứ Trung Quốc) có phải tính vào chi phí hàm lượng nguyên liệu không có xuất xứ để sản xuất ra chiếc ô tô nói trên không?*

Trả lời:

1. Trường hợp xác định xuất xứ hàng hoá theo tiêu chí CTC hoặc SP, xuất xứ của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác đi kèm theo hàng hoá đó sẽ không được tính khi xác định xuất xứ hàng hoá, với điều kiện:

a) Các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin không thuộc một hoá đơn khác với hoá đơn của hàng hoá đó; và

b) Số lượng và trị giá của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin phù hợp với hàng hoá đó.

2. Trường hợp xác định xuất xứ hàng hóa theo tiêu chí RVC, trị giá của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác đi kèm theo hàng hoá đó sẽ được tính là giá trị của nguyên vật liệu có xuất xứ hoặc không có xuất xứ, tùy từng trường hợp.

Như vậy, đối với trường hợp của công ty bạn, chi phí sản xuất các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác đi kèm theo hàng hoá đó cần phải tính là giá trị của nguyên vật liệu không có xuất xứ.

**** Doanh nghiệp chúng tôi ở khu vực biên giới phía bắc và chúng tôi có sử dụng điện nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất nội nhôm để xuất khẩu đi Malaysia với C/O Mẫu D. Vậy chúng tôi có phải tính chi phí mua điện này là nguyên liệu không có xuất xứ hay không?***

Trả lời:

Theo quy định hiện hành, các yếu tố trung gian (còn gọi là các yếu tố gián tiếp) được sử dụng trong quá trình sản xuất và không còn nằm lại trong hàng hóa đó sẽ không cần phải xác định xuất xứ và không phải tính vào chi phí nguyên liệu không có xuất xứ hoặc có xuất xứ. Các yếu tố này bao gồm:

1. Nhiên liệu và năng lượng;

2. Dụng cụ, khuôn rập và khuôn đúc;
3. Phụ tùng và vật liệu dùng để bảo dưỡng thiết bị và nhà xưởng;
4. Dầu nhờn, chất bôi trơn, hợp chất và các nguyên vật liệu khác dùng trong sản xuất hoặc dùng để vận hành thiết bị và nhà xưởng;
5. Găng tay, kính, giày dép, quần áo, các thiết bị an toàn;
6. Các thiết bị, dụng cụ và máy móc dùng để thử nghiệm hoặc kiểm tra hàng hoá;
7. Chất xúc tác và dung môi;
8. Bất kỳ nguyên vật liệu nào khác không còn nằm lại trong hàng hoá nhưng việc sử dụng chúng phải chứng minh được là cần thiết trong quá trình sản xuất ra hàng hoá đó.

Như vậy, đối với trường hợp của công ty bạn, không cần phải tính chi phí của điện khi xác định xuất xứ của nội nhòm dự kiến xuất khẩu sang Malaysia.

**** Doanh nghiệp tôi nhập khẩu điện thoại di động từ Trung Quốc. 100% linh kiện dùng để sản xuất điện thoại di động có xuất xứ Trung Quốc. Vậy chúng tôi có phải nộp C/O Mẫu E cho cơ quan Hải quan để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ACFTA không?***

Trả lời:

Có, bạn vẫn phải nộp C/O Mẫu E cho cơ quan Hải quan để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ACFTA. Chỉ trong trường hợp trị giá lô hàng nhập khẩu (theo trị giá FOB) không vượt quá 200 Đô la Mỹ thì bạn không cần nộp C/O Mẫu E mà vẫn được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ACFTA. Các Quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định FTA khác cũng có quy định tương tự này.

**** Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu thường xuyên một loại hàng hoá từ Hàn Quốc. Chúng tôi đề nghị chỉ cần nộp C/O Mẫu AK cho cơ quan Hải quan trong lần nhập khẩu đầu tiên có được không?***

Trả lời:

Không. Mỗi lần làm thủ tục nhập khẩu để áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu AKFTA, doanh nghiệp phải nộp C/O Mẫu AK cho lô hàng nhập khẩu đó.

**** Tôi là doanh nghiệp nhập khẩu giày dép từ Trung Quốc. Trường hợp phát hiện C/O Mẫu E do tổ chức cấp C/O của Trung Quốc cấp có sai sót (chẳng hạn như không ghi trị giá FOB của lô hàng hoặc không ghi tiêu chí xuất xứ) thì phải làm thế nào?***

Trả lời:

Người nhập khẩu/người làm thủ tục hải quan không được phép tự ý gạch xóa hoặc viết thêm vào C/O. Những sai sót nhỏ trong C/O có thể được cơ quan hải quan xem xét chấp nhận nếu trên thực tế C/O này phù hợp hàng hoá thực tế đã kê khai.

Trường hợp của bạn không phải là sai sót nhỏ nên bạn phải gửi lại C/O Mẫu E đó cho nhà xuất khẩu để nhà xuất khẩu đề nghị Tổ chức cấp C/O của Trung Quốc sửa lại C/O nói trên bằng cách điền thêm thông tin bị thiếu vào C/O đó và đóng dấu, ký nháy lên chỗ sửa đó. Trường hợp thông tin bị sai và cần phải sửa lại bằng thông tin khác để thay thông tin đó, Tổ chức cấp C/O cần phải gạch thông tin sai đó đi, viết thông tin bổ sung vào và ký nháy, đóng dấu vào chỗ sửa đó.

Trong mọi trường hợp, Tổ chức cấp C/O có quyền sửa bằng cách huỷ bỏ C/O bị sai và cấp lại C/O mới để thay thế.

**** Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu bánh kẹo từ Indonesia và đã xuất trình C/O Mẫu D. Tuy nhiên, cơ quan Hải quan của Việt Nam từ chối cho hưởng thuế suất thuế nhập khẩu theo Hiệp định ATIGA. Vậy chúng tôi phải làm gì?***

Trả lời:

Trường hợp C/O khi xuất trình bị cơ quan hải quan từ chối thì cơ quan Hải quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ lý do từ chối cho người khai hải quan. Người khai hải quan có thể cung cấp thêm các tài liệu, chứng từ để cơ quan hải quan

xem xét việc chấp nhận C/O đó hay không. Người khai hải quan không thoả mãn với quyết định của cơ quan hải quan có thể kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền (cơ quan hải quan cấp trên, Tổng cục Hải quan hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính) theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

**** Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu lô hàng tằm trải sàn có mã hàng hoá là 4016.99.94 nhưng cơ quan hải quan áp mã là 4016.91.10. Do vậy, lô hàng chúng tôi nhập khẩu không được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt mà phải nộp thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN). Vậy là đúng hay sai?***

Trả lời:

Phân loại hàng hoá được căn cứ vào hàng hoá thực tế nhập khẩu. Do vậy, trường hợp cơ quan Hải quan sau khi kiểm tra thực tế hàng nhập khẩu sẽ tiến hành phân loại và áp mã hàng hoá. Mã số hàng hoá do cơ quan Hải quan phân loại có thể trùng, có thể không trùng với mã số hàng hoá do người khai hải quan khai báo, và doanh nghiệp nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo phân loại và áp mã của cơ quan Hải quan. Nếu không đồng ý với quyết định của cơ quan Hải quan, doanh nghiệp có thể tiến hành khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền.

**** Công ty chúng tôi nhập khẩu xe máy từ Lào về và có C/O Mẫu D. Vậy, lô hàng trên của công ty chúng tôi có được hưởng ưu đãi thuế quan trong Hiệp định khu vực***

thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA) hay không?

Trả lời:

Không, C/O ưu đãi thuộc Hiệp định nào chỉ được hưởng ưu đãi thuế quan trong Hiệp định đó, kể cả trong trường hợp nước thành viên xuất khẩu đó tham gia cả hai hiệp định như trong trường hợp bạn nêu.

Lào vừa tham gia Hiệp định AFTA, vừa tham gia Hiệp định ACFTA nhưng nếu nhà xuất khẩu tại Lào chỉ xin C/O Mẫu D thì nhà nhập khẩu tại Việt Nam chỉ được hưởng ưu đãi theo Hiệp định AFTA.

**** Lô hàng bút bi của công ty chúng tôi có xuất xứ Hồng Kông. Theo tôi được biết, Hồng Kông hiện là đặc khu hành chính của Trung Quốc từ năm 1997. Vậy lô hàng này của chúng tôi có được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ACFTA không?***

Trả lời:

Không. Hàng hoá có xuất xứ từ Hồng Kông không được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ACFTA bởi khu vực ACFTA chỉ bao gồm Trung Quốc (đại lục) và 10 nước ASEAN.

**** Tháng 9 năm 2010, công ty chúng tôi nhập khẩu một lô hàng điện thoại Nokia từ Trung Quốc về Việt Nam.***

Lô hàng này có xuất xứ Trung Quốc và đã được Tổ chức cấp C/O của Trung Quốc cấp C/O Mẫu E. Tuy nhiên, hoá đơn đi kèm là hoá đơn do công ty mẹ của công ty xuất khẩu, có trụ sở đặt tại Hồng Kông phát hành. Vậy lô hàng của chúng tôi có được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ACFTA tại Việt Nam không?

Trả lời:

Không, hiện nay trong Quy tắc xuất xứ thuộc Hiệp định ACFTA chưa có quy định cho hàng nhập khẩu có hoá đơn phát hành tại nước thứ ba được hưởng ưu đãi (Hồng Kông không phải là thành viên của Hiệp định ACFTA). Tuy nhiên, trong tương lai, kể từ ngày 1/1/2011 (trong trường hợp Bộ Công Thương ban hành văn bản mới), nếu công ty bạn nhập khẩu lô hàng từ Trung Quốc về Việt Nam và có sử dụng C/O Mẫu E thuộc trường hợp hóa đơn do nước thứ ba phát hành sẽ được hưởng ưu đãi ACFTA.

**** Tổ chức nào cấp C/O ưu đãi Mẫu D, E, AK, S, AJ, VJ của Việt Nam?***

Trả lời:

Các C/O ưu đãi Mẫu D, E, AK, S, AJ, VJ nói trên do các Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực thuộc Bộ Công Thương cấp. Tính trong năm 2010, Bộ Công Thương đã có 18 Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực đặt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh,

Hải Dương, Thái Bình, Lạng Sơn, Lào Cai, Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu, Cần Thơ, Tiền Giang.

Riêng đối với C/O Mẫu D, ngoài các Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực, Bộ Công Thương đã uỷ quyền cho 37 Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp.

** Tháng 7/2010, công ty tôi mới bắt đầu xuất khẩu lô hàng đầu tiên sang thị trường các nước ASEAN và trong tương lai chúng tôi có thể xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc. Chúng tôi chưa xin C/O ưu đãi bao giờ. Công ty chúng tôi đề nghị quý cơ quan hướng dẫn mọi thủ tục để được cấp C/O ưu đãi cho hàng hóa xuất khẩu.*

Trả lời:

Để được cấp C/O ưu đãi, bạn cần tiến hành hai bước chính như sau:

- Thứ nhất: đăng ký hồ sơ thương nhân với Tổ chức cấp C/O nơi công ty bạn đặt trụ sở;

- Thứ hai: thực hiện việc nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Tổ chức cấp C/O mà công ty bạn đã đăng ký hồ sơ thương nhân.

Bước 1: đăng ký hồ sơ thương nhân. Hồ sơ thương nhân bao gồm:

a) Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân (bản sao có dấu sao y bản chính);

c) Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (bản sao có dấu sao y bản chính);

d) Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có) của thương nhân.

2. Mọi sự thay đổi trong hồ sơ thương nhân phải được thông báo cho Tổ chức cấp C/O nơi đã đăng ký trước khi đề nghị cấp C/O. Hồ sơ thương nhân vẫn phải được cập nhật hai (02) năm một lần.

3. Trong trường hợp muốn được cấp C/O tại nơi cấp khác với nơi đã đăng ký hồ sơ thương nhân trước đây do bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng, người đề nghị cấp C/O phải gửi văn bản nêu rõ lý do không đề nghị cấp C/O tại nơi đã đăng ký hồ sơ thương nhân trước đó và phải đăng ký hồ sơ thương nhân tại Tổ chức cấp C/O mới đó.

Sau khi hoàn tất việc đăng ký hồ sơ thương nhân, công ty bạn tiến hành bước thứ hai là nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O. Việc tiến hành hai bước này có thể làm cùng trong một lượt,

miễn là việc đăng ký hồ sơ thương nhân phải kết thúc trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O.

Hồ sơ đề nghị cấp C/O ưu đãi bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ;

b) Mẫu C/O đã được khai hoàn chỉnh;

c) Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan. Các trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo Tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật sẽ không phải nộp Tờ khai hải quan;

d) Hoá đơn thương mại;

đ) Vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải tương đương trong trường hợp thương nhân không có vận tải đơn. Trường hợp cấp C/O giáp lưng cho cả lô hàng hoặc một phần lô hàng từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước, chứng từ này có thể không bắt buộc phải nộp nếu trên thực tế thương nhân không có;

Trong trường hợp chưa có Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan và vận tải đơn (hoặc chứng từ tương đương vận tải đơn), người đề nghị cấp C/O có thể được nợ các chứng từ này nhưng không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O.

2. Nếu xét thấy cần thiết, Tổ chức cấp C/O có thể yêu cầu người đề nghị cấp C/O cung cấp thêm các chứng từ liên quan đến hàng hoá xuất khẩu như: Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu; giấy phép xuất khẩu (nếu có); hợp đồng mua bán; hóa đơn giá trị gia tăng mua bán nguyên liệu, phụ liệu trong nước; mẫu nguyên liệu, phụ liệu hoặc mẫu hàng hoá xuất khẩu; bản mô tả quy trình sản xuất ra hàng hoá với chi tiết mã HS của nguyên liệu đầu vào và chi tiết mã HS của hàng hoá (đối với tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa hoặc tiêu chí công đoạn gia công chế biến cụ thể); bản tính toán hàm lượng giá trị khu vực (đối với tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực); và các chứng từ khác để chứng minh xuất xứ của hàng hoá xuất khẩu.

3. Trường hợp các loại giấy tờ quy định tại các điểm c, d, đ của khoản 1 và quy định tại khoản 2 là bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận sao y bản chính của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của thương nhân, bản chính có thể được Tổ chức cấp C/O yêu cầu cung cấp để đối chiếu nếu thấy cần thiết.

4. Đối với các thương nhân tham gia eCOSys, người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O sẽ kê khai các dữ liệu qua hệ thống eCOSys, ký điện tử và truyền tự động tới Tổ chức cấp C/O. Sau khi kiểm tra hồ sơ trên hệ thống eCOSys, nếu chấp thuận cấp C/O, Tổ chức cấp C/O sẽ thông báo qua hệ thống eCOSys cho thương nhân đến nộp hồ sơ đầy đủ bằng giấy cho Tổ chức cấp C/O để đối chiếu trước khi cấp C/O.

*** Thời gian chờ để được cấp C/O ưu đãi là bao lâu?**

Trả lời:

C/O được cấp trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ thời điểm người đề nghị cấp C/O nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp Tổ chức cấp C/O thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp C/O hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các C/O đã cấp trước đó thì sẽ tiến hành kiểm tra thêm tại cơ sở sản xuất. Thời hạn xử lý việc cấp C/O đối với trường hợp này không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày người đề nghị cấp nộp hồ sơ đầy đủ.

Mặc dù quy định thời hạn cấp C/O là không quá ba ngày làm việc nhưng trên thực tế, đối với những trường hợp này Tổ chức cấp C/O thường chỉ cấp C/O không quá trong một ngày làm việc.

*** Công ty chúng tôi xuất khẩu quần áo may sẵn sang Singapore và dự định xin C/O Mẫu D. Đối chiếu với tiêu chí xuất xứ quy định trong Quy tắc xuất xứ trong Thông tư số 21/2010/TT-BCT, mặt hàng quần áo may sẵn của chúng tôi vừa có thể đáp ứng tiêu chí RVC(40), vừa có thể đáp ứng tiêu chí công đoạn gia công chế biến cụ thể. Vậy chúng tôi phải áp dụng tiêu chí nào?**

Trả lời:

Bạn có thể lựa chọn một trong hai tiêu chí nói trên mà bạn cảm thấy dễ áp dụng và dễ chứng minh để đề nghị Tổ chức cấp C/O cấp C/O Mẫu D.

**** Yêu cầu phải có Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ của Tổ chức giám định có phải là bắt buộc đối với mọi lô hàng xin cấp C/O ưu đãi hay không?***

Trả lời:

Không, thương nhân khi xin cấp C/O ưu đãi (ví dụ như Mẫu D, Mẫu E, Mẫu AK, hoặc Mẫu AJ) không bắt buộc phải có Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ do Tổ chức giám định cấp. Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ có thể được yêu cầu khi Tổ chức cấp C/O đề nghị xác minh cụ thể khi có khó khăn trong việc xác định xuất xứ lô hàng.

**** Sau khi C/O ưu đãi (ví dụ C/O Mẫu E) được cấp mới phát hiện có sai sót thì công ty chúng tôi phải làm gì?***

Trả lời:

Thương nhân đề nghị cấp C/O ưu đãi phải thông báo cho Tổ chức cấp C/O nơi đã cấp C/O đó để xin sửa đổi lại C/O. Những chỗ sai sẽ được gạch bỏ và bổ sung những chỗ cần thiết. Những thay đổi này cần phải được người có thẩm quyền ký C/O ưu đãi chấp thuận và được đóng dấu chứng nhận của Phòng quản lý xuất nhập khẩu nơi đã cấp C/O đó. Các phần còn trống sẽ được gạch chéo để tránh điền thêm sau này. Việc

sửa đổi này phải được thực hiện trên cả bản gốc và các bản sao. Tổ chức cấp C/O cũng có thể hủy C/O đã sai đó và cấp lại C/O mới thay thế cho C/O bị hỏng đó.

**** Tháng 8/2010, công ty chúng tôi nhập khẩu 1.000 chiếc điện thoại di động từ Trung Quốc về Việt Nam có C/O Mẫu E. Lô hàng này, chúng tôi phân phối cho công ty FPT tại Việt Nam 500 chiếc, còn lại 500 chiếc chúng tôi xuất khẩu tiếp sang Thái Lan. Vậy công ty chúng tôi muốn xin cấp C/O mẫu E giáp lưng tại Việt Nam có được không?***

Trả lời:

Quyết định số 12/2007/QĐ-BTM ngày 31 tháng 05 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu E để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa hiện chưa quy định việc cấp C/O Mẫu E giáp lưng. Do vậy, bạn chưa thể xin cấp C/O Mẫu E giáp lưng cho trường hợp này. Hiện nay, các nước ASEAN và Trung Quốc đã hoàn tất đàm phán sửa đổi Quy tắc thủ tục cấp và kiểm tra chứng nhận xuất xứ nên sau khi Bộ Công Thương ban hành Thông tư mới về việc áp dụng quy tắc xuất xứ mới này (dự kiến sẽ thực hiện vào ngày 01/01/2011), bạn sẽ được xin cấp C/O Mẫu E giáp lưng.

**** Công ty tôi nhập khẩu một lô hàng từ Niu-di-lân, có C/O Mẫu AANZ đi kèm. Tuy nhiên, khi nộp xin cấp C/O này***

cho cơ quan Hải quan, do phát hiện thấy trên C/O không ghi trị giá FOB nên cơ quan Hải quan đã từ chối, không cho hưởng ưu đãi thuế quan. Chúng tôi có phản ánh với cơ quan Hải quan việc Mẫu C/O do Niu-di-lân cấp không có ô để ghi trị giá FOB nên nhà xuất khẩu không thể ghi. Tuy nhiên, cán bộ Hải quan giải thích rằng mặc dù không yêu cầu ghi trực tiếp trên C/O nhưng vẫn cần có tờ đính kèm ghi trị giá FOB của lô hàng. Như vậy, giải thích của cán bộ Hải quan là đúng hay sai?

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư 33/2009/TT-BCT thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-Niu di lân của Bộ Công Thương ngày 11 tháng 11 năm 2009, C/O Mẫu AANZ do Úc hoặc Niu-di –lân cấp không phải ghi trị giá FOB trên C/O nhưng vẫn phải ghi trên tờ đính kèm cùng C/O khi nộp bộ chứng từ cho cơ quan Hải quan. Do vậy, giải thích trên của cán bộ Hải quan là đúng và bạn phải tuân thủ điều này.

** Một khách hàng Nhật Bản của tôi đề nghị xin cấp C/O Mẫu VJ tại Việt Nam và không ghi giá FOB lên C/O. Tuy nhiên, tôi thấy các C/O Mẫu D trước đây tôi xin đều phải ghi trị giá FOB. Vậy đề nghị của khách hàng Nhật Bản có hợp lệ hay không?*

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế, C/O Mẫu VJ không cần phải ghi trị giá FOB trên C/O. Do vậy, đề nghị của khách hàng Nhật Bản là hoàn toàn có thể chấp nhận được.

**** Công ty tôi nhập khẩu một lô hàng trị giá 199 USD từ Thái Lan. Khi tôi yêu cầu nhà xuất khẩu đề nghị cấp C/O Mẫu D cho lô hàng này để hưởng ưu đãi thuế quan, nhà xuất khẩu cho biết trường hợp lô hàng có trị giá FOB không quá 200 USD, thương nhân nhập khẩu không cần nộp C/O Mẫu D cho Hải quan mà vẫn được hưởng ưu đãi. Do vậy, không cần xin C/O ưu đãi để tiết kiệm chi phí. Vậy nhà xuất khẩu đó tư vấn có đúng không.***

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN (gọi tắt là Thông tư số 21/2010/TT-BCT), hàng hóa có xuất xứ từ Nước thành viên xuất khẩu có trị giá FOB không quá hai trăm (200) đô la Mỹ được miễn nộp C/O và chỉ cần bản khai báo đơn giản của Người xuất khẩu rằng hàng hóa đó có xuất xứ của Nước thành viên xuất khẩu. Hàng hóa gửi qua đường bưu điện có trị giá FOB không quá 200 đô la Mỹ giá FOB cũng được áp dụng quy

C/O

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

định này. Như vậy, trường hợp này, công ty của bạn chỉ cần khai báo trị giá lô hàng và khai báo xuất xứ Thái Lan của lô hàng là được hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định ATIGA.

**** Ngày 01/7/2007, chúng tôi được cấp C/O Mẫu AK cho lô hàng cá mực xuất khẩu đi Hàn Quốc. Tuy nhiên, đến ngày 01/8/2009, Bộ Công Thương yêu cầu chúng tôi xuất trình tài liệu lưu trữ về bộ hồ sơ mà công ty chúng tôi dùng để xin cấp C/O. Tuy nhiên, đến thời điểm này, chúng tôi không còn lưu trữ. Chúng tôi cho rằng khi C/O đã hết hiệu lực (trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp) thì công ty chúng tôi không có nghĩa vụ phải chứng minh tính xác thực của C/O đó nữa. Vậy, xin cho chúng tôi hỏi liệu công ty chúng tôi có nghĩa vụ phải cung cấp hồ sơ lưu trữ nữa hay không?***

Trả lời:

Theo quy định tại Quyết định số 02/2007/QĐ-BTM ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Bộ Thương mại về việc ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu AK để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa các Chính phủ của các nước thành viên thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc (gọi tắt là Quyết định số 02/2007/QĐ-BTM), để phục vụ việc thẩm định xuất xứ hàng hóa, nhà sản xuất/ người xuất khẩu phải lưu trữ chứng từ xin cấp Giấy chứng nhận xuất xứ trong

thời gian ít nhất là 3 năm kể từ ngày cấp chứng nhận xuất xứ, phù hợp với các quy định của pháp luật của nước mình. Trong thời hạn 3 năm nói trên, nếu có yêu cầu thẩm định mà nhà sản xuất/ người xuất khẩu không xuất trình được các chứng từ chứng minh để thẩm định xuất xứ hàng hóa theo quy định thì có thể bị từ chối cho hưởng ưu đãi.

Như vậy, trong trường hợp này, do thời hạn chưa hết 3 năm kể từ ngày C/O được cấp, công ty của bạn vẫn có nghĩa vụ xuất trình các chứng từ cần thiết để chứng minh xuất xứ cho lô hàng đó.

**** Công ty chúng tôi mang một lô hàng đồ gỗ nội thất sang Hàn Quốc để triển lãm. Tuy nhiên, trong quá trình triển lãm, một công ty Hàn Quốc ngỏ ý muốn mua lô hàng của chúng tôi, đồng thời yêu cầu công ty chúng tôi cung cấp C/O Mẫu AK cho lô hàng này để công ty Hàn Quốc làm thủ tục nhập khẩu và được hưởng ưu đãi theo Hiệp định AKFTA. Vậy xin cho biết công ty chúng tôi có thể xin được cấp C/O Mẫu AK tại các tổ chức cấp C/O của Việt Nam hay không.***

Trả lời:

Theo quy định tại Quyết định số 02/2007/QĐ-BTM, hàng hóa gửi từ một nước thành viên xuất khẩu để tham gia triển lãm tại một nước khác và được bán trong hoặc sau triển lãm để nhập khẩu vào một nước thành viên sẽ được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan với điều kiện là hàng hóa đó đáp ứng các

yêu cầu về quy tắc xuất xứ và phải chứng minh cho cơ quan Hải quan nước nhập khẩu là thành viên để bảo đảm rằng:

a) Người xuất khẩu đã gửi lô hàng đó từ lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu tới nước tổ chức triển lãm và hàng hóa được trưng bày tại đó;

b) Người xuất khẩu đã bán và chuyển nhượng lô hàng đó cho người nhận hàng trong nước nhập khẩu là thành viên;

c) Lô hàng được vận chuyển tới nước nhập khẩu trong quá trình triển lãm hoặc ngay khi kết thúc triển lãm vẫn còn nguyên trạng như khi hàng hóa được gửi đi dự triển lãm.

Trên C/O này phải ghi rõ tên và địa chỉ của nơi tổ chức triển lãm.

Như vậy, bạn có thể yêu cầu tổ chức cấp C/O của Việt Nam cấp C/O Mẫu AK cho lô hàng nói trên theo quy định.

** Tháng 8/2007, công ty chúng tôi nhập khẩu một lô hàng ô tô từ Hàn Quốc, có C/O Mẫu AK đi kèm. Tuy nhiên, thời gian đầu, do chưa có khách hàng mua nên chúng tôi chưa làm thủ tục nhập khẩu mà gửi ở kho ngoại quan. Đến tháng 12/2008, công ty chúng tôi mới tìm được khách hàng tại Việt Nam và làm thủ tục nhập khẩu. Khi chúng tôi nộp C/O Mẫu AK cùng bộ chứng từ, cán bộ Hải quan cho biết C/O của chúng tôi đã hết hạn và không còn hiệu lực. Vậy, xin cho chúng tôi hỏi trong trường hợp này, chúng tôi có*

được hưởng ưu đãi không bởi khi nộp C/O chúng tôi không nắm được quy định này. Hơn nữa, lô hàng này hoàn toàn có xuất xứ Hàn Quốc.

Trả lời:

Theo quy định tại Quyết định số 02/2007/QĐ-BTM, C/O phải được nộp cho cơ quan Hải quan nước nhập khẩu trong vòng 6 tháng kể từ ngày được Tổ chức có thẩm quyền của nước xuất khẩu là thành viên cấp. C/O được nộp cho cơ quan Hải quan của nước nhập khẩu sau khi hết thời hạn hiệu lực, C/O vẫn được chấp nhận nếu việc không tuân thủ thời hạn hiệu lực nêu trên là do lý do bất khả kháng hoặc nguyên nhân khác ngoài sự kiểm soát của nhà sản xuất/người xuất khẩu.

Trong trường hợp của bạn nêu, do C/O đã hết hạn, đồng thời, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc nguyên nhân khác ngoài sự kiểm soát của nhà sản xuất/người xuất khẩu nên C/O của bạn không còn giá trị để được hưởng ưu đãi thuế quan.

**** Công ty chúng tôi là doanh nghiệp thương mại, chuyên nhập khẩu, bán buôn các loại thiết bị điện tử, máy tính. Tháng 10/2008, công ty chúng tôi nhập khẩu 1.000 chiếc máy tính xách tay từ Malaysia về, có C/O Mẫu D được cấp vào ngày 12/10/2008. Chúng tôi đã làm thủ tục nhập khẩu 500 chiếc máy tính vào Việt Nam. Đối với 500 chiếc còn lại, chúng tôi gửi tại kho ngoại quan để chờ khách hàng khác mua. Tháng 12/2009, công ty chúng tôi đã ký hợp đồng với một siêu thị điện máy tại Lào về việc bán 500 chiếc máy***

tính còn lại. Theo yêu cầu của khách hàng bên Lào, chúng tôi làm thủ tục xin cấp C/O giáp lưng cho 500 chiếc máy tính nói trên tại tổ chức cấp C/O của Việt Nam. Tuy nhiên, cán bộ cấp C/O cho biết C/O gốc của chúng tôi đã hết hạn nên không thể cấp C/O giáp lưng cho lô hàng này. Tuy nhiên, công ty chúng tôi khẳng định lô hàng này là xác thực, có xuất xứ ASEAN theo quy định. Vậy, chúng tôi có thể xin được C/O giáp lưng cho lô hàng này không?

Trả lời:

Theo Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), một trong những điều kiện để Tổ chức cấp C/O của Nước thành viên trung gian có thể cấp C/O giáp lưng nếu Người đề nghị cấp C/O giáp lưng xuất trình C/O Mẫu D bản gốc còn hiệu lực. Trong trường hợp không xuất trình được bản gốc C/O Mẫu D, Người đề nghị cấp C/O giáp lưng phải xuất trình bản sao chứng thực của C/O Mẫu D đó. Tuy nhiên, trong trường hợp bạn hỏi, C/O gốc của công ty bạn đã hết hiệu lực tính đến thời điểm tháng 12/2009 nên công ty bạn không thể xin được C/O giáp lưng cho 500 chiếc máy tính còn lại.

**** Năm 2008, công ty chúng tôi nhập khẩu giấy từ công ty Letika, Indonesia, có C/O Mẫu D đi kèm. Lô hàng được xuất khẩu vào ngày 5/5/2008, nhưng đến ngày***

12/5/2008, công ty Letika mới xin được C/O mẫu D do tổ chức cấp C/O của Indonesia cấp. Tuy nhiên, do sơ suất nên tổ chức cấp C/O này đã không đánh dấu vào ô “Issued retroactively”. Do vậy, cán bộ Hải quan của Việt Nam đã yêu cầu C/O này phải được tổ chức cấp C/O của Indonesia đánh dấu vào ô “Issued retroactively” thì mới được cho hưởng ưu đãi thuế quan. Nhân viên của chúng tôi đã mang C/O này về và tự đánh dấu vào ô “Issued retroactively” rồi mang lại nộp cho cơ quan Hải quan Việt Nam. Tuy nhiên, cán bộ Hải quan vẫn không cho hưởng và cho rằng công ty chúng tôi đã vi phạm quy định về xuất xứ. Vậy, xin cho chúng tôi hỏi trong trường hợp này, chúng tôi phải xử lý thế nào để được hưởng ưu đãi thuế quan?

Trả lời:

Theo Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT, trong trường hợp của công ty bạn, thông tin trên C/O bị thiếu nên cần bổ sung (C/O không được đánh dấu vào ô số 13 (ô *Issued retroactively*)), công ty của bạn phải gửi C/O Mẫu D nói trên trả lại tổ chức cấp C/O của Indonesia (thông qua người xuất khẩu) để tổ chức này đánh dấu vào ô tương ứng, đồng thời xác nhận việc sửa này trên C/O (đóng dấu, ký tên) rồi gửi lại cho nhà nhập khẩu (thông qua người xuất khẩu) để nộp lại cho cơ quan Hải quan của Việt Nam thì mới được hưởng ưu đãi thuế quan. Công ty hoặc bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác mà không phải là tổ chức cấp C/O nói trên đều không được chỉnh sửa các thông tin trên C/O đã được cấp.

**** Ngày 12/7/2010, công ty chúng tôi đã xin C/O Mẫu D cho lô hàng xe gắn máy xuất khẩu sang Philippin. Tuy nhiên, trong quá trình làm thủ tục để gửi chứng từ cho nhà nhập khẩu, công ty chúng tôi đã đánh mất C/O Mẫu D. Để có thể được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định ATIGA, liệu chúng tôi có thể được cấp lại C/O khác thay thế cho C/O đã mất hay không?***

Trả lời:

Theo Thông tư số 21/2010/TT-BCT, trong trường hợp C/O Mẫu D bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng, Người xuất khẩu có thể nộp đơn gửi Tổ chức cấp C/O để đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của bản gốc. Tổ chức cấp C/O cấp bản sao trên cơ sở chứng từ xuất khẩu được lưu tại Tổ chức cấp C/O và ghi dòng chữ “CERTIFIED TRUE COPY” vào Ô số 12 của C/O. Bản sao này mang ngày cấp của bản C/O Mẫu D gốc. Bản sao chứng thực này phải được cấp trong thời gian không quá một năm kể từ ngày cấp C/O Mẫu D gốc.

Trong trường hợp của bạn, nếu C/O gốc còn hiệu lực, bạn được phép đề nghị Tổ chức cấp C/O cấp bản sao trên cơ sở chứng từ xuất khẩu được lưu tại Tổ chức cấp C/O. Trường hợp C/O gốc của bạn hết hiệu lực (quá hạn 12 tháng kể từ ngày cấp), bạn sẽ không được cấp bản sao của C/O này.

**** Ngày 12/7/2010, công ty chúng tôi nhập khẩu một lô hàng dậu gội đầu từ Thái Lan về cảng Hải Phòng. Tuy nhiên, do một số trục trặc từ nhà xuất khẩu, đến ngày***

22/8/2010 công ty chúng tôi mới nộp được C/O Mẫu D cho cơ quan Hải quan. Ngày 23/8/2010, cơ quan Hải quan có ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về việc chậm nộp C/O của công ty chúng tôi. Tuy nhiên, trước đó, chúng tôi đã có văn bản xin chậm nộp C/O và đã được Hải quan Hải Phòng chấp thuận. Vậy chúng tôi xin hỏi liệu quyết định trên của Hải quan Hải Phòng có đúng hay không?

Trả lời:

Theo Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, thời điểm nộp C/O cho cơ quan Hải quan là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu. C/O nộp cho cơ quan Hải quan bao gồm 01 bản chính và phải còn giá trị hiệu lực tại thời điểm nộp.

Trường hợp chưa nộp được C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, nếu có lý do chính đáng và người khai hải quan có văn bản đề nghị được chậm nộp C/O ưu đãi đặc biệt, cam kết nộp C/O đúng trong thời hạn cho phép thì Chi cục trưởng Hải quan quyết định gia hạn thời gian nộp C/O trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Trường hợp người khai hải quan nộp C/O quá thời hạn 30 ngày đã được cho phép chậm nộp, nếu C/O còn hiệu lực và phù hợp với bộ chứng từ, với kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá (trong trường hợp hàng hoá phải kiểm tra thực tế) thì cơ quan hải quan vẫn chấp nhận và áp dụng thuế suất ưu đãi đặc

biệt cho lô hàng nhập khẩu, đồng thời tổ chức thực hiện các biện pháp sau đối với đối tượng vi phạm:

a) Xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chậm nộp C/O quá thời hạn cho phép chậm nộp theo quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về Hải quan.

b) Đưa vào danh sách doanh nghiệp không chấp hành tốt pháp luật hải quan.

c) Kiểm tra sau thông quan chặt chẽ các lô hàng nhập khẩu có C/O ưu đãi đặc biệt.

d) Không chấp nhận cho doanh nghiệp nộp chứng từ bảo lãnh thuế đối với các lô hàng hưởng ưu đãi đặc biệt, phải nộp thuế ngay.

Như vậy, trường hợp của công ty bạn, do C/O Mẫu D bị nộp chậm quá 30 ngày theo quy định nên cơ quan Hải quan có quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chậm nộp C/O.

**** Hiện tại Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa ASEAN trong đó có Việt Nam đã ký kết với nước nào?***

Trả lời:

Cho đến nay, ASEAN (trong đó có Việt Nam) đã ký Hiệp định Thương mại tự do với các nước như: ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA), ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), ASEAN-

Nhật Bản (AJCEP), ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA) và ASEAN-Ấn Độ (AIFTA), Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam Nhật Bản.

**** Lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam khi Việt Nam tham gia ký kết các Hiệp định thương mại tự do?***

Trả lời:

FTA là công cụ hữu hiệu để mở cửa cho hàng Việt Nam tiếp cận thị trường tiềm năng mà không vi phạm nguyên tắc không phân biệt đối xử trong thương mại quốc tế. Với các FTA đã ký, lộ trình cắt giảm thuế của chúng ta đều dài hơn 5 – 6 năm so với các đối tác. Thời điểm từ nay đến năm 2012 thuận lợi hơn cho Việt Nam khi các đối tác đã dỡ bỏ hầu hết thuế nhập khẩu trong khi chúng ta mới chỉ ở giai đoạn đầu cắt giảm thuế.

**** Các Mẫu C/O của Việt Nam quy định trong các Hiệp định FTA mà Việt Nam tham gia ký kết và mẫu C/O cho các Hiệp định giữa Việt Nam và các nước?***

Trả lời:

Các loại C/O sau được quy định cho các FTA:

C/O mẫu D của Hiệp định AFTA giữa 10 nước ASEAN; C/O mẫu E của Hiệp định ACFTA giữa 10 nước ASEAN với Trung Quốc; C/O mẫu AK của Hiệp định AKFTA giữa 10 nước ASEAN và Hàn Quốc; C/O mẫu AJ

Hiệp định ASEAN - Nhật Bản; C/O mẫu VJ Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam Nhật Bản; C/O mẫu S Hiệp định về Hợp tác Kinh tế, Văn hoá, Khoa học Kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào; C/O mẫu AANZ của Hiệp định FTA giữa ASEAN với Úc và New Zealand và C/O mẫu AI của Hiệp định FTA giữa ASEAN và Ấn Độ.

**** Các văn bản trong nước nào quy định về các Mẫu C/O ưu đãi trong FTA và các Hiệp định mà Việt Nam ký kết với các nước?***

Trả lời:

- Quyết định 1420/2004/QĐ-BTM cho Hiệp định AFTA-Mẫu D

- Quyết định 12/2007/QĐ-BTM cho Hiệp định ACFTA – Mẫu E

- Quyết định 02/2007/QĐ-BTM và 05/2007/QĐ-BCT cho Hiệp định AKFTA-Mẫu AK

- Quyết định số 0865/2004/QĐ-BTM của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu S của Việt Nam cho hàng hóa để hưởng các ưu đãi thuế quan theo Hiệp định về Hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Khoa học Kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ

ngĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào ban hành ngày 29/06/2004.

- Quyết định số 44/2008/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu AJ để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản ban hành ngày 08/12/2008

- Thông tư số 10/2009/TT-BCT của Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế ngày 18/05/2009

- Thông tư số 33/2009/TT-BCT của Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN – ÚC – Niu di Lân

- Thông tư số 15/2010/TT-BCT do Bộ Công Thương mới ban hành về thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ.

**** Hàng hoá của Việt Nam xuất khẩu sang các nước có ký Hiệp định thương mại với Việt Nam nên sử dụng mẫu C/O nào?***

Trả lời:

Khi hàng hoá của Việt Nam xuất khẩu sang các nước có ký Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam nên sử dụng

C/O

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

C/O được quy định trong Hiệp định mà Việt Nam ký kết. Ví dụ: khi xuất khẩu hàng hoá sang ASEAN sử dụng C/O mẫu D sẽ được hưởng thuế suất trong AFTA; hay khi xuất khẩu sang Trung Quốc thì sử dụng C/O mẫu E thuế suất sẽ được ưu tiên nhất, cũng như trường hợp sử dụng mẫu AK, AI và AANZ là lựa chọn tốt nhất khi xuất khẩu hàng sang Hàn Quốc, Ấn Độ và Úc, New Zealand.

- Việc sử dụng mẫu C/O từ các Hiệp định trên có thể được hưởng mức thuế suất thấp hơn so với các C/O thông thường.

**** Các doanh nghiệp cần lưu ý gì khi sử dụng các C/O ưu đãi?***

Trả lời:

Khi doanh nghiệp muốn sử dụng các C/O ưu đãi từ các Hiệp định FTA mà Việt Nam được hưởng thì doanh nghiệp cần lưu ý một số điểm sau:

- Tìm hiểu kỹ mức thuế ưu đãi khi xuất khẩu sang nước đó;

- Lựa chọn C/O thích hợp, có lưu ý đến tiêu chí xuất xứ của các loại C/O đó (tiêu chí chung, tiêu chí cụ thể (PSR));

- Cân nhắc các yếu tố khác như de-minimis, cộng gộp, C/O giáp lưng, hóa đơn nước thứ ba,...

*** *Nêu một số trường hợp cụ thể mà doanh nghiệp có thể lựa chọn sử dụng C/O ưu đãi?***

Trả lời:

- Trường hợp 1: mẫu D tương đương Mẫu E: doanh nghiệp có thể sử dụng Mẫu E hoặc Mẫu D như mã hàng 7218.91 (thép không gỉ ở dạng thỏi) được xuất khẩu sang Lào

+ Mẫu E: CTH (Mức thuế suất ACFTA của Lào đối với mặt hàng này bằng 0)

+ Mẫu D: CTH (Mức thuế suất AFTA của Lào trong trường hợp này cũng không bằng 0)

- Trường hợp 2: chọn mẫu E sẽ thuận lợi hơn trong trường hợp sản phẩm của doanh nghiệp không đáp ứng tiêu chí RVC(40) (Hàm lượng giá trị khu vực) như mã hàng HS 4302.11 (Da lông đã thuộc hoặc hoàn thiện) xuất khẩu sang Malaysia

Nếu thuế suất ACFTA = thuế suất AFTA = 0 nhưng tiêu chí xuất xứ khác nhau

+ Mẫu E: CTH hoặc RVC(40) (thuế suất ACFTA của Malaysia = 0)

+ Mẫu D: RVC(40) (thuế suất AFTA của Malaysia = 0)

*** *So sánh những khác biệt giữa Mẫu D, Mẫu E và Mẫu AK?***

Trả lời:

Tiêu chí so sánh	Mẫu D	Mẫu E	Mẫu AK
Quy tắc xuất xứ			
Tiêu chí xuất xứ chung	Hàm lượng giá trị khu vực 40%	Hàm lượng giá trị khu vực 40%	Hàm lượng giá trị khu vực 40% hoặc Tiêu chí chuyển đổi nhóm (4 số)
Cộng gộp	Cộng gộp toàn bộ và cộng gộp từng phần	Cộng gộp toàn bộ	Cộng gộp toàn bộ
Công đoạn gia công đơn giản	Không có	Có	Có
De-minimis	Không có	Không có	Có
Quy định đối với trường hợp đặc biệt (quy tắc 6)	Không có	Không có	Có (GIC)

**** Những lưu ý khác biệt giữa quy tắc thủ tục cấp C/O trong các Quy tắc xuất xứ ưu đãi?***

Trả lời:

Tiêu chí so sánh	Mẫu D	Mẫu E	Mẫu AK
Tổ cấp C/O	Các Phòng Quản lý XNK khu vực-Bộ Công thương và các Ban Quản lý KCN/KCX/KKT	Các Phòng Quản lý XNK khu vực-Bộ Công thương	Các Phòng Quản lý XNK khu vực-Bộ Công thương
C/O giáp lưng	Có	Không có	Có
Quy định về triển lãm	Có	Không có	Có
Quy định về hóa đơn nước thứ 3	Có	Không có	Có

**** Những lưu ý dành cho các doanh nghiệp xuất khẩu?***

Trả lời:

- Nghiên cứu kỹ quy tắc xuất xứ trước khi ký kết hợp đồng và xuất khẩu

- Tìm hiểu lý do bị từ chối không cho hưởng ưu đãi thuế quan và thông báo cho Tổ chức cấp C/O;

- Đáp ứng mọi yêu cầu cung cấp tài liệu cho cơ quan Hải quan nước nhập khẩu;

- Phối hợp với nhà nhập khẩu để giải quyết

**** Những lưu ý dành cho các doanh nghiệp nhập khẩu?***

Trả lời:

- Tìm hiểu lý do bị từ chối không cho hưởng ưu đãi thuế quan;

- Đáp ứng mọi yêu cầu cung cấp tài liệu cho cơ quan Hải quan;

- Phối hợp với nhà xuất khẩu để giải quyết.

**** Thời điểm có hiệu lực của các Hiệp định Thương mại tự do?***

Trả lời:

- Hiệp định CEPT là Hiệp định quốc tế giữa các nước thành viên ASEAN có hiệu lực ngày 01/01/1996.
- Hiệp định ASEAN - Trung Quốc có hiệu lực 01/07/2005.
- Hiệp định ASEAN - Hàn Quốc có hiệu lực 01/07/2007.
- Hiệp định ASEAN - Nhật Bản có hiệu lực 01/12/2008.
- Hiệp định ASEAN - Úc, Niudilan có hiệu lực 01/01/2010.
- Hiệp định ASEAN - Ấn độ có hiệu lực 01/06/2010.

**** Theo Hiệp định AJFTA, sản phẩm nào của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản được ưu tiên giảm thuế và sản phẩm nào của Nhật Bản xuất khẩu vào thị trường Việt Nam được hưởng ưu đãi về thuế quan?***

Trả lời:

Lộ trình giảm thuế sản phẩm của Việt Nam và Nhật Bản doanh nghiệp có thể tham khảo trong Hiệp định ASEAN Nhật Bản.

**** Những đối tượng nào được hưởng chủ yếu từ Hiệp định thương mại AKFTA?***

Trả lời:

Các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam tận dụng lợi thế các Hiệp định FTA từ việc miễn giảm thuế nhập khẩu để nâng tỉ lệ xuất khẩu của Việt Nam vào các khu vực FTA.

**** Hàng hóa của doanh nghiệp có được hưởng thuế xuất / nhập khẩu thấp hơn ở Việt Nam hay Nhật Bản theo Hiệp định AJFTA giữa ASEAN (bao gồm cả Việt Nam) và Nhật Bản hay không?***

Trả lời:

Việt Nam và Nhật Bản đã ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế song phương vào tháng 12 năm 2008. Theo Hiệp định này, các sản phẩm có xuất xứ từ Việt Nam có thể được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn khi xuất khẩu sang Nhật Bản nếu đáp ứng các điều kiện nhất định. Bên cạnh đó, các sản phẩm có xuất xứ từ Nhật Bản có thể được nhập khẩu vào Việt Nam theo thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn hoặc được miễn thuế nhập khẩu. Hiệp định này theo lịch trình sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Thời điểm này chính là lúc để doanh nghiệp của quý vị xác định xem các sản phẩm của quý vị có nằm trong phạm vi qui định của Hiệp định nói trên hay không và xác định xem các sản phẩm của doanh nghiệp của quý vị có thể hưởng lợi như thế nào từ Hiệp định này khi xuất khẩu từ Nhật Bản sang Việt Nam hoặc từ Việt Nam sang Nhật Bản.

Khi Hiệp định có hiệu lực thi hành, Hiệp định này sẽ qui định mức thuế suất thuế nhập khẩu giảm đi tại Nhật Bản đối với một số sản phẩm nhất định có xuất xứ từ Việt Nam, như các sản phẩm dệt may, hải sản và các sản phẩm từ hải sản, cà phê, giấy dếp, các sản phẩm điện tử v.v..

Đối với hàng hóa của Nhật Bản xuất khẩu sang Việt Nam, Hiệp định nói trên qui định thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn hoặc miễn thuế nhập khẩu tại Việt Nam cho các sản phẩm như phụ tùng ô tô và một số mặt hàng điện tử nhất định.

**** Điều này có ý nghĩa gì đối với doanh nghiệp của tôi (doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp Nhật Bản)?***

Trả lời:

Bằng cách tận dụng tối đa ảnh hưởng của Hiệp định nói trên giữa Nhật Bản và ASEAN (Việt Nam), doanh nghiệp có thể được hưởng thuế nhập khẩu thấp hơn hoặc được miễn thuế nhập khẩu tại điểm đến đối với các sản phẩm xuất xứ từ Việt Nam mà doanh nghiệp đang sản xuất. Điều này sẽ giúp cắt giảm tổng chi phí sản xuất và vận chuyển hàng hóa tính tới điểm đến tại Nhật Bản hoặc Việt Nam và gia tăng cơ hội thâm nhập thị trường cho các sản phẩm của doanh nghiệp nhờ vào việc doanh nghiệp có thể bán sản phẩm của mình với giá thành thấp hơn cho người tiêu dùng Nhật Bản hoặc Việt Nam.

**** Những điểm khác biệt cơ bản về Quy tắc xuất xứ giữa AKFTA (Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN-***

Hàn Quốc) và AFTA (Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN) ?

Trả lời:

AKFTA là Hiệp định khu vực thương mại tự do (FTA) thứ 3 Việt Nam tham gia ký kết sau Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) và Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA). Hiệp định này được xem như là một hy vọng cho Việt Nam thúc đẩy tăng trưởng mạnh kim ngạch xuất khẩu của mình sang Hàn Quốc – nơi mà trong những năm gần đây Việt Nam luôn ở trong thế thâm hụt mậu dịch.

Cơ sở cho việc thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa trong khu vực AKFTA là quy tắc xuất xứ (ROO) được quy định tại phụ lục 3 của Hiệp định. Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định AKFTA (ROO-AK) được xây dựng dựa trên nền tảng của Hiệp định AFTA (ROO-AF). Do vậy, quy tắc xuất xứ trong Hiệp định AKFTA có nhiều điểm tương đồng với quy tắc xuất xứ trong Hiệp định AFTA. Tuy nhiên, do trên tốc độ phát triển nền kinh tế, đặc điểm các ngành công nghiệp và mức độ tự do hóa thương mại trong những năm gần đây của các nước ASEAN và đặc biệt là của Hàn Quốc nên quy tắc xuất xứ trong Hiệp định AKFTA có một số điểm khác biệt so với quy tắc xuất xứ trong Hiệp định AFTA. Bên cạnh đó, kỹ thuật lập pháp cũng như việc tham khảo thêm các quy tắc xuất xứ trong các hiệp định FTA trên thế giới cũng là những lý do

tạo ra những khác biệt này. Với những lý do trên, tác giả của bài viết này xin lưu ý là mục đích của bài viết chỉ nhằm nêu ra những điểm khác biệt chủ yếu giữa quy tắc xuất xứ trong Hiệp định AKFTA với quy tắc xuất xứ trong Hiệp định AFTA mà không phải là trình bày đầy đủ và hoàn chỉnh về quy tắc xuất xứ AKFTA.

**** Vây xin cho biết rõ hơn về Quy tắc xuất xứ ROO và Quy tắc mặt hàng cụ thể PSR .***

Trả lời:

* Quy tắc xuất xứ (ROO)

Trước hết phải kể đến việc ROO-AK đã đưa ra nhiều định nghĩa về thuật ngữ rõ ràng hơn so với ROO-AF. Điều này khiến cho việc áp dụng ROO chính xác hơn, cũng như tránh được việc lạm dụng các cách hiểu khác nhau để cố tình vi phạm ROO trong một số trường hợp có thể xảy ra. Các định nghĩa được đưa ra bao gồm định nghĩa về giá FOB, giá CIF, hàng hóa, hệ thống mã hài hòa HS, nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế, nguyên liệu, hàng hóa không có xuất xứ, nguyên liệu đóng gói và bao gói cho việc vận chuyển, hưởng ưu đãi thuế quan, quy tắc cụ thể cho mặt hàng (PSR), sản xuất, và nước thứ ba.

Về hàng hóa có xuất xứ thuần túy, ROO-AK quy định thêm một số trường hợp có xuất xứ thuần túy như sản phẩm thu được ngoài không gian vũ trụ bởi một Bên hoặc

bởi người của Bên đó tham gia Hiệp định. Đây là quy định mới đối với các nước ASEAN nhưng đã được phổ biến ở ROO của một số FTA trên thế giới. Việc đưa quy định này vào ROO cũng là thể hiện sự thay đổi của ROO và sự phát triển của thương mại phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

Đối với hàng hóa có xuất xứ không thuần túy, khác với quy tắc xác định xuất xứ chung của ROO-AF là hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không nhỏ hơn 40% tính theo trị giá FOB, quy tắc chung của ROO-AK là “RVC của khu vực AKFTA không nhỏ hơn 40% tính theo trị giá FOB hoặc có sự chuyển đổi mã HS ở cấp độ 4 số (CTH)[1][1]”. Quy tắc chung này (sau đây gọi tắt là Quy tắc “RVC 40% hoặc CTH”) tỏ ra linh hoạt hơn và “lỏng” hơn so với ROO-AF bởi nó cho phép nhà xuất khẩu/ nhà sản xuất có điều kiện lựa chọn một trong hai tiêu chí nói trên để xin cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) (trong khi ở quy tắc ROO-AF, người xuất khẩu, người sản xuất không có điều kiện lựa chọn mà chỉ được phép áp dụng quy tắc chung là RVC 40%) và như vậy, hàng hóa sẽ dễ dàng có điều kiện để đạt được xuất xứ khu vực AKFTA. Tuy nhiên, bên cạnh đó, quy định này lại bị hạn chế bởi danh mục quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR). Về nguyên tắc áp dụng, PSR là tập hợp những quy tắc duy nhất được áp dụng cho những hàng hóa thuộc danh mục này, tức là sẽ không được phép áp dụng quy tắc RVC 40% hoặc CTH. Những mặt hàng nằm trong PSR thường là những mặt hàng “đáng quan tâm”, có tính chất

chiến lược và có giá trị xuất khẩu lớn đối với các đối tác và các nước Thành viên ASEAN nên khi đàm phán về quy tắc xuất xứ, các nước thường đưa những mặt hàng có lợi thế của mình vào danh mục này.

Về công thức tính RVC, ROO-AK sử dụng phương pháp “build-up” và “build –down”. Hiện nay, trong Hiệp định AFTA, các nước Thành viên ASEAN hiện đang sử dụng các phương pháp tính trực tiếp hoặc gián tiếp (“direct method” và “indirect method”). Về phương pháp tính trực tiếp, công thức này hoàn toàn giống với phương pháp build-up, chỉ khác ở phần hình thức thể hiện công thức. Tuy nhiên, công thức build-down lại tương đối khác biệt với công thức gián tiếp của ROO-AF. Để nhận thức được sự khác biệt này, ta cùng xem xét hai công thức thể hiện như sau:

Công thức gián tiếp

$$\frac{\text{Giá trị nguyên phụ liệu nhập khẩu từ nước không phải là thành viên ASEAN} + \text{Giá trị nguyên phụ liệu có xuất xứ không xác định}}{\text{Giá trị nguyên phụ liệu nhập khẩu từ nước không phải là thành viên ASEAN} + \text{Giá trị nguyên phụ liệu có xuất xứ không xác định}} \times 100\% \square \square 60\%$$

Giá FOB của hàng hóa xuất khẩu

C/O

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Công thức Build-Down:

$$\frac{\text{Giá FOB của hàng hóa xuất khẩu} - \text{Giá trị nguyên phụ liệu không có xuất xứ}}{\text{Giá trị nguyên phụ liệu không có xuất xứ}} \times 100\%$$

Giá FOB của hàng hóa xuất khẩu

Trên thực tế, công thức build-down là một hình thức thể hiện khác (hay một cách viết khác) của công thức build-up (đề nghị xem thêm công thức tính build-up trong quy tắc xuất xứ ROO-AK), tức là sau khi áp dụng công thức build-down này thì rốt cuộc cũng quay trở về việc tính hàm lượng RVC giống như cách tính của công thức build-up (Giá FOB của hàng hóa xuất khẩu - Giá trị nguyên phụ liệu không có xuất xứ = Giá trị của nguyên liệu có xuất xứ và từ đó tính ra được RVC). Trong khi đó, cách tính gián tiếp của ROO-AF lại không thể quay trở về việc xác định hàm lượng RVC một cách trực tiếp như cách tính trực tiếp của ROO-AF mà phải xác định hàm lượng không có giá trị khu vực và hàm lượng này phải nhỏ hơn 60% theo như quy định của ROO-AF.

Theo thống kê của Ban Thư ký ASEAN cũng như theo báo cáo của một số nước, cách tính gián tiếp và trực tiếp của ROO-AF thường gây ra sự khác biệt, cũng là hàng hóa đó, với các thông số đó, nhưng khi tính theo cách tính gián tiếp có thể hàng hóa không đạt xuất xứ nhưng nếu tính

theo cách tính trực tiếp lại đạt xuất xứ hoặc ngược lại. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không có ý định giới thiệu chi tiết về vấn đề này mà sẽ thể hiện trong một bài viết khác.

Một đặc thù của ROO-AK là vấn đề Khu Công nghiệp Khai Thành (GIC) nằm ở Bắc Triều Tiên. Theo phía Hàn Quốc, vấn đề này được đưa ra nhằm mục đích chính trị nhiều hơn kinh tế bởi theo họ, việc kết nối và tạo điều kiện cho sản xuất tại khu này là nhằm tăng cường sự hàn gắn và đoàn kết dân tộc hai miền Bắc Nam của Triều Tiên. Quy tắc xuất xứ áp dụng cho khu vực này được xác định theo một cách tương đối biệt lập, không tuân theo các quy tắc 2, 4 và 5 của ROO-AK. Hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ nếu quy trình sản xuất được diễn ra tại một khu vực bên ngoài lãnh thổ Hàn Quốc và các nước thành viên ASEAN (ví dụ như Khu GIC). Nguyên liệu dùng cho quy trình sản xuất đó được xuất khẩu từ một Bên vào Khu này để sản xuất và sau đó được tái nhập khẩu về chính Bên đã xuất khẩu nguyên liệu đó. Việc thực hiện quy định này, bao gồm danh mục các sản phẩm được phép sản xuất và các thủ tục cụ thể liên quan tới việc áp dụng này sẽ được các Bên cùng nhau đàm phán để thống nhất. Cho đến nay, mặc dù ROO-AK đã được ký kết nhưng các Bên vẫn đang tiếp tục đàm phán về những nội dung trên của quy định này. Dự kiến, việc đàm phán nói trên sẽ kết thúc vào cuối năm nay.

Trong khi ROO-AF không đưa ra các quy định về các công đoạn gia công chế biến giản đơn (Non-qualifying

operations) thì ROO-AK lại đưa ra một danh mục chi tiết về những hoạt động này. Trong quá trình sản xuất hàng hóa, những công đoạn này sẽ không được xét đến trong việc xác định xuất xứ hàng hóa, kể cả việc những công đoạn này có dẫn tới việc chuyển đổi mã số HS hay chiếm tới 40% giá trị gia tăng. Các công đoạn đó bao gồm: các hoạt động bảo quản hàng hóa nhằm đảm bảo duy trì hàng hóa trong điều kiện tốt trong khi vận chuyển và lưu trữ; thay đổi bao bì; tháo ra hoặc đóng gói hàng; lau rửa đơn giản, tẩy bụi, tẩy ô xít, dầu mỡ, sơn hoặc các chất phủ khác; sơn đơn giản hoặc đánh bóng, v.v...

Một quy tắc mới khác được đưa ra tại ROO-AK là quy tắc "De-minimis". Quy tắc này được áp dụng cho mọi hàng hóa áp dụng tiêu chí xuất xứ chuyển đổi mã số HS (CTC) trong ROO-AK. Theo đó, một sản phẩm không đạt được sự chuyển đổi mã số HS (ví dụ như có sự trùng mã HS giữa nguyên liệu không có xuất xứ và sản phẩm) sẽ vẫn được coi là có xuất xứ nếu giá trị của tất cả các nguyên vật liệu không có xuất xứ dùng để sản xuất ra sản phẩm đó (chỉ những nguyên liệu không có xuất xứ mà không đạt được tiêu chí chuyển đổi mã số HS như quy tắc yêu cầu) không vượt quá 10 % của tổng giá trị hàng hoá đó tính theo giá FOB. Đối với hàng dệt may từ chương 50 đến chương 63, ngưỡng tối đa cho nguyên vật liệu phi xuất xứ cũng là 10% nhưng tính theo trọng lượng sản phẩm". Ngưỡng 10% được gọi là ngưỡng De-minimis. Quy định này được các nước tham gia đàm phán đưa vào nhằm làm giảm bớt sự khó khăn

cho việc đạt tiêu chí xuất xứ, hoặc để giải quyết khi hàng hóa có “sự cố” không đạt được xuất xứ ví dụ như khi hàng hóa mà chỉ trùng mã HS với nguyên liệu không có xuất xứ ở một tỉ lệ rất nhỏ. Việc giải quyết này sẽ khiến cho nhà sản xuất cảm thấy được đối xử một cách công bằng hơn bởi không chỉ vì bị trùng mã HS một phần trăm rất nhỏ nào đó mà hàng hóa của họ lại không được công nhận xuất xứ.

Để làm rõ về quy định này, chúng ta hãy xét ví dụ dưới đây: Một doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất mặt hàng cầu chì tổng hợp (85.36.10). Doanh nghiệp này nhập khẩu nguyên liệu từ Đài Loan bao gồm vỏ và một số thiết bị khác trong đó sử dụng cầu chì thủy tinh (85.36.10) và cầu chì nhiệt (85.36.10) để lắp vào trong một cầu chì tổng (85.36.10). Ngoài ra, doanh nghiệp có sử dụng dây điện, bảng nhựa, đinh vít sản xuất tại Việt Nam để lắp cùng các thiết bị nói trên. Sản phẩm sau khi hoàn thiện được đem xuất khẩu sang Hàn Quốc. Theo bản PSR của ROO-AK, quy tắc xuất xứ của mặt hàng cầu chì là: Chuyển từ bất kỳ phân nhóm nào khác (CTSH - chuyển đổi 6 số) hoặc đạt giá trị RVC 45% tính theo giá FOB. Tuy nhiên, do doanh nghiệp chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu về để lắp ráp nên RVC chỉ đạt 40% nên không thỏa mãn quy tắc RVC 45%. Chính vì vậy, doanh nghiệp phải xét đến quy tắc CTSH. Khi xét đến quy tắc này, sản phẩm không thỏa mãn quy tắc CTSH do có sự trùng về nhóm 6 số giữa nguyên liệu không có xuất xứ (nhập khẩu từ Đài Loan) và sản phẩm (đều có mã HS 6 số là 85.36.10). Tuy nhiên, tỉ lệ trùng này chỉ là 5,6% tính theo giá trị FOB. Theo quy tắc De-minimis, nếu tỉ

lệ trùng nhỏ hơn 10% theo giá trị FOB thì hàng hóa vẫn xem là có xuất xứ trong khu vực AKFTA. Như vậy, mặt hàng cầu chì tổng hợp được công nhận là có xuất xứ khu vực AKFTA.

Quy định về phụ tùng, phụ kiện và dụng cụ cũng đã được đưa vào nhằm thực hiện quy tắc xuất xứ một cách triệt để hơn và cũng là để có quy định nhằm giải quyết những tình trạng hàng hóa có phụ tùng, dụng cụ và phụ kiện đi kèm. Theo đó, xuất xứ của phụ tùng, phụ kiện và dụng cụ đi kèm hàng hóa sẽ không được tính đến trong việc xác định xuất xứ của hàng hóa với điều kiện những phụ tùng nói trên được phân loại mã HS cùng với hàng hóa đó trong biểu thuế xuất nhập khẩu và thuế nhập khẩu được Bên nhập khẩu tính vào hàng hóa đó. ROO- AK còn đưa thêm quy định rất chi tiết về các nguyên liệu trung gian (hay còn gọi là nguyên liệu gián tiếp – neutral elements). Những nguyên liệu này là những nguyên liệu không đóng vai trò chính trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm mà chỉ đóng vai trò trung gian nhằm tạo điều kiện để chuyển những nguyên liệu chính thành sản phẩm cuối cùng. Những nguyên liệu trung gian này sẽ không còn tồn tại hiện hữu trong sản phẩm và xuất xứ của nó sẽ không ảnh hưởng đến việc xác định xuất xứ của sản phẩm. Theo ROO-AK, những nguyên liệu đó bao gồm nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng, khuôn mẫu và công cụ dùng trong bảo dưỡng thiết bị và nhà xưởng, dầu mỡ, nguyên liệu dùng trong vận hành máy móc, găng tay, giày

dép, quần áo, thiết bị bảo hộ lao động, các công cụ thủ nghiệp, kiểm tra sản phẩm, v.v...

*** Quy tắc mặt hàng cụ thể (PSR)**

Quy tắc 5 của ROO-AK quy định hàng hóa thỏa mãn quy tắc mặt hàng cụ thể quy định tại Phụ lục 2 (Appendix 2) sẽ được coi là có xuất xứ tại lãnh thổ của Bên nơi diễn ra quá trình gia công chế biến hàng hóa. Quy tắc này được hiểu là quy tắc duy nhất dùng để xác định xuất xứ của hàng hóa nằm trong Phụ lục 2 bởi bản thân Quy tắc 4 (hàng hóa có xuất xứ thuần túy) đã loại trừ những hàng hóa nêu tại Quy tắc 5 trong Phụ lục 2 này.

Để dễ hiểu, ta lấy một ví dụ cụ thể như sau: mặt hàng cua chế biến (16.05.10) nằm trong danh mục PSR (của ROO-AK) có quy tắc xuất xứ là RVC 35% tính theo trị giá FOB (sau đây, mọi phần trăm đều được hiểu là tính theo trị giá FOB). Như vậy, để có được xuất xứ của khu vực AKFTA, mặt hàng cua chế biến chỉ cần đạt hàm lượng giá trị khu vực ít nhất là 35% mà không cần phải đạt tới ngưỡng RVC 40% hoặc phải trải qua chuyển đổi CTH.

PSR này có thể được xem xét và phân tách thành các nhóm sau:

Từ chương 01 đến chương 14: bao gồm các sản phẩm động vật sống; thịt; thủy sản; các sản phẩm sữa, trứng gia cầm, mật ong; sản phẩm từ động vật; thực vật; rau; quả; cà

phê, chè và các gia vị; ngũ cốc; các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, lúa mì; các hạt; nhựa cánh kiến đỏ, gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác. Hầu hết các sản phẩm thuộc nhóm này áp dụng tiêu chí xuất xứ thuần túy của Bên xuất khẩu (WO) hoặc xuất xứ thuần túy khu vực (WO-AK). WO-AK là tiêu chí do đối tác Hàn Quốc đưa ra và đã được thống nhất trong đàm phán, trong đó nêu rõ hàng hóa được sản xuất hoặc thu được từ bất kỳ Bên tham gia Hiệp định nào, không nhất thiết phải thuộc duy nhất Bên xuất khẩu như trường hợp của WO. Hiện có 27 dòng thuế thuộc các chương 03, 04, 08, 10, và 11 áp dụng tiêu chí WO-AK. Trên thực tế, tiêu chí WO-AK “lỏng” hơn so với tiêu chí xuất xứ thuần túy thông thường. Bên cạnh đó, một số tiêu chí khác cũng được áp dụng như: (i) tiêu chí “RVC” duy nhất với giá trị RVC là không giống nhau giữa các sản phẩm, chẳng hạn như: curry (09.10.50) có RVC 40%; cà phê đã được loại bỏ chất ca-phê-in (09.01.12) có RVC 45%; đặc biệt, một số mặt hàng đòi hỏi giá trị RVC phải đạt ít nhất 70% như agar-agar (13.02.31); (ii) tiêu chí “RVC hoặc CTH” có đi kèm hoặc không đi kèm điều kiện khác như nhóm mặt hàng sữa chua (04.03); (iii) tiêu chí “WO-AK hoặc RVC” như mặt hàng Whey (04.04.10).

Ghi chú :

[2][1] Chuyển đổi ở cấp độ 4 số hay còn gọi là chuyển đổi nhóm (thường viết là CTH, viết tắt của cụm từ “Change in Tariff Heading”). Chuyển đổi này được thể hiện ở việc một

sản phẩm được sản xuất ra phải có mã số HS ở cấp 4 số khác với mã số HS (cũng ở cấp 4 số) của các nguyên liệu đầu vào dùng để sản xuất ra sản phẩm đó trừ một số ngoại lệ được quy định bởi ngưỡng trùng mã HS được cho phép bởi quy tắc “De-minimis” sẽ giới thiệu ở quy tắc số 10. Ngoài khái niệm chuyển đổi ở cấp 4 số, quy tắc xuất xứ của Hiệp định AKFTA còn quy định một số mặt hàng được phép chuyển đổi 2 số (CC-chuyển đổi chương) hoặc 6 số (CTSH-chuyển đổi phân nhóm). Tất cả phương pháp chuyển đổi này được gọi chung là phương pháp chuyển đổi mã số HS (CTC).

Từ chương 15 đến chương 24 (trừ chương 17 và 18 không thuộc PSR): các tiêu chí áp dụng chủ yếu bao gồm: (i) CC/ CTH kết hợp với RVC như là điều kiện bắt buộc (ví dụ như nấm - 20.03.90); hoặc CC/CTH áp dụng như là một tiêu chí lựa chọn cho RVC (ví dụ như cá hồi - 16.04.11); (ii) RVC được áp dụng như là quy tắc duy nhất (ví dụ như nước khoáng - 22.02.10).

Trong số các mặt hàng áp dụng duy nhất tiêu chí RVC, mặt hàng tôm và cua chế biến (mã HS tương ứng là 16.05.10 và 16.05.20) là hai mặt hàng duy nhất có tiêu chí RVC 35%, thấp hơn hàm lượng RVC trong quy tắc chung (RVC 40%) và cũng là tiêu chí RVC thấp nhất trong PSR của AKFTA (thông thường, trong PSR của Hàn Quốc với các đối tác không có tiêu chí nào dưới 40%). Tiêu chí này có được là do kết quả đàm phán tích cực của ta trong thời gian qua và nhờ đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập

khẩu nguyên liệu thủy sản từ bên ngoài khối AKFTA để chế biến và xuất khẩu sang các nước trong khối AKFTA (Việt Nam hiện không có đủ nguyên liệu cho việc chế biến xuất khẩu hai mặt hàng này nên phải nhập khẩu nguyên liệu từ các nước ngoài khối AKFTA).

Đối với các chương còn lại từ 25 đến 97 (không bao gồm hàng dệt may), quy tắc CTC (gồm CC, CTH và CTSH) vẫn được áp dụng như là quy tắc lựa chọn hoặc ràng buộc với quy tắc RVC. Đối với một số mặt hàng, quy tắc RVC áp dụng như là quy tắc duy nhất. Tại nhóm quy tắc RVC duy nhất này, ngưỡng RVC có các mức khác nhau, thường dao động từ 40%, 45%, 50%, 55%, cho đến 60%. Tuy nhiên, cần lưu ý là PSR chỉ bao gồm một số chương như: 29, 33, 40, 42, 50-59, 61-63, 68, 71, 72, 74, 76, 81, 83, 84, 85, 87, 89, 90, và 94 mà không bao hàm hết tất cả các chương từ 25 đến 97. Trong số các chương này, một số nhóm hoặc phân nhóm không có trong PSR và như vậy, những mặt hàng đó sẽ áp dụng quy tắc “RVC 40% hoặc CTH” như đã nói ở trên.

Đối với mặt hàng dệt may (từ chương 50 đến chương 63, không bao gồm chương 60), quy tắc RVC 40% được sử dụng như là quy tắc thay thế cho quy tắc CTC (bao gồm CC và CTH), trừ các loại quần áo và sản phẩm may mặc đã qua sử dụng (nhóm 63.09) và các phế liệu từ vải vụn khác (nhóm 63.10) có tiêu chí duy nhất là WO. Riêng các nhóm hàng dệt may thuộc các chương 61, 62 và 63, ngoài việc

thực hiện việc chuyển đổi CC còn phải ràng buộc điều kiện bổ sung là may và cắt trong khu vực AKFTA. Điều này có nghĩa là sản phẩm có thể may ở một nước và cắt ở một nước khác trong cùng khối AKFTA.

Kết luận

Như vậy, có thể nói mặc dù việc xây dựng và đàm phán các quy tắc của ROO-AK ban đầu dựa trên các quy tắc của ROO-AF nhưng nó sau này nó lại tỏ ra là một bộ quy tắc hoàn thiện hơn so với ROO-AF. Các quy định trong ROO-AK được đàm phán rất chi tiết và dễ áp dụng, phù hợp các thông lệ và các quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định FTA trên thế giới. Hiện nay, sau khi xem xét và rà soát lại các quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định ASEAN –Trung Quốc và giữa các nước ASEAN, Ban Thứ ký ASEAN và các nước Thành viên dự định sẽ dựa trên quy tắc ROO-AK để sửa đổi hai quy tắc ROO nói trên. Các Dự thảo sửa đổi này đã được đưa ra trong các phiên họp gần đây để thảo luận và trao đổi. Bên cạnh đó, mục đích hài hòa hóa các quy định ROO cũng rất quan trọng. Việc hài hòa hóa này nhằm tạo thuận lợi cho việc áp dụng của nhà xuất khẩu, nhà sản xuất cũng như người cấp dễ dàng, tránh nhầm lẫn khi các FTA được ký kết ngày càng trở lên nhiều hơn. Bên cạnh đó, cùng với việc kỹ năng đàm phán, nghiên cứu cùng với sự phát triển của thương mại trong khu vực cũng như các điều kiện mới phát sinh cũng đòi hỏi các ROO phải được sửa đổi cho phù hợp hơn. Do vậy, việc sửa đổi các ROO cũng là điều tất yếu.

**** Xin cho biết rõ hơn về Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Úc – New Zealand? Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ được hưởng lợi như thế nào?***

Trả lời:

Australia và New Zealand sẽ giảm tương ứng 85% và 96,4% các dòng thuế quan đối với hàng xuất khẩu Việt Nam vào năm 2010 và miễn thuế hoàn toàn đối với hàng Việt Nam vào năm 2020.

Cam kết này là một phần của Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Australia - New Zealand (AANZ FTA) được ký vào ngày 27/2 vừa qua tại hội nghị cấp cao ASEAN tại Hua Hin, Thái Lan.

Phát biểu với báo giới bên lề cuộc họp báo ngày 08/04 tại Hà Nội, Đại sứ Australia Allaster Cox nói “Việt Nam sẽ hưởng lợi rất nhiều về tiếp cận thị trường Australia và New Zealand.”

Kể từ năm 2010, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam như cá và các sản phẩm từ cá, hạt và hoa quả tươi, khô; đường; bột giấy và giấy, gỗ và các sản phẩm từ gỗ sẽ được miễn thuế hoàn toàn. Australia và New Zealand cũng sẽ dỡ bỏ thuế cho đa số các mặt hàng khoáng sản, sợi và dệt may cho Việt Nam vào năm đó.

Theo Đại sứ Australia, hiệp định này thể hiện mối quan hệ song phương ngày càng sâu sắc giữa Australia và Việt Nam. Nó không chỉ tăng cường thương mại và đầu tư giữa hai nước thông qua việc cắt giảm và xóa bỏ thuế quan đánh vào hàng hóa mà còn cải thiện thủ tục hành chính và các quy định về lưu trú và di chuyển theo hướng thuận lợi hơn cho doanh nghiệp hai nước.

Việt Nam hiện là đối tác thương mại thứ 6 của Australia trong khối các nước ASEAN với kim ngạch thương mại đạt 8 tỷ USD năm 2007-2008, chiếm 10% tổng thương mại của Australia với khu vực ASEAN. Thương mại hai chiều giữa hai nước liên tục tăng trưởng bình quân 22%/năm trong vòng 5 năm qua.

Đại sứ Allaster Cox cho biết ông rất ấn tượng với cam kết hội nhập kinh tế của Việt Nam và để giúp Việt Nam thực hiện các cam kết của mình trong hiệp định này, Australia đang chuẩn bị đưa ra một số chương trình hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cho Chính phủ Việt Nam.

Australia sẽ tài trợ đào tạo nâng cao năng lực cho các cơ quan chính phủ Việt Nam trong quá trình giúp các doanh nghiệp của mình tận dụng tối đa cơ hội tham gia thị trường Australia, hiểu và đáp ứng đúng các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, về quyền sở hữu trí tuệ, về tiếp thị và quảng bá hình ảnh cũng như các quy định về lưu trú và di chuyển tại thị trường này.

Bên cạnh triển vọng về một dòng chảy thương mại hàng hóa và dịch vụ hoàn toàn tự do tới thị trường của hai nước công nghiệp phát triển, với hiệp định FTA này, Việt Nam còn có cơ hội tăng cường quan hệ hợp tác về lao động với New Zealand.

Hiện tại, New Zealand đã có một số “thỏa thuận hạn chế” về việc cho phép 200 đầu búp và thợ cơ khí lành nghề của Việt Nam được lưu trú tạm thời tại New Zealand. Ngoài ra, hai nước cũng đã bắt đầu đàm phán về Chương trình Lao động Ngày lễ (Working Holiday Schemes) theo đó, mỗi năm 100 lao động Việt Nam sẽ được xét sang làm việc tại New Zealand.

Theo ông Tony Burchill, Cao ủy cấp cao về thương mại của Australia, AANZ FTA là hiệp định tự do thương mại lớn nhất từ trước đến nay của Australia và New Zealand, là hiệp định tự do thương mại toàn diện nhất của ASEAN.

AANZ FTA bao trùm nhiều lĩnh vực bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, di chuyển tạm thời của doanh nhân và hợp tác kinh tế. Hiệp định này sẽ bao trùm một khu vực có tổng dân số 600 triệu người và GDP ước tính 2,7 ngàn tỷ USD.

**** Đối với những lô hàng xuất / nhập khẩu những mặt hàng từ (đến) ASEAN, Hàn Quốc, Trung Quốc (theo các Hiệp định Thương mại Tự do – FTA) nhưng các lô hàng***

này lại quá cảnh ở một nước thứ 3 (lãnh thổ khác), xin cho biết doanh nghiệp chúng tôi phải thực hiện những quy trình như thế nào?

Trả lời:

** Đối với hàng NK từ Trung Quốc trong khuôn khổ hiệp định ACFTA:*

Căn cứ điều 8- Phụ lục I và điều 19 - Phụ lục III của Quyết định 12/2007/QĐ-BTM của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) ngày 31/12/2007 về việc ban hành Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu E để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định thương mại hàng hoá thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thì:

Hàng hoá NK từ Trung Quốc, nếu quá cảnh qua một trong những nước ASEAN thì được coi là vận chuyển trực tiếp. Theo đó, nếu hàng hoá đáp ứng được tiêu chí xuất xứ và có C/O hợp lệ thì được áp dụng chế độ ưu đãi đặc biệt theo quy định tại Hiệp định.

Hàng hoá NK từ Trung Quốc nếu quá cảnh qua một nước thứ 3/lãnh thổ không phải là một trong những nước ASEAN được coi là vận chuyển trực tiếp phải xuất trình cho cơ quan hải quan các chứng từ sau:

- Vận tải đơn chở suốt được phát hành tại nước XK;

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O;
- Bản sao từ bản gốc hoá đơn thương mại của lô hàng;
- Các chứng từ liên quan khác để chứng minh rằng các yêu cầu tại các điểm a, b, c thuộc khoản 3, Điều 8 của Phụ lục I (Quy tắc xuất xứ) đã được tuân thủ.

Về chứng từ theo quy định:

Vận đơn chở suốt: Đối với vận chuyển đường biển vận đơn phải ghi rõ việc vận chuyển hàng hoá được ít nhất 2 người vận chuyển bằng đường biển thực hiện. Đối với vận chuyển đường hàng không, vận đơn hàng không phải ghi rõ điểm dừng thoả thuận trong trường hợp vận chuyển có địa điểm xuất phát, địa điểm đến ở lãnh thổ của một quốc gia và có một hoặc nhiều địa điểm dừng thoả thuận ở lãnh thổ quốc gia khác.

Do vậy, nếu trên vận đơn hàng không thể hiện rõ địa điểm xuất phát, địa điểm dừng ở lãnh thổ quốc gia khác và điểm đến tại Việt Nam thì chấp nhận như vận đơn chở suốt.

Chứng từ liên quan để chứng minh: Hiện nay trong các quy định của Bộ Công Thương cũng như các quy tắc xuất xứ không có quy định cụ thể các chứng từ chứng minh về vận tải trực tiếp được tuân thủ. Do vậy, có thể chấp nhận chứng từ do cơ quan Hải quan của nước quá cảnh hoặc cơ quan vận tải xác nhận hàng được thực hiện quá cảnh qua nước đó và hàng hoá

quá cảnh được giữ nguyên trạng, hoặc chỉ thực hiện những công đoạn được cho phép như quy định tại các điều khoản liên quan nêu trên.

** Hàng NK từ Hàn Quốc trong khuôn khổ Hiệp định AKFTA:*

Hàng NK từ Hàn Quốc quá cảnh qua nước trung gian là thành viên hay không là thành viên đều phải đáp ứng các điều kiện về quy định vận chuyển trực tiếp như nêu tại điểm 1.2 và 1.3 trên đối với hàng NK từ Trung Quốc.

** Đối với hàng NK từ một nước ASEAN trong khuôn khổ Hiệp định CEPT:*

Căn cứ Điều 7 - Phụ lục I và Điều 18 - Phụ lục 7 của Quyết định số 19/2008/QĐ-BTC của Bộ Công Thương ngày 24/7/2008 ban hành Quy chế giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu D để hưởng các ưu đãi theo hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) thì:

Các quy định và điều kiện được chấp nhận là vận chuyển trực tiếp thực hiện tương tự như đối với hàng NK từ Trung Quốc trong khuôn khổ hiệp định ACFTA.

C/O

CÔNG NANG VÈ
GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

159

MẪU C/O VÀ CÁCH KHAI

** Xin VCCI hướng dẫn chúng tôi hiểu rõ hơn về các phần phải khai báo trên C/O Mẫu A và cách khai báo ra sao?*

Trả lời:

Kê khai chữ **VIET NAM** tiếp sau Issued in (dưới dòng tiêu đề MẪU A)

Ô số 1: kê khai tên, địa chỉ, quốc gia của người xuất khẩu (cụ thể ở đây là nước Việt Nam)

Ô số 2: kê khai tên, địa chỉ, nước của người nhận hàng.

Trường hợp nhận hàng theo chỉ định sẽ được khai báo là:

TO ORDER hoặc

TO ORDER OF <người ra chỉ định>, ghi thống nhất với vận đơn và các chứng từ giao nhận hợp lệ khác.

Ô số 3: kê khai về vận tải

- Hình thức vận chuyển: by sea, by air, by truck

- Tên phương tiện vận chuyển: ví dụ M/V : UNI PACIFIC V.142S

- Cửa khẩu xuất hàng: ví dụ HO CHI MINH PORT

- Cửa khẩu nhận hàng cuối cùng: ví dụ HAMBURG

- Số và ngày vận đơn, ví dụ B/L No. : 827045312
DATED : NOV 10, 2008

Lưu ý: Cửa khẩu nhận hàng cuối cùng trên **ô số 3** và người nhận hàng (đích danh) trên **ô số 2** phải cùng một nước nhập (**ô số 12**).

Ô số 4: Ghi chú của cơ quan cấp C/O, Doanh nghiệp không khai báo phần này.

Có các ghi chú sau :

- C/O cấp sau ngày xuất hàng: đóng dấu thông báo ISSUED RETROSPECTIVELY.

- Cấp lại bản sao do bị mất bản chính: DUPLICATE.

Ô số 5: kê khai số thứ tự các mặt hàng khai báo.

Ô số 6: kê khai nhãn và số hiệu thùng hàng (nếu có).

Ô số 7: kê khai số và loại của thùng hàng (nếu có); mô tả hàng hóa rõ ràng và cụ thể

- Ghi rõ số, ngày tờ khai hải quan hàng xuất (nếu đã có) trên **ô 7** : CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT COMMODITIES No. <số đầy đủ của tờ khai hải quan hàng xuất> DATED <ngày tờ khai hải quan hàng xuất>. Trường hợp người khai báo hải quan và người gửi hàng khác nhau phải ghi rõ thêm về người khai báo: DECLARED BY <người khai báo>.

* Lưu ý : - kê khai số container, số niêm chì (cont./seal No. ..)

Ô số 8: Kê khai tiêu chuẩn xuất xứ của hàng hóa.

Cụ thể: Hàng xuất sang **Australia** và **New Zealand** thì ô này để trống.

Xuất sang các nước khác :

+ Hàng có **xuất xứ thuần túy Việt Nam** kê khai chữ "**P**"

+ Hàng có xuất xứ không thuần túy Việt Nam: có hướng dẫn chi tiết tại mặt sau C/O mẫu A.

Đối với các sản phẩm được gia công chế biến tại Việt Nam đáp ứng được tiêu chuẩn xuất xứ thì ghi chữ "W" và mã số H.S (4 chữ số) của hàng hóa xuất khẩu đối với các thị trường Japan, Norway, Switzerland, Turkey và EU.

Ô số 9: Kê khai trọng lượng gộp (cả bao bì) hoặc trọng lượng khác của hàng hóa.

* Lưu ý :

+ Các Ô 5,7,8,9 phải khai thẳng hàng thứ tự, tên, tiêu chuẩn xuất xứ, trọng lượng gộp (hoặc số lượng khác) của mỗi loại hàng khác nhau.

+ Trường hợp tên hàng và mô tả nhiều có thể khai báo sang trang tiếp, mỗi trang khai báo rõ số thứ tự trang ở góc dưới ô số 7 (Ví dụ : Page 1/3 to be continue on attached list)

Ô số 10: kê khai số và ngày của hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Ô số 11: Doanh nghiệp không khai báo phần này.

Ô số 12: Kê khai nước xuất xứ của hàng hóa tiếp sau produced in là VIETNAM.

Kê khai nước nhập khẩu phía trên dòng (importing country). Nước nhập khẩu này được khai đúng với ô số 8 của Tờ khai Hải Quan hàng xuất của lô hàng.

Kê khai địa điểm, ngày ký và ký tên của người ký có thẩm quyền (của người xuất khẩu Việt Nam đã được đăng ký hợp pháp tại điểm cấp C/O).

C/O Mẫu A:

1. Goods consigned from (Exporter s business name, address country)			Reference No GENERALIZED SYSTEM OF PREFERENCES CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate) Mẫu A Issued in..... (country) See notes Overleaf		
2. Goods consigned to (Consignee name, address, country)					
3. Means of transport and rout (as far as known)			4. For official use		
5. Item number	6. Mark and number of packages	7. Number and kind of packages; description of goods	8. origin criterion (see note overleaf)	9. Gross weight or other quantity	10. Number and date of Invoices
11. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct Place and date, signature of authorised signatory			12. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in (Country) and that they comply with the origin requirements specified for those goods in the generalized system of preferences for the goods exported to (importing country) Place and date, signature of authorised signatory		

**** Các lô hàng trị giá thấp, hàng lý xách tay có cần phải cấp C/O Mẫu A để được hưởng ưu đãi về thuế không?***

Trả lời:

Đối với các lô hàng trị giá dưới 6.000 EUR: không cần phải có C/O Mẫu A, chỉ cần khai hoá đơn.

Đối với các kiện hàng nhỏ trị giá dưới 500 EUR, hàng lý xách tay trị giá dưới 1.200 EUR: không cần phải có C/O Mẫu A và khai hoá đơn.

**** Địa chỉ tra cứu mức thuế nhập khẩu vào EU và Hoa Kỳ?***

Trả lời:

- Trang web Thuế nhập khẩu vào EU:

europa.eu.int/comm./taxation_customs/dds/en/tarhome.htm

- Trang web Thuế nhập khẩu vào Hoa Kỳ:

dataweb.usitc.gov/scripts/tariff2001.asp (thuế NK)

- Trang chủ:

Sigl.cec.eu.int (EU)

- Hàng dệt may:

europa.eu.int/comm./trade/goods/textile/index_en.htm
(Thuế EU)

otexa.ita.doc.gov (Hoa Kỳ)

otexa.ita.doc.gov/corr.stm (CAT vào Hoa Kỳ)

**** Trong một lô hàng xuất khẩu có cả hàng hóa có xuất xứ và hàng hóa không có xuất xứ?***

Trả lời:

Trên C/O Mẫu A: liệt kê những hàng hóa có xuất xứ.

Trên trên hoá đơn thương mại: phải liệt kê đầy đủ cả hàng hoá có xuất xứ và không có xuất xứ.

**** Trong trường hợp Doanh nghiệp chúng tôi xuất khẩu hàng không đủ tiêu chuẩn để được cấp C/O Mẫu A, khi xin C/O không ưu đãi Mẫu B, chúng tôi cần kê khai thông tin thế nào cho đúng và ý nghĩa của các phần kê khai trên C/O Mẫu B?***

Trả lời:

Ý nghĩa và cách khai thông tin trên C/O Mẫu B:

Ô số 1: kê khai tên, địa chỉ, quốc gia của người xuất khẩu (Việt Nam), có thể ghi đại diện cho một công ty khác,

tên công ty này sẽ được ghi sau phần tên và địa chỉ đầy đủ của công ty xuất khẩu Việt Nam.

Ô số 2: kê khai tên, địa chỉ, nước của người nhận hàng.

Trường hợp nhận hàng theo chỉ định sẽ được khai báo là:

TO ORDER hoặc

TO ORDER OF <người ra chỉ định>,

Ghi thống nhất với vận đơn và các chứng từ giao nhận hợp lệ khác.

Ô số 3: kê khai về vận tải (càng chi tiết càng tốt) như

- Hình thức vận chuyển;
- Tên phương tiện vận chuyển;
- Số và ký hiệu chuyên, hành trình;
- Cửa khẩu xuất hàng;
- Cửa khẩu nhận hàng cuối cùng;
- Số và ngày vận đơn.

Ví dụ:

M/V : UNI PACIFIC V.142S

FROM : HOCHIMINH PORT, VIET NAM

TO : HAMBURG PORT, GERMANY

B/L No. : 827045312 DATED : NOV 10, 2008

Lưu ý : cửa khẩu nhận hàng cuối cùng trên ô 3 và người nhận hàng (đích danh) trên ô 2 phải cùng một nước nhập (ô 10).

Ô số 4: Tên, địa chỉ, nước của cơ quan thẩm quyền cấp C/O.

Cụ thể C/O cấp tại VCCI Hà Nội khai :

CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY OF VIETNAM.

HA NOI CITY BRANCH.

No.09 Dao Duy Anh Str, Dong Da Ward, Ha Noi, Viet Nam.

Ô số 5: Ghi chú của cơ quan cấp C/O. Doang Nghiệp không khai báo tại ô này. Có các ghi chú sau :

- C/O cấp sau ngày xuất hàng: đóng dấu thông báo ISSUED RETROSPECTIVELY.

- Cấp lại bản sao do bị mất bản chính : DUPLICATE.

Ô số 6: kê khai nhãn hiệu, số và loại của thùng hàng (nếu có); tên và mô tả hàng.

- Khai tên cụ thể và mô tả rõ về hàng hóa xuất khẩu. Ghi tên hàng hóa ghi trên Tờ khai Hải Quan hàng xuất, không thay đổi tên hàng hóa, hoặc khai tên chung chung như FROZEN PRODUCT

- Ghi rõ số, ngày tờ khai hải quan hàng xuất (nếu đã có) trên ô 6 : CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT

COMMODITIES No. <số đầy đủ của tờ khai hải quan hàng xuất> DATED <ngày tờ khai hải quan hàng xuất>. Trường hợp người khai báo hải quan và người gửi hàng khác nhau phải ghi rõ thêm về người khai báo: DECLARED BY <người khai báo>.

- Ghi rõ số, ngày giấy phép xuất khẩu (nếu có) trên ô 6 : EXPORT LICENCE No.<số đầy đủ của giấy phép xuất khẩu> DATED <ngày giấy phép xuất khẩu >

* Lưu ý : kê khai số container, số niêm chì (cont./seal No. ..) nếu đã xác định.

Ô số 7: Kê khai trọng lượng gộp hoặc số lượng khác của hàng hóa.

Lưu ý :

Ô số 6, 7 phải khai thẳng hàng tên và trọng lượng (hoặc số lượng) của mỗi loại hàng.

+ Trường hợp tên hàng và mô tả nhiều có thể khai báo sang trang tiếp, mỗi trang khai báo rõ số thứ tự trang ở góc dưới ô 6 (Ví dụ : Page 1/3 ghi rõ to be continue on attached list)

Ô số 8: kê khai số và ngày của hóa đơn. Trường hợp hàng xuất không có hóa đơn phải ghi rõ lý do.

Ô số 9: Doanh nghiệp không kê khai tại ô này.

Ô số 10: Khai báo thông tin doanh nghiệp.

- Kê khai nước nhập khẩu phía trên dòng (importing country).

- Kê khai địa điểm, ngày ký và ký tên của người ký có thẩm quyền (của người xuất khẩu Việt Nam, chữ ký đã được đăng ký hợp pháp tại điểm cấp C/O).

Lưu ý: Ngày ký của người xuất khẩu phải trước hoặc bằng ngày phát hành C/O, và phải bằng hoặc sau ngày các chứng từ khác đã được kê khai trên C/O. Chữ ký phải được ký bằng tay, và được đóng dấu rõ chức danh, dấu doanh nghiệp, và dấu tên.

Mẫu B:

1. Goods consigned from (Exporter's bussiness name, address, country)	Reference No.	
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)	CERTIFICATE OF ORIGIN <i>(Combined declaration and certificate)</i> MẪU B Issued in Vietnam	
3. Means of transport and route (as far as known)	4. Competent authority (name, address, country)	
6. Marks, numbers and kind of packages; description of goods	7. Gross weight or other quantity	8. Number and date of invoices
		5. For official use
9. Certification It is hereby certified; on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. <hr/> <i>(Place and date, signature of authorised signatory)</i>	10. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and satements are correct; that all the goods were produced in Vietnam and that they comply with the origin requirements specified for goods exported to <div style="text-align: right;">_____</div> <div style="text-align: right;"><i>(importing country)</i> <hr/> <i>(Place and date, signature of authorised signatory)</i> </div>	

** Xin VCCI hướng dẫn chúng tôi hiểu rõ hơn về các phần phải khai báo trên Mẫu C/O DA.59 xuất khẩu tới Nam Phi và cách khai ra sao?*

Trả lời:

VCCI đề nghị các doanh nghiệp xuất khẩu sang Nam Phi sử dụng C/O mẫu DA59 trong trường hợp như sau: chi phí nguyên liệu mà nhà sản xuất phải trả cộng với chi phí lao động trực tiếp sản xuất ra hàng hóa đó tại Việt Nam **không ít hơn 25%** trong tổng số chi phí sản xuất ra hàng hóa đó (Quy định về quy tắc xuất xứ đối với các sản phẩm có sử dụng thành phần nguyên phụ liệu nhập khẩu) và các công đoạn gia công, sản xuất cuối cùng để sản xuất ra sản phẩm không được tiến hành tại Việt Nam và những công đoạn sản xuất khác mà Ủy ban Thương mại Quốc tế yêu cầu cho từng chủng loại hàng hóa lại không được diễn ra tại Việt Nam

Đề nghị các doanh nghiệp xuất khẩu sang Nam Phi khai C/O mẫu DA59 tại các ô như sau:

1. Điền tên và địa chỉ đầy đủ của nhà xuất khẩu/người gửi hàng

2. Điền tên và địa chỉ đầy đủ của nhà nhập khẩu/người nhận hàng
3. Ghi rõ cách thức chuyển, tên hãng vận tải, và số vận đơn của hàng gửi
4. Để trống. Phân cho Hải quan
5. Chỉ ra số tuyến hàng
6. Ghi rõ bất kỳ nhãn hay số trên bao bì
7. Điền số lượng, đơn vị tính và lô hàng được sử dụng
8. Điền vào mô tả hàng hóa
9. Ghi rõ xuất xứ hàng hóa. Ở đây sẽ là nước sản xuất
10. Điền tổng trọng lượng và/hoặc kích thước khối lô hàng
11. Ghi rõ số hóa đơn trên hóa đơn thương mại
12. Hoàn thiện mục chứng nhận bao gồm tên, nơi ký, ngày ký và cán bộ ký

Tại phần khai xuất xứ của sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất khẩu ở phía dưới Mẫu DA59, VCCI đề nghị doanh nghiệp điền đầy đủ theo hướng dẫn của bản dịch sau:

Tôi, người ký ở dưới, đã được uỷ quyền bởi
.....(ghi tên nhà xuất khẩu), chứng

nhận rằng hàng hóa miêu tả ở trên có xuất xứ tại nước ghi tại cột số 5 phù hợp với các yêu cầu tại dòng *1/*2 (*xoá bất cứ mục nào không được áp dụng và ký đầy đủ vào).

*1. Hàng hóa được liệt kê (các) mục ngược nhautại cột 1 ở trên đã được sản xuất hay gia công toàn bộ tại nước ghi rõ tại cột số 5 đối với những hàng hóa có nguyên liệu được sản xuất tại nước đó.

*2. Hàng hóa được liệt kê (các) mục ngược nhau tại cột 1 ở trên đã được sản xuất một phần hay toàn bộ từ những nguyên liệu nhập khẩu tại nước ghi rõ tại cột số 5 của hàng hóa này; và


(1) quá trình sản xuất cuối cùng đã diễn ra tại nước nói trên;

(2) chi phí nguyên liệu mà nhà sản xuất phải trả để gia công hay sản xuất toàn bộ tại nước trên cộng với chi phí lao động được thuê trực tiếp sản xuất ra hàng hóa đó không ít hơn..... % trong tổng số chi phí sản xuất ra hàng hóa đó:

(3) trong việc chỉ tính chi phí sản xuất ra những hàng hóa này thì bao gồm chi phí của tất cả nguyên vật liệu, tiền

lương và tiền công, chi phí sản xuất trực tiếp, toàn bộ chi phí nhà xưởng, chi phí những thùng hàng bên trong và các chi phí khác liên quan đến sản xuất, đã được sử dụng hay tiêu dùng trong việc sản xuất ra những hàng hóa này và không bao gồm lợi nhuận, toàn bộ chi phí bán hàng, phân phối và quản lý.

Mẫu C/O DA59:

		DECLARATION OF ORIGIN FOR THE EXPORT OF GOODS (SPECIFIED IN THE NOTE BELOW) TO THE REPUBLIC OF SOUTH AFRICA (Section 46 of the Customs and Excise Act, 1964, and the rules thereto)			DA 59	
Note to Importers: This declaration, properly completed by the supplier and signed by the authority responsible for certification thereof, must be furnished in support of goods exported to the Republic of South Africa which are subject to anti-dumping, countervailing or safeguard duties prescribed in Schedule No. 2 of the Act, or in respect of which import restrictions are imposed in South Africa against imports from a specific country or countries, and are imported from a country other than that for which the duty and / or import restriction is imposed.						
Supplier (<i>Name, address, country</i>)				Consignee (<i>Name, address, country</i>)		
Particulars of transport (<i>Insert voyage no., etc.</i>)						
1 Item No	2 Marks & Numbers	3 No & Description of packages	4 Description of goods	5 Country of origin	6 Gross Mass	7 Invoice No Reference

DECLARATION:

I, the undersigned, duly authorized by(insert name of supplier), certify that the goods described above originate in the country shown in column 5 in accordance with the requirements of paragraph *1 / *2 (*delete whichever is not applicable and sign in full).

*1. The goods enumerated opposite item(s) in column 1 above have been wholly produced or manufactured in the country stated in column 5 in respect of such goods from raw materials produced in that country.

*2. The goods enumerated opposite item(s) in column 1 above have been wholly or partly manufactured from imported materials in the country specified in column 5 of such goods; and

(a) the final process of manufacture has taken place in the said country;

(b) the cost to the manufacturer of the materials wholly produced or manufactured in the said country plus the cost of labour directly employed in the manufacture of such goods is not less than per cent of the total production cost of such goods;

(c) in calculating the production cost of such goods only the cost to the manufacturer of all materials, wages and salaries, direct manufacturing expenses, overhead factory expenses, cost of inside containers and other expenses used or expended in the manufacture of such goods have been included and charges for outside packages, profits and administrative, distribution and selling overhead expenses, and other charges incurred subsequent to the completion of the manufactured goods, have been excluded.

..... Place of issue Date
..... Full name and capacity (print) Signature

Certificate of authority responsible for certification of this declaration.

The declaration by the supplier has been verified and found correct.

..... Place and date Full name and capacity (print) Signature Stamp of Authority
--------------------------------	--	---------------------------	------------------------------------

** Xin VCCI hướng dẫn chúng tôi hiểu rõ hơn về các phần phải khai báo trên Mẫu C/O ICO xuất khẩu cà phê và cách khai báo ra sao?*

Trả lời:

1. C/O mẫu ICO được phát hành bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) theo đúng quy định của Tổ chức cà phê quốc tế (ICO).

2. C/O mẫu ICO sử dụng cho 1 loại hàng cà phê xuất xứ Việt Nam xuất khẩu đi các nước. Có các loại hàng : cà phê chè nhân, cà phê vối nhân, cà phê đã rang , cà phê hòa tan, và các loại khác. Nếu một lô hàng cà phê gồm nhiều loại hàng cà phê thì phải khai thành nhiều bộ C/O mẫu ICO tương ứng cho từng loại hàng cà phê.

3. Không phải xin C/O mẫu ICO đối với :

(a) Số lượng hàng nhỏ để tiêu dùng trực tiếp trên tàu biển, trên máy bay và các phương tiện chuyên chở thương mại quốc tế khác; và

(b) Các mẫu hàng và các kiện hàng có trọng lượng tịnh cà phê nhân trong đó không quá 60 kg hoặc quy đổi tương ứng cho các loại cà phê khác, bao gồm :

(i) 120 kg quả khô (dried coffee cherry); hoặc

(ii) 75 kg cà phê thóc (parchment); hoặc

(iii) 50,4 kg cà phê rang xay (roasted); hoặc

(iv) 23 kg cà phê hòa tan (soluble) hoặc dạng lỏng (liquid)

4. Một bộ C/O mẫu ICO tối thiểu gồm 4 bản :

1 bản **ORIGINAL** màu trắng

1 bản **FIRST COPY - for use by ICO London** màu xanh

2 bản **COPY - for internal use only** màu trắng

Ngay sau khi VCCI ký chứng nhận xuất xứ và Hải quan ký chứng nhận xuất khẩu trên ô 16, đơn vị xuất khẩu giao lại cho VCCI bản **FIRST COPY - for use by ICO London**, 1 bản **COPY - for internal use only** và bản sao vận đơn để tổng hợp và gửi cho Tổ chức cà phê quốc tế (ICO).

5. Đơn vị xuất khẩu phải lưu hồ sơ C/O mẫu ICO (trong đó có 1 bản **COPY - for internal use only** mộc đỏ) đã cấp trong vòng không ít hơn 4 năm.

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI :

C/O mẫu ICO gồm 2 phần PART A và PART B. Đơn vị xuất khẩu chỉ phải kê khai phần PART A. Cách kê khai trên các ô phần PART A như sau :

Ô 1 : điền tên đầy đủ và địa chỉ của đơn vị xuất khẩu (hoặc người gửi hàng) Việt Nam. Điền mã số đơn vị xuất khẩu (hoặc gửi hàng) do VCCI HCM cấp vào 4 ô nhỏ góc dưới phía bên phải của ô 1.

Ô 2 : điền tên, địa chỉ thông báo (bên nhận hàng, nhập khẩu). Điền mã số tương ứng của bên thông báo do đơn vị xuất khẩu tự cấp vào 4 ô nhỏ góc dưới phía bên phải của ô 2. Đơn vị xuất khẩu tự lập **DANH SÁCH TÊN ĐỊA CHỈ THÔNG BÁO (Notify address) & MÃ SỐ TƯƠNG ỨNG** theo mẫu. Mỗi lô hàng xuất có bên nhận hàng mới, đơn vị xuất khẩu tự điền mã số (theo thứ tự tăng dần từ 0001), và tên địa chỉ đầy đủ của bên thông báo này vào danh sách. Danh

sách phải xuất trình mỗi khi xin cấp C/O mẫu ICO và photo sao y gửi VCCI HCM 1 bản để tổng hợp gửi ICO.

Ô 3 : điền số thứ tự C/O mẫu ICO của đơn vị xuất khẩu trong vụ cà phê. Căn cứ ngày xuất hàng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam : vụ cà phê bắt đầu từ 1/10 hàng năm và kéo dài đến hết 30/9 năm sau. Ví dụ : vụ cà phê 2002-2003 bắt đầu từ 1/10/2002 đến hết 30/9/2003).

Ô 4 : gồm 3 ô nhỏ **Country code** cố định khai 145; **Port code** : xuất khẩu từ các cảng Thành phố Hồ Chí Minh khai 01; **Serial No.** số thứ tự C/O MẪU ICO của tổ chức cấp C/O, do tổ chức này tự theo dõi và cung cấp cho đơn vị xuất khẩu khai.

Ô 5 : điền tên nước sản xuất (Vietnam) và điền vào 3 ô nhỏ góc dưới phía bên phải của ô 5 mã số tương ứng (145).

Ô 6 : điền tên nước đến (nước nhập khẩu) và mã số tương ứng (xem **DANH SÁCH TÊN NƯỚC & MÃ SỐ TƯƠNG ƯNG**).

Ô 7 : điền ngày xuất khẩu dạng ngày / tháng / năm (DD/MM/YYYY). Ví dụ 31/06/2003.

Ô 8 : điền tên nước chuyển tải và mã số tương ứng. Trong trường hợp chuyển thẳng khai chữ **DIRECT** và 3 ô mã số để trống.

Ô 9 : điền tên tàu biển vận chuyển. Điền mã số tàu tương ứng do đơn vị xuất khẩu tự cấp vào 5 ô nhỏ góc dưới phía bên phải của ô 9. Nếu không vận chuyển bằng tàu biển, hãy điền những thông tin cần thiết về phương tiện vận chuyển được sử dụng, ví dụ như bằng xe tải (by lorry), bằng tàu hỏa (by rail), bằng máy bay (by air),... Đơn vị xuất khẩu tự lập **DANH SÁCH TÊN TÀU BIỂN VẬN CHUYỂN & MÃ SỐ TƯƠNG ƯNG** theo mẫu. Mỗi lô hàng xuất vận chuyển bằng

tàu biển mới, đơn vị xuất khẩu tự điền mã số (theo thứ tự tăng dần từ 00001), và tên tàu biển vận chuyển này vào danh sách. Danh sách phải xuất trình mỗi khi xin cấp C/O mẫu ICO và photo sao y gửi VCCI HCM 1 bản để tổng hợp gửi ICO.

Ô 10 : điền vào phần ---/----/---- các nội dung : 145 / mã số đơn vị xuất khẩu do VCCI cấp (như ô 1) / số thự tự C/O mẫu ICO của đơn vị (như ô 3).

Điền vào phần Other marks các dấu hiệu khác (nếu có).

Ô 11 : điền dấu X vào ô tương ứng.

Ô 12 : điền trọng lượng tịnh đã quy đổi ra kilôgam. Ví dụ xuất 18.23454 MTS (NW) điền số quy đổi ra kg : 18,234.54. Trường hợp cần thể hiện trọng lượng tịnh khác như chứng từ thì ghi rõ thêm trong ngoặc. Ví dụ : (18.23454 MTS).

Ô 13 : điền dấu X vào ô kg.

Ô 14 : điền 1 dấu X vào 1 ô tương ứng. Ghi rõ thêm chủng loại, hình thức cà phê nếu thuộc loại hàng cà phê khác. Lưu ý : mỗi C/O mẫu ICO chỉ khai cho 1 loại hàng cà phê. Nếu một lô hàng cà phê gồm nhiều loại hàng cà phê thì phải tách thành nhiều C/O mẫu ICO tương ứng cho mỗi loại hàng cà phê.


Ô 15 : điền dấu X vào ô phương pháp chế biến tương ứng (chế biến khô, ướt, loại bỏ chất cafêin, hữu cơ).

Ô 16 : phần bên trái điền ngày ký chứng nhận xuất khẩu dạng DD/MM/YYYY, địa điểm ký chứng nhận xuất khẩu, và ký đóng dấu của cơ quan hải quan nơi xuất hàng. Để thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra lại nên ghi rõ số và ngày tờ khai hải quan hàng xuất phía trên của phần này, chẳng hạn :
Customs declaration for export commodities No. 26424/XK/KD/KV4 dated 15/10/2002.

Phần bên phải điền ngày, địa điểm ký chứng nhận xuất
xứ của tổ chức cấp C/O.

Mẫu C/O ICO:

PART A: FOR USE BY AUTHORITIES OF ISSUING COUNTRY **ICO CERTIFICATE OF ORIGIN**

FIRST COPY – for use by ICO London	1. Exporter/Consignor <input type="text"/>	Mẫu approved by the:  INTERNATIONAL COFFEE ORGANIZATION 22 Beeners Steet, London W1T 3DD, England Tel: +44 (0) 207580 8591 Fax: +44 (0) 2075806129 Email: CERT@ICO.ORG		
	2. Notify address <input type="text"/>	3. International reference No.		
		4. Country code	Port Code	Serial No.
		5. Producing country		<input type="text"/>
	6. Country of destination <input type="text"/>	7. Date of export (DD/MM/YY)		
	8. Country of trans-shipment <input type="text"/>	9. Name of carrier <input type="text"/>		
	10. ICO Identification mark _ _ _ / _ _ _ / _ _ _ Other marks	11. Shipped in: <input type="checkbox"/> Bags <input type="checkbox"/> Bulk <input type="checkbox"/> Containers <input type="checkbox"/> Other		
		12. Net weight of shipment	13. Unit of weight kg <input type="text"/> lb <input type="text"/>	
	14. Description of coffee <input type="checkbox"/> Green Arabica <input type="checkbox"/> Green Robusta <input type="checkbox"/> Roasted <input type="checkbox"/> Soluble <input type="checkbox"/> Other (specify)			
	15. Other relevant information Processing method <input type="checkbox"/> Dry <input type="checkbox"/> Wet <input type="checkbox"/> Decaffeinated <input type="checkbox"/> Organic			

6. IT IS HEREBY CERTIFIED THAT THE COFFEE DESCRIBED ABOVE WAS GROWN IN THE COUNTRY NAMED IN BOX 5 AND HAS BEEN EXPORTED ON THE DATE SHOWN BELOW

Date	Date
Place	Place
Signature of authorized Customs officer and officer	Signature of authorized Certifying Agency and stamp of Customs stamp of issuing country

PART B: RESERVED FOR 2-D BAR CODE STICKER

17.

**** Xin VCCI hướng dẫn chúng tôi hiểu rõ hơn về các phần phải khai báo trên C/O xuất tới thị trường Thổ Nhĩ Kỳ và cách khai báo ra sao?***

Trả lời:

Ý nghĩa và cách khai thông tin trên C/O Mẫu Thổ Nhĩ Kỳ:

Ô số 1: kê khai tên, địa chỉ, quốc gia của người xuất khẩu (Việt Nam), có thể ghi đại diện cho một công ty khác, tên công ty này sẽ được ghi sau phần tên và địa chỉ đầy đủ của công ty xuất khẩu Việt Nam.

Ô số 2: để trống

Ô số 3: kê khai tên, địa chỉ, nước của người nhận hàng.

Trường hợp nhận hàng theo chỉ định sẽ được khai báo là:

TO ORDER hoặc

C/O

C M NANG VÈ

185

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

TO ORDER OF <người ra chỉ định>,

Ghi thống nhất với vận đơn và các chứng từ giao nhận hợp lệ khác.

Ô số 4: kê khai về vận tải (càng chi tiết càng tốt) như

- Hình thức vận chuyển;
- Tên phương tiện vận chuyển;
- Số và ký hiệu chuyến, hành trình;
- Cửa khẩu xuất hàng;
- Cửa khẩu nhận hàng cuối cùng;
- Số và ngày vận đơn.

Ví dụ:

M/V : UNI PACIFIC V.142S

FROM : NOI BAI, VIET NAM

TO : TURKEY

B/L No. : 827045312 DATED : NOV 10, 2008

Ô số 5: Kê khai nhãn hiệu, số và loại của thùng hàng (nếu có); tên và mô tả hàng.

- Khai tên cụ thể và mô tả rõ về hàng hóa xuất khẩu.
Ghi tên hàng hóa ghi trên Tờ khai Hải Quan hàng xuất, không

thay đổi tên hàng hóa, hoặc khai tên chung chung như FROZEN PRODUCT

- Ghi rõ số, ngày tờ khai hải quan hàng xuất (nếu đã có) trên ô 5 : CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT COMMODITIES No. <số đầy đủ của tờ khai hải quan hàng xuất> DATED <ngày tờ khai hải quan hàng xuất>. Trường hợp người khai báo hải quan và người gửi hàng khác nhau phải ghi rõ thêm về người khai báo: DECLARED BY <người khai báo>.

- Ghi rõ số, ngày giấy phép xuất khẩu (nếu có) trên ô 6 : EXPORT LICENCE No.<số đầy đủ của giấy phép xuất khẩu> DATED <ngày giấy phép xuất khẩu >

* Lưu ý : kê khai số container, số niêm chì (cont./seal No. ..) nếu đã xác định.

Ô số 6: Kê khai trọng lượng gộp hoặc số lượng khác của hàng hóa.

Lưu ý :

Ô số 5, 6 phải khai thẳng hàng tên và trọng lượng (hoặc số lượng) của mỗi loại hàng.

+ Trường hợp tên hàng và mô tả nhiều có thể khai báo sang trang tiếp, mỗi trang khai báo rõ số thứ tự trang ở góc dưới ô 5 (Ví dụ : Page 1/3 ghi rõ to be continue on attached list)

Ô số 7: kê khai số và ngày của hóa đơn. Trường hợp hàng xuất không có hóa đơn phải ghi rõ lý do.

C/O

CƠM NANG VÈ

187

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Ô số 8: Doanh nghiệp ghi rõ ngày tháng và địa điểm, còn lại để trống.

Mẫu C/O Thổ Nhĩ Kỳ:

1. Exporter (name, address, country)	2. <h2 style="text-align: center;">CERTIFICATE OF ORIGIN</h2>		
3. Consignee (name, address, country)			
4. Particulars of transport (where required)			
5. Marks, Numbers, Numbers and kind of packager; Description of the goods	6. Gross weight	8. Number and date of invoices	
8. Other information <p style="text-align: right;">It is hereby certified that the above mentioned goods originate in Viet Nam</p> <p style="text-align: right;">CERTIFYING BODY VIETNAM CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY</p> <p style="text-align: right;">Place and date of issue</p> <p style="text-align: right;">Authorised signature</p> <p>Stamp</p>			

*** Cách khai trên C/O ưu đãi FTA ASEAN – TRUNG QUỐC Mẫu E ?**

Trả lời:

C/O Mẫu E phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung khai phải phù hợp với tờ khai hải quan đã làm thủ tục hải quan và các chứng từ khác như vận đơn, hoá đơn thương mại và Biên bản kiểm tra xuất xứ của Tổ chức Giám định hàng hoá xuất nhập khẩu (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra). Nội dung kê khai C/O mẫu E cụ thể như sau:

1. Ô số 1: ghi tên giao dịch của người xuất khẩu, địa chỉ, tên quốc gia xuất khẩu (Việt nam).

2. Ô số 2: ghi tên người nhận hàng, địa chỉ, tên nước.

3. Ô trên cùng bên phải: do Tổ chức cấp C/O ghi. Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, chi tiết cách ghi như sau:

a) Nhóm 1: 02 ký tự “VN” (viết in hoa) là viết tắt của hai (02) chữ Việt Nam.

b) Nhóm 2: 02 ký tự (viết in hoa) là viết tắt tên nước nhập khẩu, quy định các chữ viết tắt như sau:

CN: Trung Quốc

TH: Thái Lan

BN: Bruney

LA: Lào

KH: Campuchia

ID: Indonesia

MY: Malaysia

MM: Myanmar

PH: Philippines

SG: Singapore

c) Nhóm 3: 02 ký tự biểu hiện năm cấp C/O

d) Nhóm 4: 02 ký tự, thể hiện tên Tổ chức cấp C/O theo danh sách được Bộ Thương mại uỷ quyền với các mã số như sau:

STT	Tên đơn vị	Mã số
1	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội	1
2	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	2
3	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng	3
4	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai	4
5	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Hải Phòng	5
6	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương	6
7	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực	7

STT	Tên đơn vị	Mã số
	Vũng Tàu	
8	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Lạng Sơn	8
9	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Quảng Ninh	9

đ) Nhóm 5: 05 ký tự, biểu hiện số thứ tự của C/O Mẫu E

e) Giữa các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O Mẫu E mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Trung Quốc trong năm 2007 thì cách ghi số tham chiếu của C/O Mẫu E này sẽ là: VN-CN 07/02/00006

4. Ô số 3: Ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì đánh “By air”, nếu gửi bằng đường biển thì đánh tên tàu) và tên cảng bốc dỡ hàng.

5. Ô số 4: Để trống. Sau khi nhập khẩu hàng hoá, cơ quan hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ

đánh dấu thích hợp trước khi gửi lại cho tổ chức đã cấp C/O Mẫu E này.

6. Ô số 5: Danh mục hàng hoá (01 mặt hàng, 01 lô hàng, đi 01 nước, trong một thời gian)

7. Ô số 6: Ký hiệu và số hiệu của kiện hàng

8. Ô số 7: Số kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hoá (bao gồm số lượng và mã HS của nước nhập khẩu).

9. Ô số 8: Hướng dẫn cụ thể như sau:

<p>Hàng hóa được sản xuất tại nước có tên đầu tiên ở ô số 11 của C/O này gồm các trường hợp sau:</p>	<p>Điền vào ô số 8:</p>
<p>a) Hàng hoá có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại nước xuất khẩu theo Điều 3 của Phụ lục I</p>	<p>Ghi "X"</p>
<p>b) Hàng hoá có xuất xứ không thuần túy theo Điều 4 của Phụ</p>	<p>Ghi tỉ lệ phần trăm hàm lượng được tính theo giá FOB của hàng hóa được sản xuất hay khai thác tại Việt</p>

lục I	Nam, chẳng hạn ghi 40%
c) Hàng hoá có xuất xứ không thuần túy theo Điều 4 và Điều 5 của Phụ lục I (xuất xứ cộng gộp)	Ghi tỉ lệ phần trăm hàm lượng cộng gộp ACFTA được tính theo giá FOB, chẳng hạn ghi 40%
d) Hàng hóa đáp ứng Điều 6 của Phụ lục I	Ghi “Product Specific Rules”

10. Ô số 9: Trọng lượng cả bì của hàng hoá (hoặc số lượng khác) và giá trị FOB.

11. Ô số 10: Số và ngày của hoá đơn thương mại.

12. Ô số 11:

a) Dòng thứ nhất ghi chữ “Vietnam”.

b) Dòng thứ hai ghi đầy đủ tên nước nhập khẩu.

c) Dòng thứ ba ghi địa điểm cấp, ngày tháng năm, và chữ ký của người được uỷ quyền ký cấp.

13. Ô số 12: Để trống

a) Trường hợp cấp sau theo quy định tại khoản 2, Điều 10, Phụ lục III thì ghi: “ISSUED RETROACTIVELY”.

b) Trường hợp cấp lại theo quy định tại Điều 11,
Phụ lục III thì ghi: “CERTIFIED TRUE COPY”.

Mẫu C/O E:

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)		Reference No. ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		MÃU E Issued in _____ (Country) See Notes Overleaf			
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge		4. For Official Use <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given Under ASEAN-CHINA Free Trade Area Preferential Tariff <hr/> <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) <hr/> Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including	8. Origin criterion (see Notes overleaf)	9. Gross weight or other	10. Number and date of

	quantity where appropriate and HS number of the importing country)	quantity and value (FOB)	invoices
<p>11. Declaration by the exporter</p> <p>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in</p> <p>.....</p> <p>(Country)</p> <p>and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the ASEAN-CHINA Free Trade Area Preferential Tariff for the goods exported to</p> <p>.....</p> <p>(Importing Country)</p> <p>.....</p> <p>Place and date, signature of authorised signatory</p>		<p>12. Certification</p> <p>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p> <p>.....</p> <p>Place and date, signature and stamp of certifying authority</p>	

**** Xin VCCI hướng dẫn chúng tôi hiểu rõ hơn về các phần phải khai báo trên C/O ưu đãi FTA ASEAN – NHẬT BẢN Mẫu AJ và cách khai báo ra sao?***

Trả lời:

C/O phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung khai phải phù hợp với Tờ khai hải quan xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan và các chứng từ khác như Vận tải đơn, Hoá đơn thương mại và Biên bản kiểm tra xuất xứ của Tổ chức Giám định hàng hoá xuất nhập khẩu (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra). Nội dung kê khai C/O cụ thể như sau:

1. Ô số 1: tên giao dịch của người xuất khẩu, địa chỉ, tên nước xuất khẩu (Việt Nam).

2. Ô số 2: tên người nhận hàng, địa chỉ, tên nước nhập khẩu.

3. Ô trên cùng bên phải ghi số tham chiếu (do Tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: tên nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là “VN”;

b) Nhóm 2: tên nước thành viên nhập khẩu gồm 02 ký tự như sau:

BN: Bru-nây

MM: Mi-an-ma

KH: Cam-pu chia

PH: Phi-lip-pin

ID: In-đô-nê-xi-a

SG: Xinh-ga-po

LA: Lào

TH: Thái Lan

MY: Ma-lai-xi-a

JP: Nhật Bản

c) Nhóm 3: năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ: cấp năm 2009 sẽ ghi là “09”;

d) Nhóm 4: ký hiệu viết tắt tên Tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh sách các Tổ chức cấp C/O được quy định cụ thể tại Phụ lục 13;

đ) Nhóm 5: số thứ tự của C/O, gồm 05 ký tự;

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang “-”. Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”.

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O Mẫu AJ mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Nhật Bản trong năm 2009 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này sẽ là: VN-JP 09/02/00006.

4. Ô số 3: ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì đánh “By air”, nếu gửi bằng đường biển thì đánh tên tàu và tên cảng bốc dỡ hàng).

5. Ô số 4: cơ quan Hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ đánh dấu (√) vào ô thích hợp.

6. Ô số 5: số danh mục hàng hoá (nhiều mặt hàng thuộc một lô hàng đi một nước trong một thời gian).

7. Ô số 6: ký hiệu và số hiệu của kiện hàng.

8. Ô số 7:

- Số kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hoá (bao gồm số lượng và mã HS của nước nhập khẩu).

9. Ô số 8: hướng dẫn cụ thể như sau:

Hàng hóa được sản xuất tại nước ghi đầu tiên ở ô số 11 của C/O:	Điền vào ô số 8:
a) Hàng hoá đáp ứng quy định tại khoản 3, Điều 2 của Phụ lục 1	“PE”
b) Hàng hoá có xuất xứ thuần túy theo Điều 3 của Phụ lục 1	“WO”
c) Hàng hóa đáp ứng quy định tại khoản 1, Điều 4 của Phụ lục 1	“CTH” hoặc “RVC”
d) Hàng hóa đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 4 của Phụ lục 1 - Thay đổi mã số hàng hóa	“CTC” “RVC”

- Hàm lượng giá trị khu vực - Công đoạn gia công chế biến cụ thể	“SP”
Ngoài ra, người xuất khẩu cũng ghi những quy định thích hợp sau:	
đ) Hàng hóa đáp ứng quy định tại Điều 6 của Phụ lục 1	“DMI”
e) Hàng hóa đáp ứng quy định tại Điều 7 của Phụ lục 1	“ACU”

10. Ô số 9: trọng lượng cả bì của hàng hoá (hoặc số lượng khác) và trị giá FOB.

11. Ô số 10: số và ngày của hoá đơn thương mại.

12. Ô số 11:

- Dòng thứ nhất ghi chữ “VIETNAM”.

- Dòng thứ hai ghi đầy đủ tên tiếng Anh của nước nhập khẩu bằng chữ in hoa (ví dụ: “JAPAN”).

- Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O, tên, chữ ký của người đề nghị cấp C/O, con dấu và tên công ty của người đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 12: dành cho cán bộ của Tổ chức cấp C/O ghi: ngày tháng năm cấp C/O, chữ ký của cán bộ cấp C/O, tên của cán bộ cấp C/O, con dấu của Tổ chức cấp C/O.

14. Ô số 13:

- Đánh dấu (✓) bằng viết tay hoặc bằng máy tính vào ô “Third Country Invoicing” (Hóa đơn do nước thứ ba phát hành) trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bởi nước thứ ba. Số của hóa đơn cấp cho hàng hóa nhập khẩu vào nước thành viên nhập khẩu được ghi tại ô số 10. Tên đầy đủ và địa chỉ của công ty hoặc người phát hành hóa đơn được ghi vào ô số 7.

Trong trường hợp ngoại lệ hóa đơn thương mại được phát hành bởi nước thứ ba không sẵn có vào thời điểm cấp C/O, số và ngày của hóa đơn do người xuất khẩu (được cấp C/O) phát hành được ghi vào ô số 10. Ô “Third Country Invoicing” thuộc ô số 13 được đánh dấu (✓), và ô số 7 được ghi nội dung: hàng hóa xuất khẩu sẽ được cấp một hóa đơn khác do nước thứ ba phát hành cho mục đích nhập khẩu vào nước thành viên nhập khẩu. Ô số 7 cũng được ghi tên và địa chỉ đầy đủ của công ty hoặc người sẽ phát hành hóa đơn nước thứ ba. Trong trường hợp này, cơ quan Hải quan của nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp các hóa đơn và các chứng từ có liên quan khác có nội dung xác nhận giao dịch giữa nước thành viên xuất khẩu và nước thành

viên nhập khẩu, đối với hàng hóa được khai báo nhập khẩu.

- Đánh dấu (√) bằng viết tay hoặc bằng máy tính vào ô “Back-to-Back CO” (C/O giáp lưng) trong trường hợp Tổ chức cấp C/O của nước thành viên trung gian cấp C/O giáp lưng.

- Đánh dấu (√) bằng viết tay hoặc bằng máy tính vào ô “Issued Retroactively” (C/O cấp sau) trong trường hợp cấp sau C/O do sai sót hoặc vì lý do chính đáng khác.

15. Các hướng dẫn khác:

- Trong trường hợp có nhiều mặt hàng khai trên cùng một C/O, nếu mặt hàng nào không được hưởng ưu đãi thuế quan, cơ quan Hải quan đánh dấu vào ô “Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)” thuộc ô số 4 và mặt hàng đó cần được khoanh tròn hoặc đánh dấu thích hợp tại ô số 5./.

Mẫu AJ:

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)			Reference No. THE AGREEMENT ON COMPREHENSIVE ECONOMIC PARTNERSHIP AMONG MEMBER STATES OF THE ASSOCIATION OF SOUTHEAST ASIAN NATIONS AND JAPAN (AJCEP AGREEMENT) CERTIFICATE OF ORIGIN MÃU AJ Issued in _____ (Country) See Notes Overleaf		
2. Goods consigned to (Importer's/Consignee's name, address, country)					
3. Means of transport and route (as far as known) Shipment date Vessel's name/Aircraft etc. Port of discharge			4. For Official Use Preferential Treatment Given Under AJCEP Agreement Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country		
5. Item number	6. Marks and numbers of packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing Party)	8. Origin criteria (see Notes overleaf)	9. Quantity (gross or net weight or other quantity) and value, e.g. FOB if required by exporting Party	10. Number and date of Invoices

<p>11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in</p> <p>..... (Country) and that they comply with the requirements specified for these goods in the AJCEP Agreement for the goods exported to</p> <p>..... (Importing Country) Place and date, name, signature and company of authorised signatory</p>	<p>12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p> <p>..... Place and date, signature and stamp of certifying authority</p>
<p>13. <input type="checkbox"/> Third Country Invoicing <input type="checkbox"/> Back-to-Back CO <input type="checkbox"/> Issued Retroactively</p>	

**** Xin VCCI hướng dẫn chúng tôi hiểu rõ hơn về các phần phải khai báo trên C/O ưu đãi FTA VIỆT NAM – LÀO Mẫu S và cách khai báo ra sao?***

Trả lời:

Giấy chứng nhận Mẫu S phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung khai phải phù hợp với tờ khai hải quan đã được thanh khoản và các chứng từ khác như vận đơn, hoá đơn thương mại và Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ của Tổ chức Giám định hàng hoá xuất nhập khẩu (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra)

- Ô số 1: tên giao dịch của người xuất hàng + địa chỉ + tên nước (Việt Nam)

- Ô số 2: Tên người nhận hàng + địa chỉ + tên nước (phù hợp với tờ khai hải quan đã được thanh khoản)

- Ô trên cùng bên phải: Do cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ ghi. Số tham chiếu gồm tối thiểu 12 ký tự, chia làm 5 nhóm, chi tiết cách ghi như sau:

* Nhóm 1: 02 ký tự “VN” (viết in) là viết tắt của 2 chữ Việt Nam.

* Nhóm 2: 02 ký tự (viết in) là viết tắt tên nước nhập khẩu, quy định các chữ viết tắt như sau:

LA: Lào

* Nhóm 3: 02 ký tự biểu hiện năm cấp giấy chứng nhận

* Nhóm 4: 01 (hoặc 02) ký tự thể hiện tên Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực và các cơ quan thẩm quyền do Bộ Thương mại uỷ quyền cấp Giấy chứng nhận Mẫu S theo quy định như sau:

Số 1: Hà Nội

Số 5: Hải Phòng

Số 2: Hồ Chí Minh

Số 6: Bình Dương

Số 3: Đà Nẵng

Số 7: Vũng Tàu

Số 4: Đồng Nai

Số 8: Lạng Sơn

Số 9: Quảng Ninh

* Nhóm 5: Gồm 05 ký tự biểu hiện số thứ tự của Giấy chứng nhận Mẫu S

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Mẫu S mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Lào trong năm 2005 thì cách ghi số tham chiếu của Giấy chứng nhận Mẫu S này sẽ như sau:

VN-LA 05 2 00006

- Ô số 3: Tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì đánh “By air”, nếu gửi bằng đường biển thì đánh tên tàu) + từ cảng nào? đến cảng nào? by truck,...vv

- Ô số 4: Đê trống (sau khi nhập khẩu hàng hoá, cơ quan hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ đánh dấu thích hợp trước khi gửi lại cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ đã cấp Giấy chứng nhận Mẫu S này).

- Ô số 5: Danh mục hàng hoá

- Ô số 6: Ký mã và số hiệu của kiện hàng

- Ô số 7: Số loại kiện hàng, mô tả hàng hoá (bao gồm số lượng và số HS của nước nhập khẩu).

- Ô số 8: Hướng dẫn cụ thể như sau:

a. Trường hợp hàng hoá/sản phẩm có xuất xứ toàn bộ tại Việt Nam (không sử dụng nguyên phụ liệu nhập khẩu) thì đánh chữ “X”

b. Hàng hoá không được sản xuất hay khai thác toàn bộ tại Việt Nam như Quy tắc 3 Phụ lục 1 của Quy chế xuất xứ sẽ nêu ở phần sau theo quy định của Hiệp định Việt - Lào thì ghi

rõ số phần trăm giá trị đã được tính theo giá FOB của hàng hoá được sản xuất hay khai thác tại Việt Nam, ví dụ 40%.

c. Hàng hoá có xuất xứ cộng gộp như Quy tắc 4 Phụ lục 1 của Qui chế xuất xứ Việt – Lào nêu tại Phụ lục 1 thì ghi rõ số phần trăm của hàm lượng có xuất xứ cộng gộp Việt – Lào, ví dụ 40%.

- Ô số 9: Trọng lượng cả bì hoặc số lượng và giá trị khác (Giá FOB).

- Ô số 10: Số và ngày của hoá đơn thương mại.

- Ô số 11: Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm, chữ ký, dấu (nếu có)

- Ô số 12: Do cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ chứng nhận.

+ Trường hợp cấp sau theo quy định tại Điều 8 thì ghi: “Issued retroactively”.

+ Trường hợp cấp lại theo quy định tại Điều 9 thì ghi: “Certified true copy”.

Mẫu S:

1. Goods consigned from (Exporter's bussiness name, address, country)			Reference No. VIETNAM-LAOS PREFERENTIAL TARIFF AGREEMENT CERTIFICATE OG ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) MẪU S Issued in (Country) See Overleaf Notes		
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)					
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Track's name / Aircraft etc. Port of Discharge			4. For Official Use <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given Under Vietnam-Laos Preferential Tariff Agreement <input type="checkbox"/> Pre ferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country		
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country at 8 digit)	8. Origin criterion (see Notes overleaf)	9. Gross weight or other quantuty and value (FOB)	10. Number and date of invoices

<p>11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in (Country) And that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Rules of Origin of the Vietnam-Laos Preferential Tariff Agreement for the goods exported to (Importing country) Place and date, signature of authorised signatory</p>	<p>12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority</p>
<p>13. <input type="checkbox"/> Third-Country Invoicing <input type="checkbox"/> Exhibition <input type="checkbox"/> Accumulation <input type="checkbox"/> De Minimis <input type="checkbox"/> Partial Cumulation <input type="checkbox"/> Issued Retroactively</p>	

**** Hướng dẫn các khai trên Mẫu C/O ưu đãi AIFTA theo FTA ASEAN ẨM ĐỘ ?***

Trả lời:

C/O phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy (trừ trường hợp hướng dẫn ở khoản 15 dưới đây). Nội dung khai phải phù hợp với các chứng từ quy định tại Điều 5 và Điều 6 của thông tư. Nội dung kê khai C/O cụ thể như sau:

1. Ô số 1: tên giao dịch của người xuất khẩu, địa chỉ, tên quốc gia xuất khẩu (Việt Nam).

2. Ô số 2: Tên người nhận hàng, địa chỉ, tên nước.

3. Ô trên cùng bên phải ghi số tham chiếu (do Tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: tên viết tắt nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là “VN”;

b) Nhóm 2: tên viết tắt của nước thành viên nhập khẩu thuộc Hiệp định AIFTA, gồm 02 ký tự như sau:

BN: Bru-nây	MY: Ma-lai-xi-a
IN: Ấn Độ	MM: Mi-an-ma
KH: Cam-pu-chia	PH: Phi-lip-pin
ID: In-đô-nê-xi-a	SG: Xinh-ga-po
LA: Lào	TH: Thái Lan

c) Nhóm 3: năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ: cấp năm 2010 sẽ ghi là “10”;

d) Nhóm 4: tên Tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh sách các Tổ chức cấp C/O được quy định cụ thể tại Phụ lục 10;

đ) Nhóm 5: số thứ tự của C/O, gồm 05 ký tự;

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang “-”. Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”.

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Ấn Độ trong năm 2010 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này sẽ là: VN-IN10/02/00006.

4. Ô số 3: ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì đánh “By air”, nếu gửi bằng đường biển thì đánh tên tàu) và tên cảng dỡ hàng.

5. Ô số 4: cơ quan Hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ đánh dấu ✓ vào ô thích hợp.

6. Ô số 5: số thứ tự các mặt hàng (nhiều mặt hàng ghi trên 1 C/O, mỗi mặt hàng có một số thứ tự riêng).

7. Ô số 6: ký hiệu và số hiệu của kiện hàng.

8. Ô số 7: số lượng kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hoá (bao gồm số lượng và mã HS của nước nhập khẩu).

9. Ô số 8: ghi tiêu chí xuất xứ của hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất tại nước ghi đầu tiên ở ô số 11 của C/O:	Điền vào ô số 8:
--	-------------------------

a) Hàng hoá có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại nước xuất khẩu	WO
b) Hàng hoá có xuất xứ không thuần túy theo Điều 4 của Phụ lục 1	RVC (x%) + CTSH
c) Hàng hoá đáp ứng Điều 6 (Quy tắc sản phẩm cụ thể) của Phụ lục 1	Tiêu chí tương ứng thích hợp

10. Ô số 9: trọng lượng cả bì của hàng hoá (hoặc đơn vị đo lường khác) và trị giá FOB.

11. Ô số 10: số và ngày của hoá đơn thương mại được cấp cho lô hàng nhập khẩu vào nước nhập khẩu.

12. Ô số 11:

- Dòng thứ nhất ghi tên nước xuất khẩu.

- Dòng thứ hai ghi tên nước nhập khẩu.

- Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O, họ tên, chữ ký của người ký đơn đề nghị cấp C/O và tên công ty đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 12: dành cho cán bộ Tổ chức cấp C/O ghi: địa điểm, ngày tháng năm cấp C/O, chữ ký của cán bộ cấp C/O, con dấu của Tổ chức cấp C/O.

Trường hợp cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, dòng chữ “CERTIFIED TRUE COPY” và ngày cấp bản sao này được đánh máy hoặc đóng dấu lên Ô số 12 của C/O theo quy định tại Điều 10 của Phụ lục 4.

14. Ô số 13:

- Đánh dấu √ vào ô “Back-to-Back CO” trong trường hợp tổ chức cấp C/O của nước trung gian cấp C/O giáp lưng theo Điều 9 của Phụ lục 4. Tên của nước thành viên xuất khẩu ban đầu phải được nêu tại Ô số 11. Ngày phát hành và số tham chiếu của C/O gốc phải được ghi tại Ô số 7;

- Đánh dấu √ vào ô “Third-party invoicing” trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bởi một công ty có trụ sở tại một nước thứ ba hoặc bởi nhà xuất khẩu đại diện cho công ty đó theo quy định tại Điều 20 của Phụ lục 4. Tên và nước nơi công ty phát hành hóa đơn đặt trụ sở cần được ghi trong Ô số 7;

- Đánh dấu √ vào ô “Cumulation” trong trường hợp hàng hoá có xuất xứ của một nước thành viên được sử dụng làm nguyên liệu tại lãnh thổ của một nước thành viên khác để sản xuất ra một sản phẩm hoàn chỉnh như quy định tại Điều 5 của Phụ lục 1.

- Đánh dấu \checkmark vào ô “Exhibition” trong trường hợp hàng hóa được chuyển từ lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu đến để triển lãm tại một nước khác và được bán trong quá trình hoặc sau khi triển lãm để nhập khẩu vào lãnh thổ của nước thành viên nhập khẩu theo Điều 19 của Phụ lục 4. Tên và địa chỉ của nơi diễn ra triển lãm phải được ghi vào Ô số 2.

15. Các hướng dẫn khác:

- Trong trường hợp có nhiều mặt hàng khai trên cùng một C/O, nếu mặt hàng nào không được hưởng ưu đãi thuế quan, cơ quan Hải quan đánh dấu thích hợp vào ô số 4 và mặt hàng đó cần được khoanh tròn hoặc đánh dấu thích hợp tại ô số 5.

- Ô số 13 có thể được đánh dấu \checkmark bằng tay hoặc in bằng máy vi tính./.

Mẫu C/O AIFTA:

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)			Reference No. ASEAN-INDIA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) MÃU AI Issued in _____ (Country) See Notes Overleaf		
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)					
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge			4. For Official Use Preferential Tariff Treatment Given Under ASEAN-India Free Trade Area Preferential Tariff Preferential Tariff Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country		
5. Item number	6. Marks and numbers on Packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country)	8. Origin criterion (see Notes overleaf)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of Invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the ASEAN-INDIA Free Trade Area Preferential Tariff for the goods exported to (Importing Country) Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		

13. Where appropriate please tick:

Third Country Invoicing Exhibition Back-to-Back CO Cumulation

**** Xin VCCI hướng dẫn chúng tôi hiểu rõ hơn về các phần phải khai báo trên C/O wu ãi FTA VIỆT NAM – NHẬT BẢN Mẫu VJ và cách khai báo ra sao?***

Trả lời:

C/O phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung khai phải phù hợp với các chứng từ quy định tại Điều 5 và Điều 6 của thông tư. Nội dung kê khai C/O cụ thể như sau:

1. Ô số 1: tên giao dịch của người xuất khẩu, địa chỉ, tên nước xuất khẩu.

2. Ô số 2: tên người nhập khẩu hoặc người nhận hàng (nếu có áp dụng), địa chỉ, tên nước nhập khẩu.

3. Ô trên cùng bên phải ghi số tham chiếu (do Tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: tên nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là “VN”;

b) Nhóm 2: tên nước thành viên nhập khẩu là Nhật Bản, gồm 02 ký tự là “JP”

c) Nhóm 3: năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ: cấp năm 2009 sẽ ghi là “09”;

d) Nhóm 4: ký hiệu viết tắt tên Tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự như quy định tại Phụ lục 11;

đ) Nhóm 5: số thứ tự của C/O, gồm 05 ký tự;

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang “-”. Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”.

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O Mẫu VJ mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Nhật Bản trong năm 2009 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này sẽ là: VN-JP 09/02/00006.

4. Ô số 3: tên cảng xếp hàng, cảng chuyển tải, cảng dỡ hàng, và tên tàu hoặc số chuyến bay, nếu đã biết. Trong trường hợp C/O cấp sau, ghi ngày giao hàng (chẳng hạn như ngày ghi trên vận tải đơn).

5. Ô số 4: số thứ tự của từng hàng hoá (nếu cần thiết), ký hiệu và số mã hiệu của kiện hàng, số kiện hàng, loại kiện hàng, mã HS (2007) của nước nhập khẩu (ở cấp 6 số) và mô tả hàng hoá.

6. Ô số 5: ghi tiêu chí xuất xứ như bảng hướng dẫn dưới đây hoặc bất kỳ sự kết hợp nào giữa các tiêu chí đó:

Hàng hoá được sản xuất tại nước ghi đầu tiên ở ô số 9 của C/O:	Điền vào ô số 5:
a) Hàng hoá có xuất xứ thuần túy theo Điều 3 của Phụ lục 1	“WO”
b) Hàng hóa đáp ứng quy định tại khoản 1, Điều 4 của Phụ lục 1	“CTH” hoặc “LVC”
c) Hàng hóa đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 4 của Phụ lục 1 - Thay đổi mã số hàng hóa - Hàm lượng giá trị khu vực - Công đoạn gia công chế biến cụ thể	“CTC” “LVC” “SP”
d) Hàng hoá đáp ứng quy định tại khoản 3, Điều 2 của Phụ lục 1	“PE”
Ngoài ra, người xuất khẩu cũng ghi những tiêu chí thích hợp sau:	
đ) Hàng hóa đáp ứng quy định tại Điều	“DMI”

6 của Phụ lục 1	
e) Hàng hóa đáp ứng quy định tại Điều 7 của Phụ lục 1	“ACU”
g) Hàng hóa đáp ứng quy định tại Điều 13 của Phụ lục 1	“IIM”

7. Ô số 6: ghi trọng lượng hoặc số lượng khác (trọng lượng cả bì hoặc trọng lượng tịnh) đối với mỗi hàng hoá.

8. Ô số 7: ghi số và ngày của hoá đơn thương mại. Hoá đơn phải là hoá đơn được cấp cho lô hàng nhập khẩu vào nước thành viên nhập khẩu.

Trong trường hợp hoá đơn do một công ty không phải là nhà xuất khẩu phát hành và công ty phát hành hoá đơn không có trụ sở tại Việt Nam hoặc Nhật Bản, người khai cần ghi vào ô số 8 dòng chữ hoá đơn được phát hành bởi một nước thứ ba, trong đó ghi tên giao dịch pháp lý và địa chỉ của công ty đã phát hành hoá đơn đó.

Trong trường hợp ngoại lệ, số của hóa đơn thương mại được phát hành bởi nước thứ ba không được biết vào thời điểm cấp C/O, số và ngày của hóa đơn do người xuất khẩu (được cấp C/O) phát hành được ghi vào ô số 7, và cần ghi vào ô số 8 với nội dung hàng hoá sẽ có hoá đơn

khác do nước thứ ba cấp cho lô hàng nhập khẩu vào nước thành viên nhập khẩu, đồng thời ghi cụ thể tên giao dịch pháp lý và địa chỉ của công ty sẽ phát hành hoá đơn đó. Trong trường hợp này, cơ quan Hải quan của nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp các hóa đơn và các chứng từ có liên quan khác có nội dung xác nhận giao dịch giữa nước thành viên xuất khẩu và nước thành viên nhập khẩu, đối với hàng hóa được khai báo nhập khẩu.

9. Ô số 8: Trong trường hợp C/O được cấp sau, tổ chức cấp C/O cần ghi dòng chữ “Issued Retroactively” (C/O cấp sau) lên ô này. Nếu C/O được cấp mới theo điểm b, khoản 2, Điều 4 và khoản 1, Điều 5 của Phụ lục 5, tổ chức cấp C/O cần ghi ngày cấp và số tham chiếu của C/O gốc lên C/O mới này. Trong trường hợp cấp bản sao chứng thực từ C/O gốc theo khoản 2, Điều 5 của Phụ lục 5, tổ chức cấp C/O cần ghi dòng chữ “CERTIFIED TRUE COPY” lên ô số 8. Tổ chức cấp C/O cũng có thể ghi những ghi chú khác.

10. Ô số 9: Ghi ngày, địa điểm, tên người ký, tên công ty, chữ ký, và đóng dấu của nhà xuất khẩu hoặc người được uỷ quyền. Ngày ghi tại ô này là ngày đề nghị cấp C/O.

11. Ô số 10: dành cho cán bộ của Tổ chức cấp C/O ghi: ngày tháng năm, địa điểm cấp C/O, chữ ký của cán

bộ cấp C/O (chữ ký có thể là chữ ký tay hoặc chữ ký điện tử), tên của cán bộ cấp C/O, con dấu của Tổ chức cấp C/O.

1. Exporter's Name, Address and Country:	Certification No.	Number of page /		
2. Importer's Name or Consignee's Name (if applicable), Address and Country:	AGREEMENT BETWEEN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND JAPAN FOR AN ECONOMIC PARTNERSHIP CERTIFICATE OF ORIGIN Mẫu VJ <u>Issued in Vietnam</u>			
3. Transport details (means and route)(if known):				
4. Item number (as necessary); Marks and numbers; Number and kind of packages; HS code; Description of good(s):	5. Preference criteria	6. Weight or other quantity	7. Invoice number(s) and date(s)	
8. Remarks:				
<p>9. Declaration by the exporter: I, the undersigned, declare that:</p> <ul style="list-style-type: none"> - the above details and statement are true and accurate. - the good(s) described above meet the condition(s) required for the issuance of this certificate; - the country of origin of the good(s) described above is <p>Place and Date:</p> <p>Signature:</p> <p>Name (printed):</p> <p>Company:</p>	<p>10. Certification</p> <p>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p> <p>Competent governmental authority or Designee office:</p> <p>Stamp</p> <p>Place and Date:</p> <p>Name (printed)</p> <p>Signature:</p>			

C/O

CÔNG NANG VÈ | 221
GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ